



The
Last Leaf

Chiếc lá cuối cùng

O' Henry

Chia sẻ ebook: <http://www.downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

Table of Contents

[CĂN PHÒNG ĐỦ TIỆN NGHI](#)

[CÂU CHUYỆN TỈNH LẺ](#)

[CÂY XƯƠNG RỒNG](#)

[CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG](#)

[DẤU VẾT CỦA BIN ĐEN](#)

[ĐÊM Ả RẬP TẠI QUẢNG TRƯỜNG MADIXON](#)

[MỐI TÌNH CỦA NGÀI KHOẢN DỊCH VIÊN](#)

[MÓN QUÀ GIÁNG SINH](#)

[NHỮNG CON ĐƯỜNG CHÚNG TA CHỌN](#)

[NHỮNG MẪU BÁNH MỠ KIẾN HIỆU](#)

[NHỮNG QUẢ TIM VÀ NHỮNG BÀN TAY](#)

[PXYSE VÀ NHÀ CHỌC TRỜI](#)

[SAU 20 NĂM](#)

[SỰ RA MẮT NGẮN NGỦI CỦA TINĐY](#)

[TAY SÚNG VÀ TAY ĐÀN](#)

[TAY TRỘM HOÀN LƯƠNG](#)

TIỀN VÀ THẦN TÌNH YÊU

XUAN VỀ TRÊN THỰC ĐƠN

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN O' HENRY

CĂN PHÒNG ĐỦ TIỆN NGHI

CÂU CHUYỆN TÌNH LẺ

CÂY XƯƠNG RỒNG

CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG

DẤU VẾT CỦA BIN ĐEN

ĐÊM Ả RẬP TẠI QUẢNG TRƯỜNG MADIXON

MỐI TÌNH CỦA NGÀI KHOẢN DỊCH VIÊN

MÓN QUÀ GIÁNG SINH

NHỮNG CON ĐƯỜNG CHÚNG TA CHỌN

NHỮNG MẪU BÁNH MỠ KIẾN HIỆU

NHỮNG QUẢ TIM VÀ NHỮNG BÀN TAY

PXYSE VÀ NHÀ CHỌC TRỜI

SAU 20 NĂM

SỰ RA MẮT NGẮN NGỦI CỦA TINĐY

TAY SÚNG VÀ TAY ĐÀN

TAY TRỘM HOÀN LƯƠNG

TIỀN VÀ THẦN TÌNH YÊU

XUAN VỀ TRÊN THỰC ĐƠN

CĂN PHÒNG ĐỦ TIỆN NGHI

Một số người sống trong một quận gạch đỏ dưới phía đông của thành phố luôn luôn thiếu ổn định, mãi trôi giạt, lang thang. Tuy vô gia cư, họ vẫn có hàng trăm chỗ ở. Họ nhảy từ phòng cho thuê này qua phòng khác (phòng nào cũng đủ tiện nghi nội thất), luôn trong cảnh lông bông, lông bông về chỗ trú ngụ, lông bông về tâm hồn và tư tưởng. Họ ca hát “Tổ ấm gia đình” trong điệu dân ca Mỹ rộn ràng, họ mang đồ tế nhuyễn trong một cái thùng đáng lẽ chỉ để đựng đồ linh tinh, dây leo làm cảnh quăn quanh cái mũ rộng vành ta thường thấy trong các bức họa, một cái cây nhỏ là cây bóng mát.

Vì thế, những ngôi nhà của quận này, với hàng nghìn nhân khẩu, có hàng nghìn câu chuyện để kể, đương nhiên, phần lớn đều vô vị, nhưng sẽ là điều lạ lùng nếu ta không thể tìm ra một vài bóng ma trong đám dân cư lông bông này.

Một buổi tối, một thanh niên lượn vòng, bấm chuông những toà nhà màu đỏ đỏ nát này. Đến toà nhà thứ mười hai, anh đặt túi hành lý lép kẹp trên bậc thềm, lau cái trán đã lấm đầy bụi. Cái chuông phát ra âm thanh khe khẽ và xa xôi trong những chiều sâu nào đấy hun hút, trống rỗng.

Một người đàn bà đi ra cửa. Bà làm anh liên tưởng đến một con sâu bệnh hoạn, háo ăn háo uống đã đục khoét cả một cái quả chỉ chừa lại vỏ cứng và bây giờ đang lo kiếm khách trọ nào đấy có thể xoi được, để lấp đầy chỗ hổng. Anh hỏi bà có phòng trống cho thuê hay không.

Bà trả lời, tiếng phát ra từ cổ họng, cổ họng dường như được lót lông thú:

- Mời vào. Tôi có tầng ba, phía sau, đã trống một tuần nay. Anh muốn xem không?

Người thanh niên theo bà đi lên cầu thang. Một luồng ánh sáng nhợt nhạt không rõ phát ra từ đâu lấp ló những khoảng tối trong các hành lang. Họ bước không một tiếng động nào trên một tấm thảm mà cái khung cử dật của nó hẳn phải không dám nhìn nhận nó nữa. Dường như tấm thảm đã trở nên một loài thực vật, trong bầu không khí nặng không hề có ánh mặt trời, nó đã bị thoái hoá thành một lớp địa y lùm xùm hay rêu lan tràn mọc từng mảng đến tận cầu thang, nó trơn nhớt dưới chân như là một chất hữu cơ. Ở mỗi chỗ ngoặt của cầu thang là những hốc lõm trên tường. Có lẽ một loại cây cỏ nào đó đã từng mọc trong đấy. Nếu đúng thế, hẳn mấy cây cỏ đó đã tàn lụi trong bầu không khí hôi hám. Có thể có những bức tượng của các vị thánh đã được đặt ở đấy, nhưng ta có thể suy luận dễ dàng là ma quỷ đã lôi họ qua bóng tối xuống những vực sâu có trang bị đồ đạc trần tục ở phía dưới.

Bà chủ nói qua cổ họng được lót lông thú:

- Phòng này đây. Phòng này tốt lắm. Ít khi trống. Mùa hè vừa rồi có người đứng đắn thuê - không gây rắc rối gì cả, lại còn trả tiền trước. Nước ở cuối hành lang. Sprowls và Mooney đã thuê ở đây ba tháng. Họ diễn trên sân khấu văn nghệ tạp kỹ. Cô B'retta Sprowls - chắc ông có nghe nói đến cô ấy - À, mà đấy chỉ là tên sân khấu - trên tủ quần áo ngay đây là nơi họ treo giấy hôn thú, có đóng khung bằng vàng. Vòi ga ở đây, có nhiều tủ quần áo, ông thấy đấy. Ai cũng thích phòng này. Không mấy khi trống.

- Bà có nhiều nghệ sĩ sân khấu thuê phòng ở đây không?

- Họ đến rồi đi. Giới sân khấu có thuê một số phòng ở đây. Đúng thế, ông ạ, nơi đây

là quận sân khấu. Mấy diễn viên không bao giờ ở lâu một chỗ nào cả. Một số có thuê ở đây. Vâng, họ đến rồi đi.

Anh thanh niên nhận thuê phòng, trả trước một tuần. Anh bảo anh cảm thấy mệt và muốn nhận phòng ngay. Anh đếm tiền. Bà chủ bảo phòng đã sẵn sàng, ngay cả khăn lau và nước đều sẵn sàng. Khi bà chuẩn bị ra ngoài, anh thanh niên hỏi câu hỏi anh đã có trên đầu môi cả nghìn lần:

- Có một cô gái trẻ - Cô Vashner, cô Eloise Vashner - bà có nhớ cô đã đến thuê ở đây không? Rất có thể cô hát trên sân khấu. Da trắng, tầm vóc trung bình, với tóc vàng kim đo đỏ và một nốt sần gần lông mày bên trái.

- Không, tôi không nhớ tên. Giới sân khấu thay đổi tên liên tục cũng như họ thay đổi phòng. Họ đến rồi đi. Không, tôi không nhớ tên này.

Không. Luôn luôn là không. 5 tháng điều tra liên tục rồi không tránh khỏi vô vọng. Bỏ rất nhiều thì giờ ban ngày để hỏi han mấy ông bầu, nhân viên đại diện, trường kịch nghệ, ban hợp xướng. Ban đêm trà trộn trong số khán giả của các sân khấu từ những nhà hát đầy ngôi sao đến các phòng ca nhạc hạ cấp. Anh, người yêu cô nhất trần đời, đã cố công tìm kiếm cô. Anh chắc chắn là từ khi cô biến khỏi nhà, thành phố thênh thang bao quanh toàn là nước này chứa chấp cô ở đâu đấy, nhưng nó như là một vùng lầy khủng khiếp, luôn luôn xoáy động, không có nền chắc chắn, các vật thể nổi hôm nay bị chìm lấp ngày mai trong bùn nhớt.

Căn phòng đủ tiện nghi nội thất đón người khách mới nhất với tia sáng đầu tiên của lòng hiếu khách giả tạo, một thái độ chào đón tất bật, hốc hác, máy móc như là nụ cười đặc biệt của một ả giang hồ. Sự thoải mái hiện đại đến từ ánh sáng phản chiếu

từ đồ nội thất rã mục, tấm nệm thêu xơ xác của cái phô-tơ và hai chiếc ghế, tấm gương soi toàn thân rẻ tiền đặt giữa hai cửa sổ, từ một hai khung ảnh sổ sàng và khung giường bằng đồng đặt ở góc phòng.

Người khách trọ ngồi ngả người trên ghế, bất động, trong khi căn phòng, hoang mang trong ngôn từ như thể là một phòng trọ trong Tháp Babel, cố gắng thuyết minh về chức năng cho thuê đa dạng của nó.

Cái tấm thảm với lắm mùi khác nhau, hình chữ nhật thêu hoa, giống như hòn đảo vùng nhiệt đới bao quanh bởi một vùng biển là tấm lót sàn vấy bẩn, phòng lên chỗ này, tụt xuống chỗ nọ. Trên bức tường dán giấy màu tươi sáng là những tấm hình đi theo những người vô gia cư từ nhà này đến nhà nọ. Những góc cạnh đạo mạo một cách khắc khổ của cái bệ lò sưởi bị che phủ một cách tồi tệ trong cái màn cửa theo mốt thời trang, bị kéo xệch dúm dó về một bên cứ như là tấm vải choàng của vũ nữ ba lê vùng rừng già Amazon ở Nam Mỹ. Trên cái bệ là xác một con tàu chổng chơ được mang vào bờ khi một cánh bướm may mắn mang chúng đến bến cảng tươi mát - một hai bình hoa vô duyên, ảnh của mấy diễn viên, một lọ thuốc, vài lá bài tây lác lõng khỏi cổ bài.

Khi bản mật mã trở nên rõ ràng từ chữ này qua chữ khác, những dấu hiệu nhỏ nhoi còn sót lại sau cuộc diễu hành của những người khách trọ trong căn phòng đủ tiện nghi nội thất trở nên có ý nghĩa. Cái khoảnh khắc thảm thêu xơ xác trước cái bàn phấn bảo rằng những người phụ nữ dễ thương đã đến hàng đoàn. Những dấu tay bé tí trên bức tường nói đến những tù nhân nhỏ tuổi cố lần mò tìm đường ra ánh nắng và không khí. Một vết bắn vương vãi, toả ra như cái bóng của một bom bùng nổ, là chứng tích của một cái cốc hay chai va vào, tung toé ra lên tường chất đưng bên trong. Trên mặt gương soi toàn thân là tên người “Marie” viết nghịch ngoạc bằng kim cương. Dường như lần lượt những khách trọ trong căn phòng đủ tiện nghi đã

trút ra cơn giận dữ - có lẽ không thể chịu nổi vẻ lạnh lùng hào nhoáng rẻ tiền của nó - và đem tất cả cuồng nhiệt ra phá phách. Bàn ghế tủ giường bị đẽo gọt và trầy trụa, cái ghế bành bị móp méo vì mấy lò xo bung ra, trông như là con quái vật khủng khiếp đã bị sát tử trong cơn quần quai loạn cuồng. Một cơn quấy động nào đấy lộ liễu hơn đã sứt cái bề lò sưởi đi một lát lớn. Mỗi thanh gỗ sàn tạo một mảng riêng rẽ và kêu thét như là trong cơn đau đớn riêng biệt của từng cá thể. Có vẻ khó tin là những người có thời từng gọi căn phòng này là “nhà” lại có ác ý gây ra bao đau thương như thế cho căn phòng. Và tuy nhiên, có thể là bản năng do ý niệm về “nhà” bị lừa gạt - vốn đã tồn tại một cách đui mù sau cơn giận dữ đầy bất bình đối với cơn phản nộ của những người ở trọ. Nếu ta là chủ một túp lều, ta vẫn quét dọn, trang hoàng và giữ gìn nó.

Anh khách trẻ ở trọ, gọn người trong ghế, để những ý tưởng như thể lướt qua êm ái trong đầu anh, trong khi những âm thanh và những mùi hương - đều có đủ tiện nghi nội thất - lan toả vào căn phòng. Anh nghe trong một căn phòng tiếng khúc khích và chuỗi cười vang buông thả không kiềm chế, trong những phòng khác một giọng độc thoại trách mắng, tiếng xúc xắc lan canh, tiếng ru con và một tiếng khóc sụt sùi, tầng trên là tiếng đàn banjo gầy đầy nhiệt tình. Ở đâu đấy có những cánh cửa đóng sầm; cái thang máy kêu thét không ngừng, một con mèo rên rỉ thảm hại trên hàng rào sân sau. Và anh thở hơi thở của toà nhà - hương vị ẩm lạnh hơn là một mùi - vị nồng nồng lạnh lẽo, mốc meo như thể từ những hố ngầm dưới đất pha trộn với hương sực nức của véc-ni và đồ gỗ mục nát đã lên nấm mốc.

Và thành linh, khi anh ngả người như thế, mùi hoa mignonette ngọt dịu tràn ngập căn phòng. Mùi hương dường như đến theo một cơn gió thoáng, với sự chắc chắn, thơm tho và khẳng định thành một hương vị khác có sự sống. Và người con trai thốt lên: “Gì thế, hử em yêu?” như thể là có tiếng gọi anh, rồi anh đứng bật dậy, nhìn chung quanh. Mùi hương nồng nàn bám lấy anh và bao quanh lấy anh. Anh đang cả

hai tay ra đón nó, mọi tri giác của anh trong nhất thời đều bị hoang mang, trộn lẫn. Làm thế nào một mùi hương có thể gọi được anh? Chắc chắn, đấy phải là một linh hồn. Nhưng mà, có phải đấy là một âm thanh đã chạm đến anh, đã ve vuốt anh?

“Nàng đã ngủ ở phòng này”, anh thốt lên và bật người ra để níu lấy một ít, vì anh biết anh có thể nhận ra cái gì đấy dù nhỏ nhất nhất thuộc về nàng hay cái gì đấy nàng đã chạm tay đến. Mùi hương mignonette này, mùi hương nàng vẫn yêu thích và biến thành mùi của riêng nàng, đã từ đâu đến?

Căn phòng đã được dọn dẹp một cách cầu thả. Vương vãi trên chiếc khăn mỏng dính đây cái bàn phấn là khoảng nửa tá kim cài tóc - những người bạn thầm kín, khó phân biệt nhau của giới phụ nữ, thuộc phái yếu, với cảm hứng vô hạn và một thể ngôn ngữ không thể truyền thông được. Anh bỏ qua những món này, hiểu rõ chúng hoàn toàn thiếu khả năng chứng minh ai là ai. Khi lục lọi trong mấy ngăn kéo của cái bàn phấn, anh tìm thấy một khăn tay nhỏ bị vứt bỏ, nhàu nát. Anh áp nó vào mặt mình. Nó có mùi cây vôi vôi nồng nặc xác xược, anh ném nó xuống sàn nhà. Trong một ngăn kéo khác anh tìm ra vài cúc áo, một tờ chương trình nhà hát, một thẻ cầm đồ, hai mẫu kẹo đường, một lô cuốn sách nói về cách đoán mộng. Trong ngăn kéo cuối cùng là một kẹp tóc bằng vải sa-tanh đen, khiến anh dừng tay, vội bốc lấy nó, giữa băng giá lạnh và lửa nóng cháy. Nhưng cái kẹp tóc cũng chỉ là loại trang sức của nữ giới, khiêm tốn, thông thường và vô nhân cách, không nói lên được điều gì.

Và rồi anh lùng sục khắp phòng như con chó săn đánh hơi con mồi, lướt qua bức tường, bò trên hai chân và hai tay để xem xét từng góc kẹt của tâm trái sàn phập phồng sục sạo cái bệ lò sưởi và mấy cái bàn, màn cửa, màn treo, cái tủ nhỏ ở góc phòng, để tìm kiếm một dấu vết sinh động, dù anh không thể nhận ra là nàng đã ở bên anh, xung quanh anh, tựa vào anh, ở trong anh, bên trên anh, bám lấy anh, âu yếm với anh, gọi anh qua mọi cảm nhận tính tế hơn, đến nỗi ngay những giác quan

đơn sơ nhất của anh cũng nhận được tiếng gọi. Một lần nữa, anh trả lời: “Vâng, em yêu!”, và quay người, đôi mắt rùng rục, để nhìn vào khoảng không, vì lẽ anh không thể nhận ra bóng hình, màu sắc tình yêu và đôi vòng tay mở rộng trong mùi hương của hoa mignonette. Ôi, Chúa ơi! mùi hương ấy đến từ đâu và từ bao giờ mùi hương có tiếng nói để kêu gọi? Thế là anh lần mò xung quanh.

Anh vùi mình trong các kẽ ngách và góc kẹt và tìm thấy nút chai và những điều thuốc lá. Anh bóp chúng bẹp gí trong khinh rẻ. Nhưng có lúc anh tìm thấy trong một nếp gấp của tấm trải sàn nhà một chiếc xì-gà đã hút dở và anh lấy chân chà nó với tiếng càu nhàu sắc lạnh. Anh sàng lọc cả căn phòng từ đầu này sang đầu kia. Anh tìm thấy những chứng tích lật vật đáng chán và hạ cấp của nhiều khách trọ lãng tử, trong khi không thấy dấu vết nào của một người có thể đã thuê phòng ở đây, người mà linh hồn dường như lảng vảng quanh đây.

Và rồi anh nghĩ đến bà chủ nhà. Anh chạy từ căn phòng bị ma ám xuống mấy bậc thang, đến một cánh cửa có khe nứt toả sáng ra ngoài. Bà chủ nhà ra mở cửa. Anh cố gắng trấn áp nỗi xúc động. Anh van nài:

- Bà có thể cho tôi biết, ai đã thuê căn phòng đó trước khi tôi đến?

- Vâng, thưa ông. Tôi có thể cho ông biết lần nữa. Đây là Sprowls và Mooney, như tôi đã nói. Tôi nói cô B’retta Sprowls trình diễn ở các nhà hát, nhưng thực ra là bà Mooney. Nhà của tôi nổi tiếng là đứng đắn. Giấy hôn thú, có đóng khung, treo vào cái đinh bên trên.

- Cô Sprowls là người như thế nào - ý tôi muốn nói về ngoại hình?

- Sao cơ? Tóc đen, thưa ông, thấp người, tròn trĩnh, với khuôn mặt trông khô hài.

Họ đã đi ngày thứ ba tuần rồi.

- Và trước họ, ai đã ở đây?

- Sao cơ? Đây là một ông làm nghề khuôn vác. Ông ta đi mà còn thiếu tiền thuê phòng một tuần. Trước ông là cô Crowder và đứa con của cô ấy, họ ở bốn tháng. Trước nữa là ông Doyle, tiền phòng do các đứa con trả. Ông thuê trong sáu tháng. Đây là một năm nay, trước nữa thì tôi không nhớ.

Anh cảm ơn bà và cúi đầu trở về phòng. Căn phòng đã chết. Hương thơm cho nó sự sống đã không còn nữa. Mùi hương hoa mignonette đã ra đi. Thay vào đây là mùi cũ kỹ, nặng nề của đồ đạc lên mốc meo, của bầu không khí ngột ngạt như là trong kho hàng.

Hy vọng tàn rụi đã làm cạn kiệt mọi niềm tin của anh. Anh ngồi nhìn chăm chăm ngọn đèn ga vàng vọt. Rồi anh đi đến cái giường và xé tấm vải giường ra thành từng dải nhỏ. Dùng cái sống của một con dao, anh nhét từng dải vào từng khe hở của các cửa sổ và cánh cửa chính. Khi mọi chỗ đã được lèn chặt, anh tắt ngọn lửa, mở vòi ga hết mức, rồi lên nằm một cách thoải mái trên giường.

*

Đây là đêm bà McCool cảm thấy thèm bia. Thế là bà đi lấy một lon đến ngồi bên bà Purdy, tại một góc cô tịch dưới tầng hầm nơi các bà chủ nhà tụ họp và nơi con sâu tham lam ít khi chết đói. Bà Purdy nói, qua một vòng tròn bọt bia li ti:

- Tối nay tôi đã cho thuê được căn phòng trên tầng ba. Một anh thanh niên đến thuê. Anh ta đi ngủ cách đây hai giờ rồi.

Bà McCool nói với lòng thán phục:

- Thật à, bà Purdy? Bà tài lắm mới có thể cho thuê loại phòng như thế.

Và McCool thì thầm, đầy vẻ bí ẩn, thêm câu hỏi:

- Thế thì bà có nói cho anh ta biết không?

Bà Purdy nói, cổ họng càng như được lột thêm lông thú dày nhất:

- Có phòng là phải trang bị để cho thuê. Tôi không nói cho anh ấy biết bà McCool ạ.

- Bà nói đúng lắm, có cho thuê phòng thì những người như chúng ta mới sống được. Bà có đầu óc kinh doanh độc đáo lắm. Nhiều người có thể từ chối căn phòng đó nếu họ biết là đã có khách tự tử và nằm chết trên cái giường trong đấy.

- Như bà nói, chúng ta phải lo kiếm sống.

- Thật vậy bà ạ. Đúng một tuần trước tôi đã giúp bà trải lại tấm lót sàn. Một cô gái xinh xắn mảnh dẻ tự tử bằng ga thấp đèn - cái cô có khuôn mặt nhỏ nhắn đấy, bà Purdy.

Bà Purdy đồng tình nói nhưng pha chê bai:

- Cô ấy có thể được xem là đẹp, như bà nói, nếu không có cái bớt trên lông mày bên trái. Dùng thêm bia đi, bà McCool.

CÂU CHUYỆN TỈNH LẺ

Lúc tôi xuống tàu ở thị trấn Nashville thuộc bang Tennessee thì trời đang mưa , một màn mưa màu xám kéo dài lê thê . Vì mệt nên tôi đi thẳng về khách sạn . Trong hành lang khách sạn , một người đàn ông to lớn nặng nề cứ đi đi lại lại . Có một cái gì đó trong cách đi của con người này làm tôi nghĩ đến con chó đốm đang đánh hơi tìm khúc xương . Hắn có bộ mặt phì nộn , đỏ gay với cặp mắt thiếu ngủ . Hắn tự giới thiệu là Wendwood Caswell , thiếu tá Wendwood Caswell , xuất thân từ một gia đình danh giá ở miền Nam . Caswell kéo tôi vào phòng khách lớn của khách sạn , la lối gọi người bồi bàn . Hắn gọi rượu cho cả hắn và tôi . Vừa uống hắn vừa không ngớt lời giới thiệu về hắn , về gia đình hắn và về gia đình vợ . Hắn nói vợ hắn giàu lắm . Hắn thọc tay vào túi áo khoác lấy một nắm những đồng tiền ra khoe với tôi . Đến lúc ấy thì tôi đã chán hắn đến tận cổ . Tôi chào hắn rồi về phòng .

Từ cửa sổ khách sạn nhìn ra ngoài tôi thấy đường phố chìm trong im lặng , mặc dù lúc ấy mới là 10 giờ . " Thật là một nơi yên tĩnh " . Tôi tự nói với mình khi đã chuẩn bị lên giường nằm . " Đúng là một thị trấn buồn tẻ tầm thường của miền Nam " .

Tôi cũng là người miền Nam nhưng bây giờ tôi ở miền Bắc , làm phóng viên cho một tạp chí lớn . Ông chủ bút phái tôi đi Nashville vì tạp chí có nhận được mấy tập truyện và thơ của một tác giả ở Nashville tên là Asilea Adea . Người biên tập rất thích những tác phẩm của bà nên người ta yêu cầu tôi ký với bà một hợp đồng , theo đó bà sẽ chỉ viết riêng cho tạp chí của chúng tôi thôi .

Sáng hôm sau đúng 9 giờ sáng , tôi ra khỏi khách sạn để đi tìm bà Adea . Lúc đó trời vẫn còn mưa . Tôi vừa bước chân ra ngoài thì đã gặp ngay bác đánh xe Seezer . Bác là một người đàn ông da đen đã có tuổi , thân hình to lớn , mái tóc màu xám kiểu cách . Bác Seezer khoác một chiếc áo kỳ quái , tôi chưa từng thấy bao giờ . Chiếc áo này rất dài , lúc còn mới hẳn phải là màu xám và trước đây chắc phải là áo của một viên sĩ

quan . Bây giờ thì mưa , nắng và thời gian đã làm cho nó mang đủ các thứ màu vẫn thấy trên cầu vồng . Chiếc áo chỉ còn có mỗi một khuy . Cái khuy màu vàng và to vừa bằng đồng 50 xu . Bác Seezer đứng cạnh cỗ xe ngựa , bác mở cửa xe và nói rất nhã nhặn :

- Mời Ngài lên xe , tôi sẽ đưa Ngài đến bất cứ đâu trong thị trấn này .
- Tôi muốn đến nhà số 8 - 61 phố Hoa Nhài .

Tôi nói và định bước lên xe .

Người đánh xe giữ tôi lại :

- Sao Ngài lại đến chỗ ấy ?
- Đến chỗ ấy thì việc gì tới anh ?

Tôi bực mình nói .

Bác Seezer đầu dụi , mỉm cười :

- Thưa không . Nhưng chỗ ấy là một nơi hẻo lánh của thị trấn này . Tôi chỉ đưa Ngài đến đó rồi xin đi ngay thôi .

Số 8 - 61 phố Hoa Nhài đã từng là một ngôi nhà đẹp . Còn bây giờ thì nó trở thành cổ lỗ và đang chết dần chết mòn . Tôi xuống xe .

- Xin Ngài cho 2 đô la .

Bác Seezer nói .

Tôi trả bác hai tờ giấy bạc 1 đô la . Lúc đưa tiền cho bác , tôi để ý thấy một tờ bị rách ở giữa và được dán lại bằng miếng giấy màu xanh . Tờ bạc còn bị mất một góc ở phía trên , bên phải .

Asilea tự mở cửa cho tôi . Bà trạc 50 tuổi . Mái tóc trắng chải ngược ra phía sau làm nổi rõ khuôn mặt nhẹ nhàng nhưng mệt mỏi . Bà mặc một bộ đồ màu vàng nhạt . Bộ đồ đã cũ nhưng rất sạch . Asilea dẫn tôi vào phòng khách . ở giữa phòng kê một chiếc bàn đã mòn , ba cái ghế tựa và một chiếc tủ sôpha cũ màu đỏ . Bà mời tôi ngồi vào bàn và chúng tôi bắt đầu câu chuyện . Tôi nói với bà về đề nghị của tạp chí , còn bà tự giới thiệu mình . Bà xuất thân từ một gia đình danh giá ở miền Nam , cha bà làm nghề hội thẩm . Asilea Adea kể với tôi rằng bà chưa bao giờ cắp sách đến trường .

Các cụ thân sinh đã thuê thầy tư về dạy cho bà học tại nhà .

Kết thúc câu chuyện , tôi hẹn hôm sau sẽ mang hợp đồng đến ký rồi đứng dậy cáo từ . Đúng lúc ấy có tiếng gõ nhẹ vào cánh cửa phía sau . Asilea Adea khẽ xin lỗi rồi đi vào mở cửa . Chỉ một lát sau bà đã quay ra . Trông bà trẻ lại tới 10 tuổi , đôi mắt long lanh , hai gò má ửng hồng .

- Anh phải uống với tôi một chén trà rồi hãy đi .

Bà nói rồi cầm chiếc chuông nhỏ để trên bàn khẽ lắc . Một bé gái da đen chừng 12 tuổi chạy ra . Asilea Adea mở chiếc ví nhỏ và cũ lấy ra một tờ giấy bạc 1 đô la . Tờ giấy bạc được dán lại bằng một miếng giấy xanh và bị mất góc trên bên phải . Đó chính là tờ giấy bạc tôi đã trả cho bác Seezer .

- Intes , sang cửa hàng ông Baker mua cho bác 25 xu chè và 10 xu đường , nhanh lên nhé .

Đứa bé gái chạy ra khỏi phòng theo lối cửa sau . Chúng tôi nghe thấy tiếng cánh cửa khép lại . Tiếp theo đó là tiếng kêu của đứa bé . Tiếng nói của nó chìm trong sự giận dữ của một người đàn ông . Asilea đứng dậy . Bà đi ra ngoài , mặt không hề đổi sắc . Tôi nghe thấy tiếng đàn ông cục cằn lẫn với tiếng nói nhỏ nhẹ của bà . Rồi tiếng cánh cửa đập mạnh và bà quay trở lại :

- Xin anh thứ lỗi , cuối cùng thì ngay cả đến chén trà tôi cũng không mời anh được .

Bà nói . Hình như ông Baker cũng hết chè bán rồi . Chắc nó sẽ mua được chè cho cuộc gặp ngày mai .

Chúng tôi chào nhau rồi tôi quay về khách sạn .

Trước bữa ăn cơm chiều , thiếu tá Wendwood Caswell tìm tôi . Tôi không làm sao tránh được hắn . Hắn cứ nài tôi uống rượu bằng được . Hắn móc ở trong túi ra hai tờ giấy bạc 1 đô la . Lại một lần nữa tôi nhìn thấy tờ giấy bạc 1 đô la rách được dán một miếng giấy màu xanh và bị mất một góc . Đó cũng chính là tờ giấy bạc tôi đã trả cho bác Seezer . Thằng cha này lạ thật ! Tôi cứ phân vân mãi không hiểu bằng cách nào mà Caswell lại có được tờ giấy bạc này .

Sáng hôm sau , bác Seezer đợi sẵn tôi ở bên ngoài khách sạn . Bác đưa tôi đến nhà bà

Adea và đồng ý chờ cho đến khi chúng tôi làm việc xong . Bà Adea trông không được khỏe . Tôi giải thích cho bà nghe về bản hợp đồng rồi bà ký ngay . Lúc định đứng dậy , nét mặt bà bỗng biến sắc , bả xỉu đi rồi ngã vật xuống sàn nhà . Tôi vội đỡ bà dậy rồi dìu bà lên nằm trên chiếc ghế sofa cũ màu đỏ . Tôi chạy ra cổng gọi bác Seezer vào giúp . Bác chạy vội xuống phố và 5 phút sau quay lại cùng với bác sỹ . Ông bác sỹ khám cho bà Adea rồi quay sang nói với bác đánh xe người da đen .

- Bác Seezer , ông nói , bác chạy sang bảo nhà tôi đưa cho một ít sữa và mấy quả trứng nhanh lên .

Rồi ông quay sang tôi :

- Bà ấy thiếu ăn , ông nói , bà ấy còn nhiều bạn bè và họ đều muốn giúp đỡ bà ấy . Nhưng bà Caswell rất giữ ý và chỉ chịu nhờ vả có mỗi mình ông già da đen đó thôi . Ông ấy từng là nô lệ của gia đình bà .

- Bà Caswell ? Tôi nói giọng đầy ngạc nhiên . Tôi tưởng bà ấy là Asilea Adea chứ ?

- Trước khi lấy Wendwood Caswell , ông bác sỹ nói . Cách đây 20 năm bà ấy đã từng là Asilea Adea . Chồng bà ấy là một con sâu rọu hoàn toàn vô dụng . Lão ta cướp của vợ đến đồng xu mà bác Seezer san sẻ cho bà .

Lúc ông bác sỹ đi rồi , tôi lại nghe thấy tiếng của bác Seezer ở phòng bên cạnh :

- Hẳn lại cướp tất cả số tiền hôm qua con đưa cho bà rồi à ?

- ừ , tôi nghe thấy tiếng của Asilea trả lời rất khế , lão lấy cả hai tờ .

Tôi liền đi vào đưa cho Asilea Adea 50 đô la . Tôi nói đó là tiền của tạp chí gửi . Rồi bác Seezer đưa tôi trở lại khách sạn .

Khoảng vài giờ đồng hồ sau , trước bữa cơm chiều , tôi ra ngoài đi tản bộ một lúc . Đến trước một cửa hàng , tôi thấy có đám đông đang bàn tán chuyện gì đó rất ồn ào . Tôi bèn rẽ vào cửa hàng . Thiếu tá Caswell đang nằm sóng sượt trên sàn . Hắn đã chết . Người ta tìm thấy hắn nằm bất tỉnh ở ngoài phố . Hắn bị giết trong một cuộc ẩu đả . Đúng là tay hắn vẫn còn nắm rất chặt . Khi tôi bước lại gần cái xác thì bàn tay phải của Caswell bỗng duỗi ra . Có cái gì đó rơi xuống và lăn đến cạnh chân tôi . Tôi giẫm một bàn chân lên . Sau đó , tôi cúi xuống nhặt cái vật ấy bỏ vào túi áo .

Người ta nói một tên ăn cắp đã giết Caswell . Họ bảo Caswell khoe với mọi người là hắn có 50 đô la . Nhưng khi tìm thấy cái xác thì trên người hắn chẳng còn xu nào .

Sáng hôm sau , tôi rời Nashville . Lúc tàu chạy ngang qua sông , tôi lấy trong túi áo ra cái vật hôm qua rơi khỏi bàn tay đã chết của Caswell . Tôi ném nó xuống dòng sông đang chảy lững lờ phía dưới . Đó là một chiếc khuy áo . Chiếc khuy màu vàng . Chiếc khuy cuối cùng trên áo khoác của bác Seezer .

CÂY XƯƠNG RỒNG

Điều quý nhất của thời gian là nó chỉ thuần tương đối. Theo sự nhất trí chung, phần lớn những hồi tưởng được dành cho người đang bị thì thụp rơi xuống nước và ta không nói quá là con người có thể duyệt lại toàn bộ cuộc tình chỉ trong thời gian ngắn ngủi khi họ cởi đôi găng tay.

Đây là việc Trysdale đang làm, khi anh đứng bên chiếc bàn trong căn phòng độc thân anh thuê. Trên mặt bàn là một cây xanh trồng trong một cái lọ bằng đất nung đỏ. Cây này là một loài xương rồng, với những chiếc lá dài thông, liên tục đong đưa theo ngọn gió nhẹ nhất trong cử chỉ lạ lùng dường như ra dấu hiệu gì đấy.

Anh bạn của Trysdale, anh trai của cô dâu, đứng kế bên cái tủ bát đĩa, đang phàn nàn vì phải uống rượu một mình. Cả hai đang mặc bộ quần áo dự lễ.

Trong khi Trysdale đang chậm rãi cởi những cúc găng tay, đầu óc anh nhanh chóng và đau xót hồi tưởng lại những giờ vừa trôi qua. Dường như khứu giác của anh vẫn còn đượm mùi hương từ những lẵng hoa xếp đầy đặc trong nhà thờ và trong tai anh vẫn còn vang tiếng rầm rì của hàng nghìn giọng hát, tiếng xào xạc của trang phục giòn cứng và dai dẳng một cách cố chấp nhất, những lời ê a của vị mục sư đang buộc đời cô vào người khác mà không ai gỡ ra được.

Như thể do thói quen của đầu óc anh ta, từ khía nhìn chung cục vô vọng này, anh vẫn cố gắng hết mức để đi đến lời lý giải tại sao và làm thế nào anh đã mất cô. Bị một thực tế không thể dung hoà giáng cho anh một cú thô bạo, anh bất ngờ thấy mình đối diện với cái mà từ xưa đến giờ anh chưa bao giờ giáp mặt - cái bản ngã sâu thẳm,

nguyên sơ và giản đơn của anh. Anh đã thấy mọi lớp nhung y của trò giả vờ và kiêu kỳ mà anh đã mặc giờ biến thành giẻ rách của tính nông cuồng. Anh rùng mình với ý nghĩ rằng, từ trước đến giờ, trong con mắt của thiên hạ, trang phục của anh hẳn có vẻ nghèo nàn và tả tơi. Tính phù phiếm và tật hay dối gạt! Đây là những điểm yếu của anh. Và riêng cô thì không bao giờ như thế! Nhưng tại sao...

Khi cô đi chậm rãi giữa hai hàng ghế dẫn đến bục làm lễ, anh cảm thấy một nỗi đặc thẳng thấp hèn, chán ngán vốn vẫn thường nâng đỡ anh. Anh đã tự nhủ là vẻ nhột nhạt của cô là do ý nghĩ cô dành cho một người nào khác chứ không phải cho người cô sẽ trao cuộc đời. Nhưng ngay điều an ủi tệ hại này cũng không giữ được lâu. Vì lẽ, khi anh thấy cô thoáng ngược lên nhìn, một tia nhìn trong sáng cô dành cho người đoạt được cô, tự anh biết rằng anh đã bị quên lãng. Có một lần, cô đã gửi lên anh cùng tia nhìn này. Thực ra, sự lừa dối của anh đã vỡ vụn, mọi chống đỡ đều không còn. Thế thì tại sao cuộc tình lại chấm dứt? Không có bất hoà giữa hai người, không có gì cả.

Cả nghìn lần anh đã duyệt lại trong tâm trí anh sự việc xảy ra trong những ngày cuối cùng trước khi mọi chuyện đều bị đảo lộn.

Cô luôn khẳng khẳng muốn tung anh lên mây xanh và anh đã chấp nhận việc này với vẻ huy hoàng. Hương hoa cô dâng lên thật ngọt ngào, thật khiêm tốn (anh tự nhủ như thế), đầy tính trẻ con và đầy vẻ tôn thờ và (có lần anh đoán chắc như thế) thật thành khẩn. Cô đã gán ghép cho anh, đến mức gần như siêu nhiên, mọi đức tính và mọi xuất chúng và mọi tài năng, rồi anh đã hấp thụ việc hiến dâng như thể cây cối sa mạc thu lấy những giọt mưa mà không chắc sẽ nở hoa hay kết trái.

Trysdale hồi tưởng lại rõ ràng một kỷ niệm đỉnh cao về tính tự kiêu của anh - đầy ngu xuẩn nhưng hối tiếc thì đã muộn.

Đấy là vào một buổi tối khi anh mời cô lên mây xanh và chia sẻ sự vĩ đại của mình. Giờ thì anh quá đau đớn nên không muốn nhớ lại nhiều về vẻ đẹp đầy thuyết phục của cô tối hôm ấy - mái tóc lượn sóng buông thả, mãnh lực lôi cuốn dịu dàng và trình nguyên của những tia nhìn và lời nói của cô. Trong khi chuyện trò với nhau, cô nói:

- Và Thuyền trưởng Carruthers đã cho em biết là anh nói tiếng Tây Ban Nha như người bản xứ. Tại sao anh giấu em một tài năng như thế? Có việc gì mà anh không biết không?

- Thực ra, Carruthers là một anh dốt. Chắc chắn là anh (Trysdale) đã mang tội (đôi lúc anh như thế) thốt lên trong câu lạc bộ của anh một câu châm ngôn nào đấy bằng tiếng Tây Ban Nha mà anh đã moi ra từ mấy thứ hồ lồn trên bìa sau các quyển từ điển. Carruthers, vốn là một trong những người ngưỡng mộ anh hết mình, chính là người đã phóng đại việc phô trương cho một óc thông thái đáng nghi ngờ.

Nhưng hỡi ôi! Hương hoa từ lòng ngưỡng mộ của cô đã trở nên quá ngọt và quá bốc! Anh để cho lời gán ghép lan truyền ra mà không đính chính. Không phản đối gì cả, anh đã cho phép cô choàng quanh vầng trán anh cái vòng miện giả hiệu về nền uyên bác Tây Ban Nha. Anh đã để cái vòng miện xoắn xít mềm dịu tô điểm cho cái đầu thích chinh phục của anh, mà không cảm thấy có những gai nhọn đang châm chích và sau này sẽ xuyên thủng cả anh.

Cô thật là vui tươi, thẹn thùng và dè dặt làm sao ấy! Cô đã vùng vẫy như con chim bị đánh bẫy khi anh đã đem mọi thứ trọng đại của anh ra đặt dưới chân cô! Anh đã có thể đoán chắc, và giờ anh vẫn đoán chắc mà không nhầm lẫn, là cô đã chấp nhận anh. Chỉ có điều cô không thể trả lời trực tiếp cho anh, vì cô còn e thẹn. Cô bảo: "Ngày mai em sẽ gửi anh câu trả lời" và anh, kẻ chiến thắng buông thả tự tin, đã mỉm cười ban

cho cô quyền được trễ hạn.

Ngày kế, anh nóng nảy trông chờ câu trả lời của cô. Đến trưa, anh nài ngựa của cô đến gõ cửa phòng anh, rồi để lại cây xương rồng lạ lùng trong cái bình đất nung đỏ. Không hề có tờ thư hay lời hay lời nhắn, chỉ có chiếc thẻ cột vào cây xương rồng mang một danh từ ngoại ngữ man di hoặc là một tên thực vật. Anh đã chờ cho đến tối, nhưng vẫn không nhận được câu trả lời của cô. Tự ái to phồng và tính phù phiếm bị thương tổn khiến anh không muốn đến tìm cô. Hai ngày sau, họ gặp lại nhau trong một bữa ăn tối. Họ chào hỏi nhau theo cách bình thường, nhưng cô nhìn anh, ngừng thở, bắn khoăn, giận dữ. Anh lịch sự khăng khăng chờ nghe cô giải thích. Với tính nhạy cảm của phụ nữ, cô đoán ra ý anh, rồi trở nên lạnh lùng như băng tuyết. Từ ngày ấy, họ rời xa nhau dần. Anh đã có lỗi chỗ nào? Lỗi thuộc về ai? Giờ trở nên khiêm tốn, anh tìm kiếm câu trả lời giữa những hoang tàn của việc tự thối phồng.

Tiếng nói của người thanh niên kia tọc mạch chen vào luồng hồi tưởng:

- Đây, Trysdale, có chuyện gì vậy? Cậu có vẻ đau khổ cứ như chính cậu là chú rể thay vì chỉ đóng vai phù rể! Nhìn tớ đây này, một món phụ tùng khác, đã đi hai nghìn dặm suốt từ Nam Mỹ trên một chiếc tàu đầy tỏi và gián để nhắm mắt làm ngơ sự hy sinh - hãy nhìn xem tội lỗi tớ chất nhẹ như thế nào trên hai vai! Tớ chỉ có một đứa em gái và giờ nó đã đi. Đây, uống tí gì đi để xoa dịu lương tâm của cậu.

- Tớ không muốn uống gì trong lúc này, cảm ơn.

Anh bạn đi đến gần anh, tiếp tục:

- Rượu cô-nhắc của cậu tồi quá. Ngày nào đấy chạy xuống Punta Redonda để gặp tớ và thử mấy thứ ông già Garcia mang lậu vào. Chuyển đi đáng công lắm. A này! Gặp lại

cố nhân ở đây! Cậu đào đâu ra cây xương rồng này thế, Trysdale?

- Món quà từ một người bạn. Có biết loài cây này không?

- Biết rõ lắm chứ! Nó thuộc miền nhiệt đới. Có hàng trăm cây mọc quanh Punta. Tên nó ghi trên cái thẻ đây này. Có biết một chữ Tây Ban Nha nào không, Trysdale?

Trysdale đáp, với bóng ma cay đắng của một nụ cười:

- Không. Đây là tên Tây Ban Nha à?

- Đúng thế. Dân bản xứ mừng tưởng là những chiếc lá của nó vươn dài để ra hiệu cho ta. Họ gọi nó bởi tên này - Ventomarme. Tên có nghĩa là "Hãy đến mang tôi đi".

CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG

Trong một quận nhỏ phía đông Washington, các con đường chạy ngoằn ngoèo một cách điên dại, cắt quãng thành những dải nhỏ gọi là “vùng”. Những “vùng” này lọt thỏm trong những góc và đường cong lạ kì. Một con đường cắt ngang với chính nó một, hai lần. Một họa sĩ đã có lần khám phá là con đường có thể có giá. Ví dụ như khi một nhân viên thu ngân cầm hoá đơn của màu vẽ, giấy và vải, sau khi đi dọc theo đường này bỗng thấy mình đã đi vòng lại chỗ cũ mà không hề thu được một xu nào cả!

Thế nên đám họa sĩ chẳng bao lâu đã kéo đến phường Greenwich, săn lùng phòng cho thuê có cửa sổ thông ra hướng bắc, góc mái kiểu thế kỷ 18, gác lửng kiểu Hà Lan, và giá thuê lại rẻ. Sau đấy họ mang vào vài lọ hộp kim thiếc, một hai cái chảo nấu ăn đã chiến, và thế là một “quần cư” thành hình.

Hai cô Sue và Johnsy cùng thuê chung một căn phòng đơn giản ở tầng trên cùng của một toà nhà ba tầng lụp xụp. “Johnsy” thực ra là tên thân mật của California. Họ đã gặp nhau tại một hiệu ăn trên đường Số Tám, và khám phá ra là họ có những sở thích tương đồng về nghệ thuật, rau diếp xoắn trộn dấm, và thời trang với tay áo giám mục. Thế là họ cùng thuê chung một căn phòng.

Đấy là vào tháng 5. Vào tháng 11, có một kẻ ngoại nhập mang theo giá lạnh nhưng vô hình, mà các bác sĩ gọi là Viêm Phổi, rình rập trong “quần cư”, móng vuốt giá băng quệt vào đây đó. Tên giặc đã ngang nhiên hoành hành khu phía đông, hạ gục nhiều nạn nhân, nhưng hắn chỉ mới đặt chân chầm chậm qua các lối ngõ như bàn cờ của mấy “vùng” nhỏ hẹp phủ đầy rêu.

Bạn sẽ không xem Thần Viêm Phổi như một quân tử già đầy hào hiệp. Người con gái nhỏ vốn đã mất máu vì những trận gió ở California thì lẽ ra không đáng cho một kẻ bất tài già nua bận tâm đến. Nhưng hắn đã tấn công Johnsy. Thế là cô nằm bẹp,

không mấy cử động, trên chiếc giường sắt, xuyên qua khung cửa sổ kiểu Hà Lan nhìn ra bức tường trơ trụi của căn nhà gạch kể bên.

Một buổi sáng, vị bác sĩ đầy bận rộn mời Sue ra hành lang. Ông đang vấy cái nhiệt kế thăm bệnh để mực thuỷ ngân trong đó hạ xuống.

- Cơ may khỏi bệnh của cô ấy áng chừng chỉ một phần mười. Và cơ may này là tùy vào việc cô ấy có ý chí muốn sống hay không. Với cách con bệnh chỉ ngóng chờ công ty mai táng đến thì sách thuốc nào cũng vô dụng. Cô bạn nhỏ của cô đã bị ám ảnh là cô ấy sẽ không qua khỏi. Cô ấy có ý định gì không?

- Chị ấy... chị ấy muốn có ngày nào đó vẽ tranh phong cảnh vịnh Naples.

- Vẽ tranh à? Thật là điên rồ! Cô ấy có bận tâm nặng nề về việc gì không, chẳng hạn về một người đàn ông nào đó?

Cô Sue khịt mũi:

- Một người đàn ông à? Một người đàn ông thì có thể... mà không, bác sĩ ạ, không có chuyện như thế.

Vị bác sĩ nói:

- Thế thì là do cô ấy quá yếu rồi. Tôi sẽ cố làm mọi cách mà khoa học cho phép.

Nhưng mỗi khi con bệnh của tôi bắt đầu nhắm tính số lượng xe trong chuyến đưa đám của họ thì xem như hiệu lực của thuốc men chỉ còn một nửa. Nếu cô có cách khiến cho cô ấy hỏi han cô về thời trang mùa đông thì tôi có thể đoán chắc cơ may là một phần năm, thay vì là một phần mười.

Sau khi vị bác sĩ đi khỏi, Sue đi vào phòng vẽ và khóc cho đến khi cái khăn giấy Nhật toi tả thành bột giấy. Rồi cô đường bệ đi vào phòng của Johnsy với cái giá vẽ, miệng huýt sáo một điệu dân ca Mỹ rộn ràng.

Johnsy vẫn nằm bẹp, xem chừng không động đậy chút nào dưới tấm vải giường, mặt hướng về cái cửa sổ. Sue ngưng huýt sáo, nghĩ là bạn mình đang ngủ. Cô sắp xếp giá vẽ và bắt đầu dùng viết và mực để vẽ hình minh họa cho một truyện để đăng trong một tạp chí. Trong khi các họa sĩ trẻ tuổi phải dọn đường cho Hội Hoạ bằng cách vẽ tranh cho truyện ấy để dọn đường cho Văn Chương. Khi Sue đang phác họa cái quần

bánh bao và gong kính một tròng của một anh hùng (một tay cao bồi bang Idaho), cô nghe một tiếng nho nhỏ, lặp lại vài lần.

Cô đi vội đến bên mép giường. Johnsy đang mở mắt, nhìn ra cửa sổ, và đang đếm, đếm ngược: “mười hai”, và ít lâu sau: “mười một”, và sau đấy “mười”, rồi “chín”, rồi “tám” và “bảy” gần như liền nhau.

Sue nhìn chăm chú bên ngoài cửa sổ. Có gì ở ngoài đấy đâu mà đếm? Chỉ có một khoảng sân trống buồn nản, và bức tường trơ trụi của một căn nhà gạch xa hơn chừng mười thước. Một dây thường xuân thật già cỗi, gốc vắn vẹo mục nát, leo đến giữa bức tường gạch. Ngọn gió thu lạnh đã làm rơi rụng đám lá, phơi bày các nhánh gần như trơ trụi bám vào mấy mảng gạch vụn vỡ. Sue hỏi?

- Cái gì vậy hở bồ?

Johnsy nói, gần như thì thầm:

- Sáu. Bây giờ rơi nhanh quá. Ba ngày trước còn gần cả trăm, đếm muốn nhức đầu. Nhưng giờ thì dễ rồi. Thêm chiếc nữa. Giờ chỉ còn lại năm.

- Năm cái gì, nói cho Sue của bồ nghe nào!

- Năm chiếc lá. Trên cây thường xuân. Khi chiếc lá cuối cùng rụng thì mình cũng sẽ ra đi. Mình đã biết như thế ba ngày nay rồi. Bác sĩ không nói cho bạn biết à.

Sue càu nhàu, với giọng khinh miệt cao quý.

- Ô hay! Mình chưa bao giờ nghe có chuyện điên khùng như vậy. Mấy cái lá thường xuân thì có liên hệ gì đến việc bồ khỏi bệnh đâu nào? Và bồ vẫn thích cái cây này, cô nàng hư đốn ơi! Đừng có ngốc nghếch. Sáng nay ông bác sĩ nói với mình là cơ may của bồ khỏi bệnh hẳn... xem ông ấy nói gì nào... ông ấy nói cơ may chính xác là mười trong một! Đấy cũng bằng với cơ may chúng mình có ở New York để đón tàu điện hay đi qua một toà nhà mới. Bây giờ ăn một tí cháo, rồi mua ít rượu vang porto cho cô bé đang bệnh, và thịt lợn cho chính tác giả ăn.

Johnsy vẫn dán mắt ra ngoài cửa sổ:

- Không cần phải mua rượu vang. Thêm một chiếc nữa. Không, mình không muốn ăn cháo. Thế là còn có bốn. Mình muốn xem chiếc lá cuối cùng trước khi trời tối. Khi ấy

mình cũng sẽ ra đi.

Sue nghiêng mình trên cô:

- Johnsy ơi, bồ có thể hứa nhắm mắt lại và không nhìn ra ngoài cửa sổ khi mình làm việc được không? Ngày mai mình phải đi giao mấy bức vẽ. Mình cần ánh sáng, nếu không mình phải kéo rèm xuống.

Johnsy hỏi, giọng lạnh tanh:

- Bạn có thể vẽ trong phòng kia được không?

- Mình muốn ở kề bên bồ. Hơn nữa, mình không muốn bồ cứ nhìn mãi mấy chiếc lá thường xuân vô duyên đó.

- Cho mình biết khi nào bạn làm xong, vì mình muốn xem chiếc lá cuối cùng rụng xuống. Mình chán chờ đợi rồi. Mình chán suy nghĩ. Mình muốn buông xuôi tất cả, và thả người trôi xuống, xuống nữa, như là một trong mấy chiếc lá mệt mỏi kia.

Johnsy nhắm mắt lại, mặt tái nhợt, nằm yên như la một cái tượng bị sập đổ.

- Ráng ngủ đi. Mình muốn kêu ông Behrman lên để ngồi mẫu cho mình vẽ một ông thợ mỏ già cô độc. Mình chỉ đi một phút. Đừng cựa quậy cho đến khi mình trở lại.

Ông già Behrman là một họa sĩ sống ở tầng trệt bên dưới phòng của họ. Ông đã quá sáu mươi, và có một chòm râu rậm như ông Moses hiện thân trên bức điêu khắc của Michael Angelo. Behrman là cả một sự thất bại trong nghệ thuật. Trong bốn mươi năm ông vung vẩy chiếc cọ mà không hề chạm gần đến vạt áo của Người Tình. Ông luôn luôn muốn vẽ nên một kiệt tác, nhưng chưa bao giờ bắt đầu. Trong vài năm nay ông không vẽ được gì ngoại trừ thỉnh thoảng ít nét quấy quạ cho giới thương mại và quảng cáo. Ông kiếm tiền chút đỉnh bằng việc ngồi làm mẫu cho các họa sĩ trẻ trong quần cư khi họ không muốn trả theo giá của người mẫu chuyên nghiệp. Ông uống rượu gin lu bù, và vẫn nói đến kiệt tác sắp đến của ông. Còn lại thì Behrnam là một ông già nhỏ thó nhưng dữ tợn, hay chửi như té tát người nào tỏ ra yếu đuối, và xem mình như là con chó giữ nhà để bảo vệ cho hai họa sĩ trẻ sống ở tầng trên.

Sue tìm gặp Behrman khi ông nồng nặc mùi rượu dâu trong căn phòng nhỏ tối tăm mù. Trong một góc là cái giá vẽ với khung vải trống trơn, suốt hai mươi lăm năm vẫn

chờ đợi đường nét đầu tiên của một kiệt tác. Cô nói cho ông nghe về chuyện hảo huyền của Johnsy, về việc cô nàng – quả thật nhẹ tênh và mỏng manh như một chiếc lá - sẽ trôi đi khi sự bám víu của cô vào trần thế vốn đã yếu sẽ yếu thêm.

Ông già Behrman, với cặp mắt đỏ sòng sọc, lớn tiếng kinh thường và chế diễu cho những điều tưởng tượng ngốc nghếch:

- Khốn khổ! ở đời sao lại có người ngu xuẩn muốn chết vì mấy cái lá rụng từ một dây leo vô duyên như vậy? Tao chưa bao giờ nghe có chuyện này. Không tao sẽ không ngồi làm mẫu cho một đứa ẩn cư ngu ngốc như mày. Tại sao mày lại để ý tưởng khủng điên đấy đi vào đầu của nó? Ôi dào, cái con nhỏ Johnsy khốn khổ!

- Chị ấy đang yếu lắm, và cơn sốt làm cho đầu óc chị ấy trở nên bệnh hoạn đầy những mơ tưởng kỳ quái. Được rồi, nếu ông không muốn ngồi làm mẫu cho tôi cũng được. Nhưng tôi nghĩ ông là một ông già xấu tính – già vô tích sự.

Ông Behrman tru tréo lên:

- Mày đúng là đàn bà! Ai bảo tao không muốn ngồi làm mẫu? Đi lên đi. Tao sẽ đến. Cả nửa giờ đồng hồ rồi tao đã nói là tao sẵn sàng ngồi. Trời ơi! Đây không phải là chỗ cô Johnsy có thể nằm bẹp dưỡng bệnh được. Một ngày nào đấy tao sẽ vẽ nên một kiệt tác, và bọn mình sẽ rời đi nơi khác. Trời ơi! Đúng là phải như thế.

Johnst đang ngủ khi họ lên. Sue buông cái rèm cửa xuống, ra dấu bảo Behrman đi vào phòng kia. Trong đấy, xuyên qua khung cửa sổ họ nhìn dây thường xuân với nỗi lo sợ. Rồi họ nhìn nhau một lúc, không nói lời nào. Một cơn mưa giá lạnh đang ập xuống dai dẳng, pha cùng với tuyết. Trong chiếc áo xanh cũ kỹ, Behrman ngồi làm mẫu, giả làm một thợ mỏ ẩn cư, ngồi trên một cái ấm lật ngược giả làm một tảng đá.

Khi Sue thức giấc vào buổi sáng sau giấc ngủ kéo dài một giờ, cô thấy Johnsy đang vô hồn nhìn cái rèm màu sậm đã buông xuống. Johnsy thì thào:

- Kéo rèm lên. Mình muốn nhìn.

Sue mệt mỏi làm theo bạn.

- Nhưng xem kìa! Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió xoáy dữ tợn suốt một đêm dài, vẫn còn một chiếc lá thường Xuân dựa trên bức tường gạch. Đây là chiếc lá cuối

cùng. Vẫn còn có màu xanh thẫm gần cuống, nhưng với phần rìa te tua pha màu vàng của sự tàn tạ, chiếc lá vẫn dũng cảm bám vào cái cành cao dăm bảy mét cách mặt đất.

Johnsy nói:

- Đây là chiếc lá cuối cùng. Mình nghĩ chắc chắn nó đã rụng đêm qua. Mình nghe tiếng gió. Nó sẽ rụng hôm nay, và mình sẽ chết cùng lúc với nó.

Sue nghiêng khuôn mặt tóp của cô kề cận cái gối:

- Cưng ơì là cưng! Nếu cưng không nghĩ đến chính bản thân cưng thì nên nghĩ đến mình đây. Mình sẽ làm được gì chứ?

Nhưng Johnsy không trả lời. Nỗi cô đơn cùng cực nhất trên thế gian là một linh hồn chuẩn bị tiếp tục cuộc hành trình bí ẩn, xa thẳm. Điều mộng tưởng dường như đã ảnh hưởng cô mạnh mẽ hơn khi những dây nối buộc cô với tình bạn và với trần thế đã bị rơi lỏng.

Ngày dần trôi, và dù qua khoảng không xám xịt, họ vẫn thấy chiếc lá đơn độc bám vào cuống của nó, dựa vào bức tường. Và rồi, khi màn đêm buông xuống, gió bắc lại thổi, trong khi mưa vẫn đập vào các cửa sổ, chảy ồ ạt xuống theo rìa mái nhà kiểu Hà Lan.

Khi đã có đủ ánh sáng buổi tinh sương, Johnsy, con người vô cảm, lại ra lệnh kéo cái rèm xuống.

Chiếc lá thường xuân vẫn còn đấy.

Johnsy nằm một hồi lâu nhìn nó. Và rồi cô gọi Sue, đang quây nôi cháo ga trên cái bếp ga. Cô nói:

- Mình là đũa hũ, Sue à. Có cái gì đó đã khiến chiếc lá vẫn ở đấy để cho thấy mình quả là độc ác. Muốn chết là một cái tội. Bây giờ bồ có thể mang cho mình chút cháo, và ít sữa pha chút rượu vang porto, và... không, mang trước cho mình cái gương soi cầm tay, rồi chèn ít cái gối quanh mình, rồi mình sẽ ngồi lên để xem bồ nấu nướng.

Một giờ sau, cô nói:

- Sue à, một ngày nào đấy mình sẽ vẽ cảnh vịnh Naples.

Ông bác sĩ đến vào buổi xế chiều, và khi ông trở ra Sue có cơ để đi ra ngoài hành

lạnh. Ông nắm lấy bàn tay gầy, run rẩy của Sue đặt trong tay ông.

- Cơ may ngang bằng. Với công chăm sóc tận tụy của cô, cô sẽ thắng. Và giờ tôi phải đến thăm một ca khác ở tầng dưới. Người bệnh là Behrman – tôi nghĩ chừng đâu là một họa sĩ. Cũng viêm phổi. Ông ta già cả, yếu đuối, cơn bệnh lại là cấp tính. Không có hi vọng gì, nhưng tôi sẽ đưa ông đến bệnh viện để được thoải mái hơn.

Ngày kế, ông bác sĩ bảo Sue:

- Cô ấy qua khỏi cơn nguy rồi. Cô đã thắng. Bây giờ chỉ cần dinh dưỡng và chăm sóc – chỉ có thể thôi.

Buổi chiều ấy, khi Johsy đang đan một cái khăn quàng len màu lam thật đậm và xem vẽ rất vô dụng, Sue đến bên giường cô, đặt cánh tay quanh cô và cũng quanh mấy cái gối.

- Mình có chuyện này nói cho bồ biết, cái con chuột trắng ời. Ông Behrman qua đời hôm nay ở bệnh viện vì chứng viêm phổi. Ông ấy nhuộm bệnh chỉ trong có hai ngày. Người gác đàn tìm thấy ông sáng ngày đầu tiên trong căn phòng tầng dưới, ngất xỉu với cái chân đau đớn. Đôi giày và quần áo ông ấy bị ướt cả, lạnh như nước đá. Họ không thể hiểu nổi ông đã đi đâu trong một đêm kinh hoàng như thế. Và rồi họ tìm thấy cái đèn bão, vẫn cháy, và một cái thang đã bị rời khỏi nơi cất giữ, vài cây cọ rơi tả, và nghiên màu mới ít màu xanh và vàng, bồ nhìn ra ngoài cửa sổ xem, nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng trên bức tường đấy. Bồ có đặt nghi vấn tại sao nó không bao giờ bay lất phất khi có gió thổi không? Cưng ời, đó là kiệt tác của ông Behrman đấy - ông đã vẽ nó đúng vào đêm chiếc lá cuối cùng rơi rụng.

DẤU VẾT CỦA BIN ĐEN

Một người gầy lêu đêu, khoẻ mạnh, mặt đỏ rực, có cái mũi khoằm của tướng Oenlinhton, đôi mắt đã đỏ lại được đôi lông mi đỏ hoe tôn lên làm cho đỏ như cội, ngồi trên sân ga Lôtx Pinôtx, hai chân đung đưa. Ngồi bên cạnh là một người to béo, trầm tư, dáng buồn, hình như họ là bạn thân của nhau. Họ mang dáng dấp của những người mà cuộc đời như một cái áo khoác mặc được cả hai mặt - mặt nào cũng là trái được.

- Không gặp cậu đến bốn năm nay rồi, Ham ạ, - người ủ rũ nói. - Cậu đi những đâu thế?

- Bang Têchdát, - người mặt đỏ nói. - Ở Alaxka lạnh lắm, còn ở Têchdát tôi thấy ấm áp. Tôi sẽ kể cậu nghe về một vụ nóng mà tôi đã trải qua ở đó.

*

* *

Vào một buổi sáng, tôi xuống xe tốc hành bên một hồ chứa nước và để mặc cho xe đi tiếp không cần có tôi. Chỗ đây là một trang trại nhà cửa nhiều hơn ở thành phố Niu-Yooc. Chỉ có điều người ta xây cách xa nhau khoảng hai chục dặm để có ngồi ăn thì nhà khác không ngửi thấy mùi, còn hơn là chỉ xây cách cửa nhà ông hàng xóm một tí. Chẳng thấy đường sá gì cả, vì vậy tôi đành phải cuốc bộ qua đồng quê. Cỏ mọc lún mắt cá chân và cây mexkit mọc trồng như một vườn đào. Trông hết như cơ ngơi của một nhà quý tộc, nên lúc nào ta cũng có cảm tưởng bị đàn chó xõ ra đón. Phải đi mất đến hai mươi dặm tôi mới nhìn thấy một căn nhà nhỏ, to độ bằng một nhà ga nổi.

Dưới gốc cây trước cửa nhà có một người nhỏ bé mặc áo sơ mi trắng và bộ quần áo lao động màu nâu, cổ thắt một chiếc khăn tay màu hồng.

“Xin chào”, tôi nói. “Có gì cho uống, tiền thù lao hay một công việc cho một người khách tương đối lạ hay không?”

“Ồ, xin mời vào”, người đó nói, giọng nghe tao nhã. “Xin mời ngồi xuống cái ghế đẩukia. Tôi không nghe thấy có tiếng ngựa”.

“Còn xa”, tôi nói. “Tôi đi bộ đến đây. Tôi không muốn phiền ông, nhưng giá ông cho tôi xin xô nước thì tốt quá”

“Trông anh bẩn ghê”, ông ta nói, “mà việc thu xếp để tắm thì...”

“Tôi chỉ cần nước để uống thôi”, tôi nói. “Ồ, bụi bặm bên ngoài, ngại gì”.

Ông ta lấy cho tôi độ một môi nước ở trên cái bình đỏ treo lủng lẳng, rồi nói tiếp:

“Ông cần có việc làm à?”

“Tạm thời thôi”, tôi nói. “Nơi này kể cũng khá vắng vẻ đấy nhỉ?”

“Đúng vậy”, ông ta nói. “Đôi lúc, người ta nói, có đến hàng tuần cũn không có một mống nào qua lại. Tôi mới ở đây có một tháng nay. Tôi mua cái trang trại này của một người định cư cũ. Ông ta muốn chuyển xa hơn nữa về phía tây”.

“Rất hợp với tôi”, tôi nói. “Yên tĩnh và an trí đôi lúc cũng tốt cho con người ta đấy. Nhưng tôi cần một việc làm. Tôi biết phục vụ bar, các mỗ muối, giảng bài, phát hành cổ phiếu, đấm bốc ở hạng trung, và chơi đàn piano”.

“Anh biết chăn cừu chứ?”, viên chủ trại nhỏ bé hỏi.

“Ý ông muốn hỏi tôi đã chăn cừu chưa chứ gì?”, tôi hỏi.

“Anh có biết chăn không? Nghĩa là quản lí đàn cừu ấy?”, ông ta nói.

“Ồ”, tôi nói, “tôi hiểu ra rồi. Ý ông muốn nói là xua chúng và sữa chúng như chó cõli sữa chứ gì. Ồ, tôi làm được”, tôi nói. “Thực ra tôi chưa bao giờ đi chăn cừu cả, nhưng qua cửa ô tô cũng thường hay nhìn thấy chúng nhai hoa cúc, trông không có gì dữ tợn cả nhỉ!”.

“Tôi thiếu một người chăn cừu”, viên chủ trại nói. “Đừng có bao giờ trông cậy gì được người Mêhicô đâu. Tôi chỉ có hai đàn cừu thôi. Buổi sáng anh đưa khoảng tám trăm con đi chăn cho tôi, có đáng mấy. Tôi trả anh hai mươi đôla một tháng và bao thêm cả ăn uống. Anh ở trong trại lều trên đồng cỏ với đàn cừu. Anh thổi nấu lấy, nhưng tôi cho người mang củi và nước đến cho anh. Công việc cũng chả có gì là vất vả”.

“Tôi đồng ý”, tôi nói. “Tôi xin nhận việc đó, dù cho tôi có phải quàng quanh trán một vòng hoa, tay bám vào cái gậy, mặc quần áo thụng và chơi kèn ống như những người chăn cừu trong các bức ảnh”.

Vậy là đến sáng hôm sau, viên chủ trại nhỏ bé giúp tôi dẫn đàn cừu từ bãi quây đến gặm cỏ bên sườn đồi nhỏ trên đồng cỏ cách đây độ hai dặm. Ông ta dạy tôi nhiều điều, nào là đừng có để từng đám cừu tách khỏi đàn, nào là đến trưa phải đưa chúng về máng nước để uống nước.

“Tôi sẽ cho xe chở lều bạt, các đồ để cắm trại và thức ăn đến cho anh vào trước lúc trời tối”, ông ta nói.

“Được”, tôi nói. “Mà đừng có quên thức ăn đấy, cả các đồ cắm trại nữa. Nhớ mang cả lều nhé. Tên ông là Zôlicophơ phải không?”.

“Tên tôi là”, ông ta nói, “là Henri Ogđen”.

“Ồ, vậy là ông Ogđen”, tôi nói. “Tên tôi là Pecxivan Xanh Cole”.

Tôi chăn đàn cừu được năm ngày ở trang trại Chikitô, lòng cừu thấm cả vào lòng tôi. Con người mình sống hầu như gần với thiên nhiên. Tôi trở nên cô đơn hơn cả con dê của Cruxô (1). Tôi đã từng gặp bao người bạn đường thú vị hơn những con cừu đó. Tối tối tôi lừa chúng về bãi quây và nhốt chúng ở đó, rồi nấu ăn, có bánh ngô, thịt cừu và cà phê, sau đó vào nằm ngủ trong một cái lều to bằng cái khăn trải bàn, nghe chó sói sủa và chim đớp muỗi hót quanh lều. Đến buổi tối của ngày thứ năm, sau khi tôi đưa lũ cừu dắt tiền mà tẻ nhạt đó vào bãi quây, tôi đi về khu nhà trại và bước vào cửa.

“Ông Ogđen”, tôi nói, “tôi và ông cần phải đánh bạc với nhau. Lũ cừu cũng làm đẹp cho phong cảnh và giúp làm nên những bộ quần áo lông trị giá tám đôla cho con người đấy, nhưng để chuyện trò tâm đầu ý hợp, thì chúng chỉ ngang hàng những vật vô tích sự. Nếu ông có bộ bài hay cờ, hay sách thì mang ra đây cho chúng ta hoạt động trí óc một tí. Tôi phải làm một việc gì đó về mặt trí tuệ, dù chỉ là đấu trí, với ai đó”.

Tay Henri Ogđen này là một chủ trại kì quái. Hắn ta đeo nhẫn và một cái đồng hồ

vàng to bụi, cổ đeo cà vạt cẩn thận. Bộ mặt hắc lúc nào cũng trầm tĩnh và cặp kính kẹp ở mũi lúc nào cũng bóng loáng. Có một lần ở Muxcôghi tôi đã nhìn thấy một kẻ ngoài vòng pháp luật bị treo cổ vì đã giết chết sáu người, tên này trông giống hệt hắc ta. Nhưng tôi lại còn biết một cha cố ở Ackandat, anh mà nhìn cứ tưởng đấy là ông anh hắc. Dù gì cũng mặc xác hắc; điều tôi cần là muốn có bạn cùng chung vui, dù là thánh thần hay là những kẻ tội lỗi không còn hi vọng hoán cải cũng mặc, không phải cừu là được.

“Ồ, ông Xanh Cole”, hắc nói, đặt quyển sách đang đọc xuống. “Tôi nghĩ lúc đầu anh thấy hơi cô độc đấy. Mà tôi cũng không chối rằng tôi cũng thấy đơn điệu. Anh đã lừa cừu vào bãi quây cả rồi phải không? Không lạc mất con nào đấy chứ?”

“Chúng bị nhốt nghiêm ngặt như là một ban hội thẩm xử một tên giết nhà triệu phú”, tôi nói. “Và tôi sẽ quay lại ngay, trước khi cô y tá có qua lớp đào tạo đến”.

Vậy là Ogden tráo bài và chúng tôi cùng chơi. Năm ngày năm đêm ở ngoài trại chăn cừu qua đi tựa như một tiếng còi ô tô trên đường Brôtuây. Lúc tôi thắng ván to, tôi cảm thấy hồi hộp như mình thắng đến hàng triệu đôla ở Toriniti. Rồi hắc có vẻ hơi thoải mái nên ngồi kể chuyện về người đàn bà trên toa xe lửa làm tôi cười đến năm phút.

Điều đó chứng tỏ đời đâu có phải là cái gì tuyệt đối. Người ta mà nhìn đủ thứ chán mắt quá thì chẳng buồn quay đầu lại nhìn ngôi biệt thự bừng sáng ánh đèn trị giá đến ba triệu đôla hoặc ngắm biển Adriatic. Nhưng cứ để hắc ta đi chăn cừu một vụ đi, và ta sẽ thấy hắc ta cười đến vỡ bụng trước bài ca “Tối nay lệnh giới nghiêm không ban hành”, hay thoả thích chơi bài với các bà các cô.

Dần dần Ogden lôi ra một bình rượu buôcbông, và thế là đàn cừu bị lãng quên hắc.

“Anh có nhớ đã đọc các báo cách đây một tháng”, hắc nói, “về một vụ tổng tiền trên tàu thuộc Công ty Xe lửa K.T. không? Nhân viên an ninh của chuyến tàu bị bắn lủng cả vai và mất khoảng mười lăm nghìn đôla. Người ta đồn chỉ có một người hành động”.

“Hình như tôi có nhớ”, tôi nói, “nhưng những chuyện như thế xảy ra thường xuyên

đến nỗi chẳng bao giờ ở lại lâu trong đầu người Têchdát. Thế họ có đuổi theo và tóm được tên ăn cướp không?”.

“Hắn chạy thoát”, Ogden nói. “Và hôm nay tôi vừa đọc đến tin nói các viên cảnh sát đã truy lùng hắn ta đến tận nơi xó xỉnh này. Hình như tiền mà tên cướp cướp được đều là loại tiền phát hành lần đầu tiên của Nhà băng quốc gia Thứ hai của thành phố Expinôda. Người ta đã theo dõi dấu vết xem tiền đó được tiêu ở đâu, dấu vết ấy đưa họ theo lối này”.

Ogden rót thêm rượu và đẩy cái chén đến chỗ tôi.

“Tôi thiết nghĩ”, tôi nói, sau khi uống một hơi cạn chút rượu ngon tuyệt vời, “tên cướp tàu hoả nào mà không chạy xuống ẩn náu ở đây một thời gian ngắn thì chẳng khôn ngoan chút nào. Một trang trại nuôi cừu bây giờ là nơi ẩn náu tuyệt nhất đấy. Ai ngờ được một kẻ đầu trâu mặt ngựa lại ở chỗ những con chim hót, đàn cừu và những đám hoa dại này cơ chứ? Nhân tiện đây”, tôi nói, nhìn khắp lượt H. Ogden, “người ta có tả diện mạo tên khùng bố đơn thương độc mã đó không? Nét mặt hắn ra sao, cao hay thấp, béo hay gầy, răng như thế nào, quần áo kiểu gì, họ có in những cái đó trên báo không?”.

“Ồ, không”, Ogden nói, “không ai nhận được mặt hắn ta vì hắn ta đeo mặt nạ. Nhưng họ biết tên cướp đó tên là Bin Đen, vì hắn luôn hành động một mình, và vì hắn đánh rơi chiếc khăn tay trên chuyến tàu tốc hành có ghi tên hắn trên đó”.

“Tôi cũng đồng ý với Bin Đen là nên chạy về các khu trại nuôi cừu. Để ai tìm được hắn ta”.

“Người ta treo giải một nghìn đôla nếu ai bắt được hắn đấy”, Ogden nói.

“Tôi không cần loại tiền ấy”, tôi nói, nhìn thẳng vào mặt người chủ cừu. “Một tháng ông trả cho tôi hai mươi đôla là đủ rồi. Tôi cần nghỉ ngơi, vả lại tôi có thể dành dụm đến khi đủ tiền để trả tiền tàu đi Techxakana, nơi bà mẹ goá bụa của tôi đang sống. Nếu Bin Đen”, tôi nói tiếp, nhìn Ogden đầy ý nghĩa, “mà đi theo con đường này, giả dụ cách đây độ một tháng và mua một trang trại nuôi cừu và...”.

“Câm họng đi”, Ogden nói, nhảy phắt khỏi ghế và nhìn dữ tợn. “Có phải anh định ám

chỉ...".

"Không", tôi nói, "không ám chỉ gì hết. Cứ coi như một liều tiêm dưới da thôi. Tôi nói giả dụ Bin Đen mà đến đây và mua một trại nuôi cừu, đối xử với tôi thẳng thắn và tử tế như ông đây, thì ông ta chẳng có gì phải sợ tôi. Người vẫn là người, dù cho anh ta có mắc mưu gì với cừu hay với tàu hoả cũng không sao. Bây giờ ông biết lập trường của tôi rồi".

Ogden nhìn, mặt xám ngoét như món cà phê phải uống cho nhanh ở ngoài lều trại, rồi cười vui vẻ.

"Đúng, anh sẽ làm như vậy, Xanh Cole ạ", hắn nói. "Nếu tôi có là Bin Đen, tôi hoàn toàn tin ở anh, không có gì phải lo cả. Tối nay chúng ta chơi độ một, hai ván thôi. Ồ mà nếu anh thấy không có gì đáng ngại phải chơi với một tên cướp".

"Tôi đã nói với ông tình cảm của tôi, không có gì mờ ám trong tình cảm đó cả", tôi nói.

Trong lúc tôi còn đang chia bài sau ván thứ nhất, tôi hỏi Ogden, làm như vô tình là hắn ta từ đâu tới.

"À", hắn ta nói, "từ thung lũng sông Mitxixipi".

"Chốn ấy cũng đẹp đấy chứ", tôi nói. "Tôi cũng thường hay dừng chân ở đấy. Nhưng ông có thấy là ở đấy khá ẩm ướt, thức ăn thức uống nghèo nàn không? Tôi từ bờ Thái Bình Dương đến đây. Ông đã ở đấy bao giờ chưa?".

"Chỉ rệt gió là gió", Ogden nói. "Nhưng nếu anh có đến miền Trung Tây, chỉ cần nhắc đến tôi là có chỗ sưởi chân và được uống cà phê phin ngay".

"Ồ được", tôi nói, "tôi không đi tìm số điện thoại riêng của ông và cái tên đệm giữa của bà cô đã quyến rũ viên mục sư giáo hội Trưởng lão Kambolen đâu. Không sao. Tôi chỉ muốn ông biết là ông được an toàn trong bàn tay của người chăn cừu của ông. Nay, đừng có lấy quân cơ đánh quân bích, mà đừng có lo lắng thế".

"Cứ lải nhải mãi", Ogden nói, lại cười. "Thế anh không cho rằng nếu tôi là Bin Đen và nghĩ rằng anh nghi ngờ tôi, mà trong tay tôi lại có viên đạn súng Uynchextơ thì tôi kết liễu đời anh và chấm dứt sự lo lắng của tôi sao?".

“Không”, tôi nói. “Một người mà đã có gan cướp đoàn tàu một cách đơn độc không bao giờ lại chơi xỏ nhau thế cả. Tôi đã từng sống lang thang đây đó nên biết họ là loại người biết đánh giá bạn bè. Hơn nữa, tôi đâu dám coi mình là bạn của ông, ông Ogden ạ. Tôi chỉ dám coi mình là người chặn cừu của ông thôi; nhưng trong những hoàn cảnh thuận lợi hơn, biết đâu chúng ta có thể là bạn của nhau rồi”.

“Tôi yêu cầu tạm thời hãy quên đàn cừu đi”, Ogden nói. “Thôi chia bài đi”.

*

* *

Khoảng bốn ngày sau, trong lúc đàn cừu của tôi đang nghỉ trưa trên vũng nước, còn tôi đang lúi húi tranh thủ pha ấm cà phê, bỗng có một người bí mật đi nhẹ nhàng trên cỏ, mặc bộ quần áo mà người đó muốn tỏ ra mình là ai. Quần áo anh ta ở điểm trung gian giữa một thám tử thành phố Kandát, một ông bầu gánh xiếc, và một người được cử ra nhốt chó cho thành phố Batôn Rugiơ. Cầm và mắt anh ta biểu hiện tư thế chiến đấu, do đó tôi biết người đó chỉ là một gã mật vụ.

“Chặn cừu hả?”, người đó hỏi tôi.

“Vâng”, tôi nói, “trước một con người tinh đời như ông, tôi không dám nói mình làm việc đánh bóng đồng thau hay tra dầu mỡ cho xe đạp”.

“Trông cách ăn nói và dáng dấp của anh không có vẻ gì là người chặn cừu cả”, người đó nói.

“Nhưng ông nói thì tôi đoán ngay ra ông là ai”, tôi nói.

Rồi người đó hỏi tôi đang làm việc cho ai, tôi liền chỉ tay về phía trang trại Chikitô cách đây độ hai dặm núp dưới bóng một ngọn đồi thấp, sau đó người đó bảo với tôi rằng ông ta là phó cảnh sát quận.

“Có một tên cướp tàu tên là Bin Đen hiện nay đang ẩn nấp đâu đây”, gã cảnh sát nói.

“Hắn bị truy lùng đến tận Xan Antônô và có thể còn xa hơn nữa. Thế anh có nhìn hay nghe thấy kẻ lạ mặt nào quanh đây vào tháng trước không?”

“Không”, tôi nói, “trừ có một thông báo về một người ở khu Mêhicô của trại Lumitx trên sông Phoriô”.

“Anh biết gì về người đó?”, viên cảnh sát lại hỏi.

“Chẳng hay biết tí gì”, tôi nói.

“Người mà anh đang làm thuê trông ra sao? Ông già Gioocgiơ Rami còn sở hữu cái khu này không? Ông ta nuôi cừu ở đây đã mười năm rồi, nhưng chưa bao giờ làm ăn phát đạt cả”.

“Ông già đã bán khu này và đi về Miền Tây rồi”, tôi nói. “Một người ưa chuộng chuyện nuôi cừu khác đã đến mua khu này cách đây một tháng”.

“Trông ông ta thế nào?”, viên cảnh sát phò gặng hỏi.

“Ồ”, tôi nói, “đó là một người gốc Hà Lan to béo, ria để dài và đeo kính râm. Theo tôi ông ta chẳng biết gì về cừu đâu. Tôi nghĩ ông già Gioocgiơ cũng bán cho ông ta với cái giá cắt cổ đấy”, tôi nói.

Sau khi tôi cung cấp cho ông ta những tin chẳng ra đâu vào đâu và ăn gần hết bữa cơm thì ông ta cười ngửa đi.

Tối hôm đó, tôi nói lại chuyện đó cho Ogden nghe.

“Họ đang lần dấu vết của Bin Đen”, tôi nói. Sau đó tôi kể cho ông ta nghe về viên phó cảnh sát, cách tôi tả hình dáng của ông ta cho viên cảnh sát nghe và viên cảnh sát phó đã có ý kiến gì về vấn đề này.

“Ồ, hay lắm”, Ogden nói, “thôi chúng ta đừng có chuốc lấy rắc rối của Bin Đen làm gì. Chúng mình có mấy người với nhau thôi mà. Anh vào lấy trong tủ bupphê ra đây chai buôcbông và ta hay uống chúc sức khoẻ cho ông ta - trừ phi”, ông ta nói, cười khúc khích, “anh thành kiến với những người ăn cướp trên tàu”.

“Tôi sẽ uống chúc ai có lòng mong muốn người với người là bạn”, tôi nói. “Và tôi tin rằng Bin Đen sẽ là người như vậy. Bây giờ tôi xin nâng cốc chúc Bin Đen, chúc anh ta gặp may mắn”.

Cả hai chúng tôi nâng cốc uống.

*

* *

Hai tuần sau đến thời kì xén lông cừu. Cừu được đưa đến trại và nhiều người

Mêhicô đầu tóc bù xù đến, dùng kéo cắt ngược lông. Vì vậy, vào chiều hôm trước khi những người thợ đó đến, tôi lừa vợ những con cừu chưa xén lông qua đồi, rồi qua thung lũng nhỏ, xuống con suối ngoằn ngoèo rồi lại leo ngược lên khu trại, sau đó nhốt chúng vào bãi quây và chào tạm biệt chúng. Lúc đó trời đã tối.

Tôi về khu trại, thấy H. Ogden đang nằm ngủ trên một chiếc giường nhỏ. Tôi nghĩ có lẽ hẳn ta bị cơn bệnh ngủ nhiều, còn gọi là phản mất ngủ, hay một số bệnh chỉ có làm nghề nuôi cừu mới có. Mồm và áo vét của hắn đều mờ và hắn thở như cái bơm xe đạp cũ. Tôi nhìn vào hắn ta và thả cho những ý nghĩ ngộ nghĩnh có dịp bộc lộ. “Hoàng đế Xêda cũng ngủ như thế thôi, chỉ có điều phải ngậm mồm, cho gió khỏi lọt vào mà thôi”.

Người đàn ông nằm ngủ rõ ràng là cảnh khiến cho các thiên thần phải khóc. Không hiểu tất cả những thứ như trí óc, cơ bắp, sống lưng, thần kinh, sự ảnh hưởng và những mối quan hệ gia đình còn ý nghĩa gì không? Anh ta nằm phó mặc vận mệnh cho kẻ thù, còn hơn thế, cho bạn bè định đoạt. Và anh ta đẹp gần như là con ngựa kéo xe đứng gần rạp hát thành phố vào lúc mười hai giờ rưỡi sáng, mơ về những cánh đồng Ả Rập. Còn người đàn bà nằm ngủ ta thấy khác hẳn. Dù cho mặt mũi cô nàng có trông như thế nào, ta vẫn cứ muốn nhìn cô ta nằm nguyên như thế càng lâu càng tốt.

Sau đó tôi cạn một chén rượu buôcbông và một chén khác vì Ogden, rồi rúc vào nhà nghỉ, kê cho hắn đánh một giấc trưa. Trên bàn hắn để vài cuốn sách về những chủ đề xa lạ như Nhật Bản, cống rãnh, thể dục - và một ít thuốc lá sợi, mà có lẽ cái sau cùng mới là cái chính.

Ngồi hít mấy hơi thuốc và nghe H. Ogden thở phì phò, tôi vô tình nhìn ra ngoài cửa sổ về phía bãi quây cừu, nơi có một con đường mòn tiếp con đường chạy qua một thung lũng con ở phía xa.

Tôi thấy có năm người đang cưỡi ngựa về phía căn nhà. Tất cả đều quàng súng qua yên ngựa, trong đó có cả viên cảnh sát phó mà tôi đã nói chuyện ngoài trại.

Họ tiến cẩn thận, theo đội hình tấn công, súng lăm lăm. Đặc biệt tôi nhìn chăm chú

vào một người tôi tin chắc đây là ông trùm của đội kị binh giữ gìn an ninh trật tự này.

“Xin chào các ngài”, tôi nói. “Xin mời các ngài xuống ngựa”.

Ông trùm cười ngựa tiến sát đến chĩa họng súng vào mũi tôi.

“Không được động đây, sau khi nguoi và ta đã có một cuộc trao đổi cần thiết”.

“Tôi sẽ không động đây”, tôi nói. “Tôi không cầm điếc, vì vậy không việc gì phải cưỡng lại lệnh của ngài”.

“Chúng tôi đang truy lùng Bin Đen, kẻ đã cướp mười lăm nghìn đôla trên tàu của Công ty K.T. vào tháng năm. Chúng tôi đang đi lục soát các trang trại và mọi người ở đây. Tên anh là gì và anh làm gì trên cái trại này?”.

“Thưa đại úy”, tôi nói, “Pecxivan Xanh Cole là nghề của tôi và tên tôi là chẵn cừ. Tôi chăm đàn bê, à không đàn cừu, tôi nay được mang nhốt ở đây. Những người kiểm soát ngày mai sẽ đến để xén lông, bằng rư... ợu thì phải”.

“Ông chủ trại này đâu?”, viên đại úy hỏi.

“Xin ngài chờ một tí, ngài đại úy”, tôi nói. “Thế không có giải thưởng cho ai bắt được kẻ liều lĩnh mà ngài có nói trong lời nói đầu của ngài à?”.

“Có treo giải một nghìn đôla”, viên đại úy nói, “nhưng đây là thưởng cho ai bắt và đem hẳn ra nộp. Chứ không có điều khoản nào nói về việc thưởng cho ai chỉ điểm cả”.

“Trời trông như ngày một ngày hai nửa thì mưa ấy”, tôi nói, mệt mỏi nhìn lên bầu trời xanh.

“Nếu anh biết địa điểm, tính tình hay cái mật danh của tên Bin Đen này”, ông ta nói nghiêm nghe đặc giọng địa phương, “mà không bấm báo thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật”.

“Tôi có nghe thấy một người chẵn ngựa”, tôi nói, giọng không được mạch lạc, “kể là có một người Mêhicô bảo với cậu bé chẵn bò tên là Giêch bên cửa hàng ở phố Nuetsx rằng ông ta có nghe thấy người anh họ của một người chẵn cừu nói đã nhìn thấy Bin Đen ở Matômorat cách đây hai tuần”.

“Nghe tôi nói đây, anh chàng Miệng Ngậm Tăm ạ”, viên đại úy nói, nhìn tôi một lượt rồi mặc cả, “nếu anh chỉ cho chúng ta tóm được Bin Đen, ta sẽ lấy tiền túi của ta, à của bọn ta thưởng anh một trăm đôla. Thế là hào phóng rồi đấy. Anh chẳng mất cái gì cả. Nào, nói đi”.

“Đặt tiền ra chứ”, tôi hỏi.

Viên đại úy bàn bạc gì đó với những người cùng đi, rồi sau đó tôi thấy họ dốc túi ra. Kết quả họ có tất cả một trăm linh hai đồng ba hào tiền mặt và thuốc lá bánh trị giá ba mươi mốt đôla.

“Lại gần đây, đại úy”, tôi nói, “và nghe đây”. Viên đại úy tiến lại gần.

“Tôi nghèo rớt và là kẻ hèn hạ ở trên đời này”, tôi nói. “Tôi làm việc để mong kiếm mỗi tháng mười hai đôla, chăn đàn súc vật, mà bọn cừu này lúc nào cũng chỉ nghĩ làm sao tách nhau ra thôi, dù cho tôi có tự cho mình có gì khấm khá hơn cái bang Nam Đacôta thì cũng thấy vận mình sa sút, từ xưa đến nay chỉ tiếp xúc với cừu dưới dạng những miếng thịt sườn. Sở dĩ có cái cảnh bĩ cực ấy cũng là do những tham vọng của mình bị tan thành mây khói, tại đủ các loại rượu người ta bày suốt dọc đường trên tàu của Công ty Đường sắt PRR từ Xkranton đến Xinxinati, nào rượu rum, nào rượu gin, nào vécmút Pháp, ông ạ. Nếu ông có đi theo con đường ấy, đừng quên thử xem sao. Vả lại tôi không bao giờ phản thù bạn bè cả. Tôi ở bên họ khi họ dư dật, và khi vận nghịch đến với tôi, tôi cũng không bao giờ bỏ rơi họ”.

“Nhưng”, tôi nói tiếp, “đây hoàn toàn không phải trường hợp một người bạn. Mười hai đôla một tháng chỉ là món tiền gọi là quen thuộc sơ sơ thôi. Tôi cũng không coi những hạt đậu nâu và bánh ngô là thức ăn của tình bạn. Tôi là kẻ nghèo”, tôi nói, “và tôi có một mẹ già goá bụa ở Techxacana. Ngài sẽ tìm thấy Bin Đen đang nằm ngủ trong căn nhà này, trên một cái giường con trong buồng về phía bên phải ngài. Đó chính là người ngài cần, vì qua lời nói và những buổi nói chuyện tôi biết đúng hần ta rồi. Hần ta cũng phần nào đó gọi là bạn được”, tôi giải thích, “và nếu tôi là con người trước kia thì toàn bộ sản phẩm của các khu mỏ vàng Gônđôla cũng chẳng quyến rũ nổi tôi phản bội hần ta. Nhưng hàng tuần có đến một nửa số đậu tôi ăn có sâu và đêm

không có đủ củi sưởi ngoài lều trại”.

“Nên đi vào cẩn thận, các ngài ạ”, tôi nói, “có những lúc hắc ta có vẻ rất sốt ruột và khi ta mà nghĩ đến hành động ăn cướp chuyên nghiệp vừa qua của hắc, chắc ta sẽ có những hành động kịp thời nếu đột nhiên bắt gặp hắc”.

Toàn đội cảnh sát xuống ngựa và buộc ngựa lại, sau đó tháo vũ khí đạn dược ra, rón rén đi vào nhà. Còn tôi thì đi theo, cứ như nàng Đalila phản bội, nộp Xamxon cho những tên Philixtanh.

Viên đội trưởng lay lay đánh thức Ogđen dậy. Và khi hắc chồm dậy, thêm hai người đi sẵn giải thưởng nữa tiến đến tóm hắc. Mạnh khảnh vậy mà hắc rất khoẻ và hắc dùng chân đánh bật cả viên cảnh sát đi, trông ngon lành chưa từng thấy.

“Thế này là thế nào?”, hắc nói, sau khi họ lôi hắc xuống.

“Ông đã bị bắt, ông Bin Đen ạ”, viên đại úy nói. “Chỉ có thế thôi”.

“Đây là một sự xúc phạm trắng trợn”, H. Ogđen nói, càng vùng vẫy điên cuồng hơn.

“Đúng vậy”, con người ưa chuộng hoà bình và có thiện chí nói. “Đoàn tàu của Công ty K.T. không làm phiền ông, nhưng còn có luật để chống lại việc tấy máy những cái gói tiền trên chuyến tàu tốc hành chứ?”

Sau đó ông ta ngồi lên bụng Ogđen và lần lượt sờ khắp các túi của hắc một cách cẩn thận.

“Tôi sẽ làm cho các ông phải toát mồ hôi ra vì chuyện này”, Ogđen nói, người hắc cũng thấy toát mồ hôi. “Tôi sẽ chứng minh tôi là ai”.

“Ta cũng có thể làm được”, viên đại úy nói, khi ông ta rút từ trong túi áo khoác của H. Ogđen một nắm đầy những tiền mới toanh của Nhà băng Quốc gia Thứ hai của thành phố Expinôda. “Những thiệp mời in nổi vào ngày thứ ba và thứ sáu của nhà ngươi cũng không thể chứng minh hùng hồn bằng những đồng tiền này. Bây giờ ngươi có thể ngồi dậy và chuẩn bị đi theo chúng tao đến nơi thanh toán tội ác của ngươi”.

Ogđen đứng dậy, nấn lại khăn quàng cổ. Sau đó hắc không nói gì nữa khi họ đã lấy hết tiền khỏi người hắc.

“Một ý đồ vô cùng trơn tru”, viên đại úy nói, tỏ vẻ tán thưởng. “Xuống ẩn nấu tại nơi này và mua một trại cừu nhỏ để không ai có thể tìm ra tung tích. Thật là một nơi ẩn nấu khôn ngoan nhất đấy”.

Rồi một viên cảnh sát đến chuồng xén lông, lòng được một người chăn cừu khác, một người Mêhicô tên gọi là Giôn Xali, bảo anh ta đóng yên ngựa của Ogden, sau đó tất cả cảnh sát cưỡi ngựa sát quanh hẻm, súng lăm lăm trong tay, chuẩn bị đưa tù nhân về thành phố.

Trước khi lên đường, Ogden trao cái trại cho Giôn Xali cai quản và bảo anh ta xén lông cừu, dẫn đàn cừu đi gặm cỏ ở đâu, cứ như hẻm ta có ý định đôi ba ngày nữa sẽ quay lại. Và một hai giờ sau người ta có thể thấy một Pecxivan Xanh Cole, một người chăn cừu cũ của trang trại Chikitô, có một trăm đôla tiền lương và tiền thưởng ở trong túi, cưỡi trên con ngựa khác của trại đó về phía nam.

*

* *

Người mặt đỏ dừng lại và lắng nghe. Tiếng còi của chuyến tàu hàng vang lên xa xa giữa những khu đồi thấp.

Người béo tốt, buồn bã ngồi bên cạnh khịt khịt mũi, rồi từ từ lắc cái đầu bần một cách khinh miệt.

“Gì thế, Xnipi?”, người kia hỏi. “Lại buồn chán gì rồi?”.

“Không phải”, người buồn trả lời, lại khịt khịt mũi. “Nhưng tôi không thích câu chuyện của cậu. Tôi và cậu là bạn của nhau, tuy rằng có những lúc xa nhau, trong mười lăm năm trời; và tôi chưa bao giờ nghe chuyện cậu đi khai báo người khác cho pháp luật cả - một người cũng chưa. Vậy mà đây lại là một người đã cho cậu ăn và đã ngồi bên chiếu bạc, cứ cho là thế đi, đánh bạc với cậu. Thế mà cậu lại đi bẩm báo người đó để được tiền thưởng. Tôi nghĩ, cậu chẳng bao giờ lại như thế cả”.

“Sau này tôi có nghe nói rằng anh chàng H. Ogden”, người mặt đỏ kể tiếp, “nhờ có một luật sư và nhờ vào những điều luật khác, đã chối phăng lúc đó mình không có mặt ở đấy và anh ta đã vô tội. Anh ta đã giúp tôi, vậy mà tôi lại ghét anh ta và khai

báo anh ta”.

“Thế còn những đồng tiền họ tìm thấy ở trong túi anh ta thì sao?”, người buồn hỏi.

“Tôi để vào đấy”, người mặt đỏ trả lời, “trong lúc anh ta đang ngủ, vì tôi thấy có cảnh sát đang đi ngựa lại. Tôi mới là Bin Đen, Xnipi, tàu đến kia rồi! Chúng ta lên ngồi ở chỗ hãm xung trong lúc tàu còn lấy nước đi!“./.

Mạnh Chương dịch

Chú thích:

(1) Nhân vật trong tiểu thuyết Rôbinxơn Cruxô của Đ. Đêphô, lạc lên hoang đảo

ĐÊM Ả RẬP TẠI QUẢNG TRƯỜNG MADIXON

Philip mang chuyển thư chiều đến cho Cacxon Samơ đang ngồi trong căn nhà gần quảng trường. Ngoài thư tín bình thường còn có hai phong thư có dấu bưu điện nước ngoài.

Một phong thư có gửi kèm theo bức ảnh một phụ nữ. Phong thư kia là một lá thư dài vô tận khiến Samơ ngồi há hốc mồm say sưa đọc mãi. Bức thư đó lại của một người phụ nữ khác gửi, lời lẽ trong thư như lưỡi câu tẩm mật ong ngọt ngào, chêm vào những câu bóng gió, châm chọc sâu cay về người đàn bà gửi thư kèm ảnh.

Samơ xé bức thư ra trăm ngàn mảnh, rồi cắt những bước dài đi đi lại lại trên tấm thảm đắt tiền như muốn làm cho nó toi tả ra. Con thú rừng bị nhốt trong chuồng hành động như thế nào thì con người lạc trong khu rừng rậm hoài nghi cũng hành động như vậy.

Dần dần tâm trạng bồn chồn cũng lắng xuống. Tấm thảm đó không phải là tấm thảm có phép màu nhiệm. Nó cũng chỉ dài có vài mét, đi một tí là hết. Muốn đi ba ngàn dặm đường thì nó chẳng thể giúp gì ông được.

Philip xuất hiện. Không bao giờ anh ta vào hẳn trong buồng, lúc nào cũng chỉ thập thò, cứ như ma trời.

- Ngài dùng cơm ở đây hay ngoài nhà ạ?

- Ở đây – Samơ nói, – nửa giờ nữa nhé.

Ông ta buồn bã ngồi nghe tiếng gió thág giêng hú dọc theo phố vắng, nghe phù phù như tiếng kèn tơ-rom-bon thổi.

- À này, – ông vội nói với anh chàng Philip vừa mới đẩy đã biến đi, – lúc trên đường về nhà, đến cuối chỗ quảng trường, ta thấy lối nhỏ người đứng thành hàng dài. Có

một người đứng lên trên cái gì ấy, diễn thuyết. Sao những người đó lại đứng xếp hàng ở đấy nhỉ? Mà họ đứng đấy để làm gì hả?

- Thừa ông, họ là những kẻ vô gia cư, – Philip trả lời, – Người đứng trên cái hòm đó cố sức diễn thuyết để những người kia có chỗ ngủ qua đêm. Thiên hạ xúm quanh nghe và cho ông ta tiền. Sau đó ông ta có bao nhiêu tiền đều đem trả cho chủ trọ. Vì vậy họ mới đứng xếp hàng, cứ đến lượt người nào thì người ấy được dẫn đi đến chỗ ngủ.

- Tí nữa đến giờ ăn cơm, – Samơ nói, – anh xuống dẫn một người trong bọn họ lên đây. Anh ta sẽ ăn cơm với ta.

- Dẫn a-a-ai ạ... – Philip cất tiếng lắp bắp. Từ ngày phục vụ ông chủ đến giờ, đây là lần đầu tiên anh ta tỏ ra lúng túng như vậy.

- Chọn ai cũng được, – Samơ nói. – Có điều anh phải xem xem anh ta đừng có say lướt khướt, mà anh ta cũng phải sạch sẽ một tí. Thế nhé.

Cacxon Samơ đâu có quen đóng vai kẻ làm phúc. Nhưng đêm hôm đó không có thứ thuốc gì có thể làm cho ông ta nguôi nổi u sầu nên ông ta phải có một cái gì đó thật ngộ nghĩnh, đầy thú vị và mang tính Ả Rập để khuấy khoả tâm trạng đôi chút.

Trong nửa giờ, Philip hoàn thành nhiệm vụ làm tên nô lệ của cây đèn thần (2). Những người hầu bàn ở tiệm ăn dưới nhà tắt tưới mang lên gác bữa ăn tối thịnh soạn. Bàn ăn soạn cho hai người rực rỡ trong ánh đèn nến nhảy nhót dưới chụp đèn màu hồng.

Lúc này Philip đứng đường hoàng đẩy lệ vị khách vào, cứ như đang hộ tống một hồng y giáo chủ – hoặc là một tên trộm bị bắt, chứ không phải là một gã ăn mày đang run cầm cập vừa được lôi từ hàng người vô gia cư xin ngủ nhờ qua đêm kia.

Thường người ta gọi những người như vậy là kẻ vô thừa nhận, nhưng giả dụ có so sánh trong trường hợp đặt biệt ở đây, thì con người này chẳng khác gì một con tàu gặp nạn đang bị bốc cháy, bồng bềnh trôi dạt trong biển đời như ta vẫn thấy. Ngọn lửa bập bùng chiếu sáng trong con người anh ta. Mặt và tay anh ta vừa được rửa xong – một lễ nghi mà Philip kiên quyết thực hiện tựa như lễ tưởng niệm cho nếp ăn

ở hàng ngày bị tiêu diệt. Anh ta đứng dưới anh nển, làm cho cảnh bài trí trong phòng trở nên xấu hẳn đi. Mặt anh ta trắng bệch hom hem, bộ râu xồm xoàm che gần đến tận mắt, trông như bộ lông con chó săn đỏ xứ Ái Nhĩ Lan. Philip cũng đã lấy lược chải tóc cho anh ta nhưng không sao làm cho bộ tóc nâu nhạt mượt trở lại, bộ tóc từ lâu đã bện và ăn nếp theo vành mũ tứ thời lúc nào cũng trên đầu. Cặp mắt anh ta đầy vẻ thách thức, tuyệt vọng và xảo trá, trong như mắt con chó tàng bị những kẻ hành hạ dồn vào chân tường. Chiếc áo khoác tro khổ tải cài cúc cao, nhưng trông rõ chiếc cổ vừa lộn xong. Tác phong của anh ta tỏ ra không có gì là lúng túng khi Samơ đứng dậy khỏi ghế phía bên kia bàn ăn tròn.

- Nếu anh cho phép, tôi sẽ vui mừng được mời anh ăn cơm tối nay, – ông chủ nói.

- Tên tôi là Plămmơ – vị khách giang hồ nói, giọng gay gắt và hung hăng. – Nếu là tôi, chắc ông cũng muốn biết tên người sắp ngồi ăn cùng với mình.

- Tôi cũng đang định giới thiệu tên tôi là Samơ, xin mời ông ngồi phía bên kia. –

Samơ nói tiếp, hơi có vẻ vội vã.

Plămmơ quần áo lôi thôi, khom gối xuống để cho Philip đẩy cái ghế đến cho anh ta ngồi. Anh ta có dáng dấp ngày xưa thường ngồi tại những nơi có người phục vụ.

Philip bắt đầu mang món cá trống và dầu ô liu.

- Tuyệt! – Plămmơ nói như quát lên, – cho ăn theo món hả? Hầy, thưa Hoàng đế vui tính của thành Batđa, tôi xin làm nàng Sêhêradat của ngài để kể chuyện cho ngài nghe cho đến khi không còn món ăn gì thì thôi. Tôi công nhận ngài là người giàu có đầu tiên có hương vị phương Đông chân chất mà tôi phát hiện ra từ đầu đông tháng giá đến giờ, đã đón tay làm phúc một cách sang trọng đến vậy. Thật may mắn, tôi đứng thứ bốn mươi ba trong hàng cơ đấy. Tôi vừa đếm xong xem mình đứng thứ mấy thì vị sứ giả đầy thú vị của ngài đến mời tôi đi ăn tiệc. Thế là đêm nay tôi được dịp may kiếm được nơi trú chân chẳng khác gì dịp may mình được làm tổng thống trong nhiệm kỳ sắp tới. Ngài muốn nghe câu chuyện buồn về cuộc đời của tôi theo cách nào, thưa ngài An Rasit (3), cứ mỗi món ăn một chương nhé hay toàn bộ câu chuyện kết thúc bằng những điệu xì gà và cà phê?

- Đối với anh, sự việc này cũng không có gì là lạ thường lắm đâu, – Samơ mỉm cười nói.

- Xin thề có Chúa trời chứng giám! – Người khách trả lời. – Niu-Yooc đầy những tên Harun An Rasit bần tiện, chẳng khác gì thành Batđa đầy những ruồi nhặng. Tôi buộc lòng phải đi kể chuyện để đổi lấy bữa ăn rất nhiều lần rồi. Để tìm được một ai ở Niu-Yooc này cho không một cái gì! Những Rasit này có cho ta một bữa cơm từ thiện thì cũng chỉ để thoả mãn trí tò mò của họ thôi. Hầu hết bọn họ chỉ cho ta một xu và một bát cơm hổ lốn, còn một dùm trong bọn họ sẽ đóng vai kẻ làm phúc để đãi ta một miếng bít-tết, nhưng tất cả bọn họ sẽ cười lên đầu lên cổ ta, ép ta đến bao giờ tôi ra bản tự truyện, với đầy đủ những ghi chú, những phụ lục và những mẩu chuyện chưa được đăng. Ô, ở cái thành phố Batđa có đường xe điện ngầm (4) cổ, nhỏ bé này khi nhìn thấy cái gì ăn được là tôi biết phải xử lí thế nào rồi. Tôi đập đầu xuống đường nhựa ba lần và sẵn sàng thêu dệt chuyện huyền thuyên để kiếm bữa ăn tối. Tôi công nhận mình chẳng khác gì danh ca Tômmi Tăccơ đã quá cố, người buộc phải đánh đổi giọng hát của mình lấy bát cơm đã chén trước đó.

- Tôi không cần chuyện của anh, – Samơ nói, – xin nói thật là bỗng nhiên tôi nảy ra ý nghĩ muốn vờ một người lạ mặt đến ăn cơm tối. Xin anh cứ an tâm, đừng lo tôi tò mò.

- Ô, rõ chỉ vớ vẩn! – Vị khách kêu lên, vừa húp sùm sụp món xúp. – Chuyện ấy đối với tôi có đáng gì. Tôi cũng giống như quyển tạp chí phương Đông có bìa đỏ sáng sủa, và bài nào hay là người ta cắt liền. Thật ra những người đi ăn chực nằm chờ như tôi cũng thuộc hạng đại loại như vậy. Thiên hạ cứ luôn phân vân không hiểu cái gì đã đưa chúng tôi xuống tận đáy xã hội. Nếu được một miếng bánh sanduych và một cốc bia, tôi sẽ kể cho họ nghe nguyên nhân chính là do món tửu gây ra. Nếu được miếng thịt bò muối, xúp bắp cải và một cốc cà phê, tôi kể cho họ nghe câu chuyện về một tên chúa tể nhẫn tâm làm tôi thất nghiệp sau khi phải nằm nhà thương sáu tháng. Nếu được một miếng bít-tết và mất hai mươi lăm xu mà được ngủ qua đêm, tôi sẽ kể tấn thảm kịch ở phố Uôn, trong đó cơ đồ bị cuốn sạch sành sanh và sự xuống dốc

diễn ra như thế nào. Đây là lần đầu tiên tôi được cho ăn một bữa tối thịnh soạn trong một bầu không khí như thế này. Tôi chưa nghĩ ra được chuyện gì cho hợp với cảnh này. Tôi sẽ kể để ông nghe, ông Samơ ạ, tôi sẽ kể cho ông nghe sự thật về chuyện này nếu ông muốn nghe. Ông tin chuyện này còn khó hơn ông tin chuyện bịa đặt đấy.

Một tiếng đồng hồ sau, vị khách Ả Rập ngả người ra sau ghế thở phào thoải mái, vừa lúc đó Philip mang cà phê và xì gà vào, và dọn bàn ăn đi.

- Có bao giờ ông nghe tiếng Sêra Plămmơ không? – Anh ta hỏi, mỉm cười đến lạ.

- Tôi có nhớ cái tên ấy, – Samơ nói – Anh ta là một họa sĩ thì phải, cách đây vài năm còn là một người rất nổi tiếng.

- Năm năm rồi – vị khách nói, – vậy mà tôi lặn chìm chìm luôn không hề sủi tăm. Chính tôi là Sêra Plămmơ đây! Tôi bán bức tranh chân dung cuối cùng giá hai nghìn đôla. Sau đó, tôi không sao kiếm được người ngồi để tôi vẽ, thậm chí không lấy tiền nữa.

- Làm sao lại thế? – Samơ không chịu được, đành phải hỏi.

- Chuyện cũng đến buồn cười, – Plămmơ trả lời, buồn bã. – Bản thân tôi cũng không sao hiểu nổi. Trong một thời gian tôi làm ăn lên như diều. Đám nhà giàu rất quen biết tôi, tíu tít vờ tôi đến vẽ. Báo chí gọi tôi là họa sĩ hợp thời. Thế rồi những chuyện buồn cười xảy ra. Cứ khi nào tôi vẽ xong ai đó, người ta lại đến xem, thì thăm và nhìn nhau rất lạ lùng.

Tôi liền khám phá ra ngay sự rắc rối. Tôi có sở trường nêu bật trên khuôn mặt của bức chân dung cá tính giấu kín của người ngồi vẽ. Tôi không biết làm thế nào mình lại vẽ được thế – tôi chỉ vẽ cái mình nhìn nhận ra thôi – nhưng tôi biết mình làm thế là chỉ hỏng việc. Một số người ngồi vẽ nổi giận đến sợ và quăng trả bức tranh tôi vẽ. Tôi có vẽ chân dung một phụ nhân rất đẹp và nổi tiếng trong giới thượng lưu. Lúc vẽ xong, ông chồng nhìn vào bức tranh, mặt mày trông đến lạ kì, và tuần sau ông ta đòi li dị liền.

Tôi nhớ một trường hợp tôi vẽ một vị chủ nhà băng lừng danh. Lúc tôi trưng bày bức tranh ở trong phòng vẽ của mình, có một người quen của ông ta đến đó ngắm.

“Ôi, lạy Chúa!”, ông ta nói, “thật ông ta trông đến nỗi thế này sao?”. Tôi nói bức tranh đó hoàn toàn thật như ở ngoài. “Chưa bao giờ tôi thấy cặp mắt ông ta lại thể hiện như vậy”, ông ta nói. “Tôi thiết nghĩ mình phải đến Nhà Ngân hàng thành phố để chuyển ngay tài khoản”. Và ông ta đã tìm đến đó thật, nhưng tài khoản của ông ta đã biến mất cùng ông chủ nhà băng.

Chẳng được bao lâu thì tôi bị mất nghề. Thiên hạ không muốn sự hèn hạ bí mật của mình bị lộ nguyên hình trên tranh. Họ có thể mỉm cười và nhăn nhó mặt mày để lừa dối bạn, nhưng đã lên tranh thì không thể làm như vậy được. Tôi không sao vẽ tiếp được, vì không còn ai người ta muốn vẽ, và thế là tôi đành bỏ nghề. Tạm thời tôi làm họa sĩ trên báo hàng ngày, sau đó làm cho một thợ in thạch bản, nhưng rồi tôi lại bị rắc rối với công việc. Nếu tôi có vẽ qua bức ảnh chụp thì việc vẽ đó cũng vẫn thể hiện rõ những tính cách và những nét mà ông không thể tìm thấy ở trên bức ảnh, nhưng tôi cảm thấy chúng có ở người thật. Khách hàng la ó ầm ĩ, đặc biệt các bà, cho nên tôi không thể nào duy trì công việc được lâu. Vì vậy, tôi chán nản mượn chén cho khuây khoả nỗi buồn. Rồi chẳng bao lâu tôi đã đứng trong hàng ngũ những người xin ngủ nhờ và làm nghề kể chuyện xin ăn ở những cửa hàng ăn làm phúc. Câu chuyện thật này có làm ngài mệt không, thưa Hoàng đế xứ Hời. Nếu ngài muốn, tôi có thể thay đổi chủ đề và chuyển sang tả họa ở phố Uôn, nơi đã từng làm cho cuộc đời tôi tàn tạ, nhưng như vậy đòi hỏi phải mất nước mắt và tôi e rằng tôi không có khả năng làm ngay được sau một bữa ăn ngon như vậy.

- Không sao, không sao – Samơ nói vui vẻ. – Ông làm tôi thích thú lắm. Thế tất cả những bức chân dung đều bóc trần nét xấu nào đó, hay cũng có một số không bị cái bút vẽ kì dị của ông thử thách?

- Cũng có một số. – Plămmơ trả lời. – Trẻ con nói chung, khá nhiều phụ nữ và đàn ông, không phải tất cả mọi người đều xấu, phải không ông? Khi họ tốt thì những bức tranh cũng thể hiện cái tốt của họ. Như tôi đã nói, tôi không giải thích, mà là tôi nói với ông sự thật.

Trên bàn làm việc của Samơ có một bức ảnh mà ông ta nhận được vào hôm có thư

đến buổi chiều. Mười phút sau, ông ta đề nghị Plămmơ vẽ phác từ bức ảnh đó bằng phấn màu. Sau một tiếng đồng hồ, người nghệ sĩ đứng lên và dang tay tỏ ra mệt mỏi.

- Xong rồi đây, – anh ta ngáp. – Xin lỗi vì phải vẽ lâu quá. Tôi thích thú với công việc. Lay Chúa! Hơn nữa tôi mệt quá. Đêm hôm qua không được chợp mắt một tí nào. Thưa vị chỉ huy của Lòng Trung Thành, ngài có cho bây giờ sẽ là một đêm ngon giấc không?

Samơ đưa anh ta ra đến cửa và giúi vào tay anh ta mấy đồng.

- Chà, xin ông, – Plămmơ nói. – Những ai đã rơi xuống tận đáy rồi cũng chẳng đại gì mà khó tính khi nhận tiền của những người làm phúc tình cờ. Xin cảm ơn. Xin cảm ơn cả bữa ăn thịnh soạn nữa. Đêm nay, tôi sẽ ngủ ngon lành và mơ về Batđa. Tôi hi vọng đến sáng nó sẽ dừng trở thành giấc mơ. Xin tạm biệt, vị Hoàng đế tuyệt vời nhất!

Samơ lại bồn chồn đi trên tấm thảm. Nhưng ông ta chỉ đi từ cái bàn trên có đặt bức phác thảo bằng phấn màu đến cuối gian phòng. Mấy lần ông ta cố tiến lại gần mà không sao làm được. Ông ta trông rõ màu xám, màu vàng và màu nâu trong số các màu sắc, nhưng do sợ hãi nên quanh bức tranh như có một bức tường được dựng nên ngăn ông ta từ xa. Ông ta ngồi xuống và cố trấn tĩnh lại. Ông ta đứng phắt dậy và rung chuông gọi Philip.

- Trong nhà này có một họa sĩ trẻ, tên là Rainơman gì đó, anh có biết anh ta anh ta ở buồng nào không? – ông ta nói.

- Tầng trên cùng, buồng phía trước, thưa ngài. – Philip nói.

- Thế anh lên mời anh ta vui lòng đến đây một lát nhé.

Rainơman đến ngay. Samơ tự giới thiệu.

- Ông Rainơman, – ông ta nói, – ở trên cái bàn kia có một bức phác thảo nhỏ bằng phấn màu. Xin ông cho ý kiến về tài năng nghệ sĩ vẽ bức tranh đó và về bản thân bức tranh đó, được như vậy tôi xin đa tạ ông.

Người họa sĩ trẻ tiến đến bên bàn và cầm bức tranh phác thảo lên. Samơ nửa như quay mặt đi, tựa lưng vào ghế:

- Ông, ông... thấy thế nào? – Ông ta chậm rãi hỏi.

Người nghệ sĩ nói:

- Về phương diện bức tranh, tôi không có đủ lời để ca ngợi. Đó là tác phẩm của một bậc thầy – những nét rõ, đẹp, rất thật. Nó làm cho tôi hơi bồn chồn. Đã nhiều năm nay tôi chưa được thấy một tác phẩm vẽ phần màu nào tuyệt đến thế.

- Thế ông thấy thế nào, xét về khuôn mặt, chủ đề, so với bức ảnh gốc?

- Khuôn mặt này là một trong những khuôn mặt của thiên thần. Cho phép tôi hỏi, đây là ai?

- Chính là vợ tôi đó! – Samơ kêu lên, xoay người, vồ lấy người nghệ sĩ đang còn ngơ ngác, nắm chặt tay anh ta và vỗ vào lưng anh ta. – Nhà tôi đang chu du ở châu Âu. Anh bạn hãy cầm lấy bức phác thảo này và theo đó, anh hãy vẽ bức tranh tuyệt nhất từ trước tới giờ của anh đi. Tôi hứa sẽ trả anh với giá thật hậu hĩ.

Mạnh Chương dịch

Chú thích

(1) Madison Square : một trong ba quảng trường ở Niu-Yooc, mang tên James Madison (1751 – 1836), tổng thống thứ tư của nước Mỹ vào năm 1809 – 1817.

(2) Ám chỉ thần đèn trong truyện Nghìn lẻ một đêm.

(3) Haroun Al Raschid, hoàng đế của thành Bagdad vào những năm 786 – 809 sau CN, được nhắc tới trong truyện Nghìn lẻ một đêm.

(4) Ý chỉ thành phố Niu-Yooc.

MỐI TÌNH CỦA NGÀI KHOÁN DỊCH VIÊN

Bộ mặt thường ngày vẫn kín đáo của Pichơ, thư ký văn phòng của ngài khoán dịch viên Harvi Macxoen, trong một giây thoáng lộ vẻ thú vị và ngạc nhiên, khi vào lúc chín giờ rưỡi sáng Macxoen bước nhanh vào phòng cùng với cô tốc ký trẻ. Vừa đốp một câu “chào Pichơ” ông ta vừa đâm bổ tới chiếc bàn làm việc như muốn nhảy vọt qua rồi ngay lập tức chúi đầu vào một biển những điện báo và thư từ đang chờ đợi ông ta.

Cô tốc ký trẻ làm việc cho Macxoen đã được một năm. Sắc đẹp của cô tuyệt nhiên không có gì dính dáng đến cái nghề tốc ký cả. Cô coi khinh vẻ lộng lẫy của kiểu chải tóc Pômpađu. Cô không đeo dây chuyền, không đeo vòng xuyến hay kim khánh. Cô không có cái vẻ trau chuốt của một người lúc nào cũng sẵn sàng nhận lời mời đi ăn tiệm. Chiếc váy màu ghi giản dị ôm sát thân hình cô một cách duyên dáng và khiêm nhường. Chiếc mũ xếp đen trang nghiêm được tô điểm bằng một lông vẹt màu xanh. Sáng hôm đó cô tươi tắn như toả ra một luồng ánh sáng dịu dàng, e thẹn. Đôi mắt cô ánh lên vẻ mơ mộng, đôi má ửng hồng như hai trái đào, và sự hồi tưởng còn như vương trên khuôn mặt hạnh phúc của cô.

Quan sát cô tốc ký với một sự thú vị có mức độ như vậy Pichơ nhận thấy sáng hôm đó thái độ của cô không được hoàn toàn bình thường. Đáng lẽ đi thẳng sang phòng bên, nơi làm việc của mình, thì cô ta, dường như đang chờ đợi điều gì đó, lại chần chừ ở văn phòng. Thậm chí, một lần cô tiến đến bàn của Macxoen - gần tới mức để ông ta có thể nhận ra cô.

Thế nhưng, người đàn ông đang ngồi sau bàn lúc này không còn là một con người nữa. Đó là ngài khoán dịch viên Niu-Yooc đang ngập đầu trong công việc - một cỗ máy đang chuyển động bởi các lò xo và bánh răng.

- Hừ. Thế nào? Có việc gì? - Macxoen xẵng giọng hỏi. Những bức thư đã bóc nằm đầy

trên bàn ông ta như một đồng tuyết giá. Đôi mắt sắc màu ghi, thô bạo và không bản sắc, sáng quắc lên nhìn cô gần như tức giận.

- Dạ, không có gì ạ. - Cô trả lời và mỉm cười quay đi.

- Ông Pichơ này, - cô nói với viên tốc ký - chiều qua ngài Macxoen đã nói với ông về việc mời một nữ tốc ký mới chưa?

- Nói rồi. - Pichơ đáp - Ông ấy có sai tôi tìm một nữ tốc ký mới. Chiều hôm qua tôi đã nhắn phòng tốc ký gửi cho chúng ta một vài mẫu để chọn. Bây giờ đã mười giờ bốn mươi lăm rồi mà vẫn chưa thấy bóng dáng một cô nàng nào. (1)

- Vậy tôi sẽ làm việc, như bình thường, - người phụ nữ trẻ nói, - khi chưa có ai thay. Rồi ngay lập tức cô đi về bàn làm việc của mình và treo cái mũ xếp đen có chiếc lông vệt xanh lên chỗ mọi ngày.

Ai chưa nhìn thấy ngài khoán dịch viên Niu-Yooc trong những giờ làm việc cao điểm trong cơn sốt chứng khoán, người đó không thể tự coi mình là sành sỏi về nhân chủng học. Nhà thơ vẫn nói về “một giờ trọn vẹn trong cuộc đời vinh hiển”. Còn đối với ngài khoán dịch viên, không chỉ cả giờ trọn vẹn mà từng phút từng giây trong đó đều vô cùng căng thẳng như được buộc lại và treo lên những cái giá đem và giá đỡ.

Hôm nay là một ngày nóng bỏng đối với Harvi Macxoen. Chiếc máy điện báo hồi hả nhả băng, điện thoại trên bàn đến khốn khổ với những hồi chuông triền miên. Từng toán người lũ lượt kéo vào văn phòng và nói chuyện với ông qua rào chắn - người thì vui vẻ, kẻ lại bức dọc, người thì cục cằn, kẻ lại xúc động. Các viên tùy phái chạy ra chạy vào với các bức điện. Các nhân viên văn phòng lao vùn vụt như các thủy thủ khi có bão. Ngay đến diện mạo của Pichơ cũng thể hiện một cái gì đó sôi động.

Giông tố, đá lở và bão tuyết, động đất và núi lửa đã dồn tụ vào ngày hôm đó ở sở giao dịch chứng khoán, và tất cả những sự lộn xộn này của thiên nhiên đã được thu nhỏ lại trong văn phòng của ngài khoán dịch viên. Macxoen đặt ghế sát tường và, vừa nhón chân ông ta vừa ký vào các hợp đồng. Ông ta nhảy từ máy điện báo đến điện thoại, từ bàn đến cửa ra vào với sự khéo léo thuần thục của một diễn viên xiếc.

Giữa lúc sự căng thẳng đang lên cao ngài khoán dịch viên bỗng nhìn thấy trước mặt

một bờm tóc vàng ẩn dưới chiếc mũ bằng nhung và lông đà điểu, chiếc xắc bằng lông sư tử biển và một trái tim bạc nằm ở đầu của một chuỗi các hạt cườm to như quả hồ đào dài gần chấm đất. Những đồ trang sức rườm rà này gắn liền với một người đàn bà đầy vẻ tự tin. Pichơ cũng đứng ngay tại đó sẵn sàng giải thích về việc này.

- Bà ta từ phòng tốc ký, đến xin việc. - Pichơ nói.

Macxoen ngoái lại, hai tay ông ta đầy những thư từ và băng điện báo.

- Việc nào? - Ông ta cau có hỏi.

- Chân tốc ký ạ. - Pichơ nói - Hôm qua ngài nói là trong ngày hôm nay tôi phải triệu tập tới đây một cô tốc ký mới.

- Anh điên đấy à, Pichơ? - Macxoen nói. - Làm sao tôi có thể ra lệnh cho anh như vậy? Cô Lexli suốt cả năm đã thực hiện xuất sắc nhiệm vụ của mình. Chừng nào cô ấy chưa muốn ra đi thì chỗ này vẫn là của cô ấy. Thưa bà, chúng tôi không cần người. Hãy báo cho phòng tốc ký, Pichơ, không cần điều ai tới và đừng có dẫn thêm một người nào đến gặp tôi nữa.

“Trái tim bạc” phần nộ bỏ ra khỏi phòng. Bà ta ngúng nguẩy va bừa cả vào bàn ghế. Nhân lúc đó Pichơ nói với viên kế toán rằng “lão già” đúng là ngày càng lẩm cẩm và đáng trí.

Ngày làm việc mỗi lúc thêm sôi động. Tại sở giao dịch người ta giẫm đạp và tranh cướp nhau từng nửa tá cổ phiếu các loại mà khách hàng của Macxoen đã đầu tư vào những khoản tiền lớn. Lệnh mua và bán ra bay tới bay lui như cánh én. Túi tiền của Macxoen phần nào bị lâm nguy, và ông ta làm việc khẩn trương như một cỗ máy lớn, phức tạp, tinh vi, những lời nói, những quyết định, những hành động tuôn ra nối tiếp nhau với sự mau lẹ và chính xác của một bộ máy đồng hồ. Cổ phiếu và chứng khoán, công trái và các quỹ tiền, văn tự cầm cố và tiền cho vay - đó là thế giới tài chính, ở đó không có chỗ cho thế giới con người và thế giới thiên nhiên.

Gần đến giờ ăn trưa, công việc bỗng lắng xuống một lúc.

Macxoen đứng bên bàn, hai tay đầy ắp giấy tờ và điện báo; chiếc bút máy quanh năm thò ra ngoài vành tai phải, từng cụm tóc rối bù loà xoà trước trán. Cửa sổ được

để ngỏ vì mùa xuân đáng yêu đang túc trực ngoài cửa đã vận chặt các lò sưởi lại và một chút hơi ấm vẫn còn lan toả khắp mặt đất theo các đường ống của hệ thống sưởi trung tâm.

Hương tử đinh hương phảng phất, dịu dịu, rất có thể do nhầm lẫn mà lạc qua cửa sổ vào phòng và trong một giây đã chôn chân ngài khoán dịch viên tại chỗ. Vì rằng hương thơm này là của cô Lexli. Đó là hương thơm của cô ấy và chỉ của cô ấy mà thôi.

Hương thơm đã mang cô ta - gần như nhìn thấy được và sờ mó được - lại cho ông và đặt trước mặt ông. Thế giới tài chính bỗng thu lại thành một chấm nhỏ. Còn cô ấy thì ở ngay phòng bên, chỉ cách có hai mươi bước chân.

- Lấy danh dự mà thề, ta sẽ làm điều đó. - Ngài khoán dịch viên nhủ thầm - Ta sẽ hỏi cô ấy ngay bây giờ. Thật lạ, tại sao bấy lâu nay ta không làm điều đó?

Ông ta đâm bổ vào phòng cô tốc ký với sự vội vã của tay chơi cổ phiếu muốn “làm cho xong” trước khi người khác nâng tay trên. Ông ta xông tới bàn của cô.

Cô tốc ký ngược nhìn ông mỉm cười. Má cô thoáng ửng hồng, và cái nhìn của cô vừa âu yếm vừa thẳng thắn. Macxoen chống khuỷu tay lên bàn. Hai tay ông ta vẫn giữ nguyên chồng giấy, và chiếc bút máy vẫn thò ra khỏi vành tai.

- Cô Lexli, - ông ta vội vã bắt đầu - tôi chỉ có đúng một phút. Tôi cần phải nói với cô đôi lời. Hãy làm vợ của tôi! Tôi không có thời giờ để tình tự với em, điề mà lẽ ra tôi phải làm, nhưng quả thật tôi rất yêu em, hãy trả lời tôi mau lên, cái bọn vô lại ở công ty “Thái Bình Dương” đang thở hắt ra rồi.

- Anh nói gì kì vậy? - Cô tốc ký thốt lên. Cô ta đứng dậy, nhìn ông bằng đôi mắt mở to.

- Em không hiểu tôi ư? - Macxoen hờn giận hỏi. - Tôi muốn em sẽ làm vợ của tôi. Lexli, tôi yêu em. Đã từ lâu tôi muốn nói với em và lúc này tôi tranh thủ được một phút rảnh rồi, khi mà ở bên kia, trong văn phòng, công việc tạm ngừng một lúc. Đấy đấy, người ta lại gọi tôi nghe điện thoại... Pichơ, bảo họ đợi một chút... Lexli, sao em? Cô tốc ký cư xử rất kì lạ. Thoạt tiên cô ta dường như rất kinh ngạc, rồi thì những giọt

nước mắt trào ra từ đôi mắt ngỡ ngàng của cô, sau đó cô cười rặng rỡ qua làn nước mắt và một tay âu yếm quàng lấy cổ ông.

- Em hiểu rồi. - Cô dịu dàng nói - Cái sổ giao dịch chứng khoán này đã loại tất cả mọi cái còn lại ra khỏi đầu óc anh. Thế mà thoát tiên em hốt quá. Harvi, chẳng lẽ anh quên rồi sao? Chúng ta mới làm lễ đính hôn tối hôm qua, lúc tám giờ tối tại Nhà thờ nhỏ ngoài góc phố.

Chú thích:

(1) Nguyên văn: không một chiếc mũ mốt và không một thanh kẹo cao su nào xuất hiện.

MÓN QUÀ GIÁNG SINH

Một đồng tám mươi bảy xu, đúng như vậy. Hàng ngày, cô cố gắng tiêu thật ít tiền khi đi chợ. Cô đi loanh quanh tìm mua thứ thịt và rau rẻ nhất cho bữa ăn hàng ngày, ngay cả lúc cảm thấy hết sức mệt mỏi cô vẫn cố tìm kiếm. Tiết kiệm được đồng nào hay đồng đó.

Della đếm lại số tiền ít ỏi một lần nữa. Không hề có sự nhầm lẫn, chỉ có một đồng tám mươi bảy xu, và ngày mai sẽ là lễ giáng sinh.

Cô sẽ không thể làm gì hơn, chỉ còn cách ngồi xuống và khóc mà thôi. Ở đó, trong một căn phòng nhỏ, tồi tàn, cô đang nức nở.

Della sống trong căn phòng nhỏ nghèo nàn này với chồng của cô, James Dillingham Young, ở thành phố NEW YORK.

Họ có một phòng ngủ, một phòng tắm và một nhà bếp. James Dillingham Young may mắn hơn cô vì anh ấy có việc làm. Tuy vậy đó không phải là một công việc kiếm được nhiều tiền. Tiền thuê căn phòng này chiếm gần hết lương của anh ấy. Della đã cố gắng rất nhiều để tìm một công việc nhưng vận may đã không mỉm cười với cô. Tuy nhiên, cô rất hạnh phúc khi ôm "Jim", James Dillingham Young, trong tay mỗi khi anh trở về.

Della đã ngừng khóc. Cô lau khô mặt rồi đứng nhìn một chú mèo xám trên bức tường đồng màu với nó bên cạnh con đường tối ngoài cửa sổ.

Ngày mai là Noel và cô chỉ còn một đồng tám mươi bảy xu để mua cho Jim, Jim của cô, một món quà. Cô muốn mua một món quà thật sự có ý nghĩa, một thứ có thể biểu hiện được tất cả tình yêu cô dành cho anh.

Della chợt xoay người chạy đến bên chiếc gương treo trên tường. Mắt cô sáng lên. Cho đến bây giờ, gia đình James Dillingham Young chỉ có hai vật quý giá nhất. Một thứ là chiếc đồng hồ vàng của Jim. Chiếc đồng hồ này trước đây thuộc sở hữu của cha

anh ta và trước nữa là ông nội anh ta. Thứ còn lại là mái tóc của Della.

Della thả nhanh mái tóc dài óng mượt xuống lưng. Thật tuyệt đẹp, không khác nào như một chiếc áo khoác đang choàng qua người cô. Della cuộn tóc lên lại. Cô đứng lặng đi rồi thút thít một lát.

Della bước chậm rãi qua các cửa hàng dọc hai bên đường rồi dừng lại trước bảng hiệu "Madame Eloise". Tiếp cô là một phụ nữ mập mạp, bà ta chẳng có một chút vẻ "Eloise" nào cả.

Della cất tiếng hỏi: "Bà mua tóc tôi không?"

"Tôi chuyên mua tóc mà", bà ta đáp và bảo: "hãy bỏ nón ra cho tôi xem tóc của cô đi" Suối tóc nâu đẹp tuyệt vời buông xuống.

"Hai mươi đồng" bà ta định giá, bàn tay nâng niu mái tóc óng ả.

"Hãy cắt nhanh đi! Và đưa tiền cho tôi" Della nói.

Hai giờ tiếp theo trôi qua nhanh chóng. Cô tìm mua quà cho Jim trong các cửa hiệu trong niềm vui khôn tả. Cuối cùng cô cũng chọn được một thứ. Đó là một sợi dây đồng hồ bằng vàng. Jim rất quý chiếc đồng hồ của mình nhưng rất tiếc là nó không có dây. Khi Della trông thấy sợi dây này cô biết rằng nó phải là của anh và cô phải mua nó.

Cô trả hai mươi mốt đồng để mua và vội vã trở về nhà với tám mươi bảy xu còn lại.

Đến nhà, Della ngắm mái tóc cực ngắn của mình trong gương và nghĩ thầm: "Mình có thể làm gì với nó đây?". Nửa giờ tiếp theo cô nhanh chóng chuẩn bị mọi thứ. Xong Della lại ngắm nghía mình trong gương lần nữa. Tóc của cô bây giờ toàn những sợi quăn quăn khắp đầu. "Chúa ơi, mình trông như một con bé nữ sinh ấy!" Cô tự nhủ "Jim sẽ nói gì khi thấy mình như thế này?"

Bảy giờ tối, bữa ăn được chuẩn bị gần xong. Della hồi hộp chờ đợi, hy vọng rằng mình vẫn còn xinh đẹp trong mắt Jim.

Thế rồi cửa mở, Jim bước vào. Anh ấy trông rất gầy và cần có một cái áo khoác mới. Jim nhìn chăm chăm vào Della. Cô không thể hiểu được anh đang nghĩ gì, cô sợ. Anh ta không giận dữ, cũng chẳng ngạc nhiên. Anh đứng đó, nhìn cô với ánh mắt kỳ lạ.

Della chạy đến bên Jim òa khóc: "Đừng nhìn em như thế, anh yêu. Em bán tóc chỉ để mua cho anh một món quà. Tóc sẽ dài ra mà. Em phải bán nó thôi, Jim à. Hãy nói "giáng sinh vui vẻ", em có một món quà rất hay cho anh này!"

"Em đã cắt mất tóc rồi à?" Jim hỏi

"Đúng thế, em đã cắt và bán rồi, vì vậy mà anh không còn yêu em nữa ư? Em vẫn là em mà!" Della nói.

Jim nhìn quanh rồi hỏi lại như một kẻ ngớ ngẩn: "Em nói là em đã bán tóc à?"

"Đúng, em đã nói vậy, vì em yêu anh! Chúng ta có thể ăn tối được chưa, Jim?"

Chợt Jim vòng tay ôm lấy Della và rút từ túi áo ra một vật gì đấy đặt lên bàn. Anh nói: "Anh yêu em, Della, dù cho tóc em ngắn hay dài. Hãy mở cái này ra em, sẽ hiểu tại sao khi này anh sẽ sờ đến vậy."

Della xé bỏ lớp giấy bọc ngoài và kêu lên sung sướng, liền sau đó những giọt nước mắt hạnh phúc rơi xuống. Trong đó là một bộ kẹp tóc, những chiếc kẹp dành cho mái tóc óng ả của Della. Cô đã mơ ước có được nó khi trông thấy lần đầu tiên qua cửa kính một gian hàng. Những cái kẹp rất đẹp và rất đắt tiền. Bây giờ chúng đã thuộc về cô nhưng tóc cô thì không còn đủ dài để kẹp nữa!

Della nâng niu món quà, mắt tràn đầy hạnh phúc. "Tóc em sẽ chóng dài ra thôi, Jim", nói xong cô chợt nhớ đến dây đồng hồ vàng định tặng cho Jim và chạy đi lấy.

"Đẹp không anh? Em đã tìm kiếm khắp nơi đấy, giờ thì anh sẽ phải thích thú nhìn ngắm nó hàng trăm lần mỗi ngày thôi. Nhanh lên, đưa nó cho em, Jim, hãy nhìn nó với sợi dây mới này."

Nhưng Jim không làm theo lời Della. Anh ngồi xuống vòng tay ra sau đầu mỉm cười nói: "Della, hãy cắt những món quà này đi. Chúng thật đáng yêu. Em biết không, anh đã bán chiếc đồng hồ để mua kẹp cho em. Giờ thì chúng ta có thể bắt đầu bữa tối được rồi em yêu"

Đó là một câu chuyện cảm động về tình yêu của hai bạn trẻ đã hết lòng yêu nhau.

NHỮNG CON ĐƯỜNG CHÚNG TA CHỌN

Đoàn tàu tốc hành buổi chiều dừng lại bên trạm bơm nước cách Tăcxơn hai mươi dặm về phía tây để lấy nước. Ngoài nước ra, chiếc đầu máy của con tàu nhanh nổi tiếng này còn mang theo đôi thứ không lấy gì làm bổ ích lắm cho nó.

Trong lúc anh thợ đốt lò tháo chiếc vòi mềm dẫn nước thì Bốp Tidbon, “Cá mập” Đôt-xơn và một người lai da đỏ từ bộ lạc Cricơ biệt hiệu Giôn Đại Cầu trèo lên đầu máy và chĩa ba đầu lỗ tròn của khẩu súng cá nhân vào các lái tàu. Điều này đã gây cho bác lái tàu một ấn tượng mạnh đến nỗi ngay tức khắc bác ta giơ hai tay lên trời, giống như người ta vẫn làm khi kêu lên: “Ô hay! Không thể như vậy được”. Theo mệnh lệnh ngắn gọn của “Cá mập” Đôt-xơn - tên cầm đầu toán cướp, bác lái tàu bước xuống đường ray và tách đầu máy và toa chở than ra. Rồi Giôn Đại Cầu trèo lên đồng than, nghịch ngợm chĩa hai khẩu súng lục vào bác lái tàu và anh thợ đốt lò, ra lệnh cho họ lái đầu máy chạy cách xa đoàn tàu năm mươi yát và đợi lệnh tiếp theo.

“Cá mập” Đôt-xơn và Bốp Tidbon không thèm đếm xỉa đến thứ quặng nghèo vàng như đám hành khách. Chúng tiến thẳng về phía mỏ hạt sa khoáng ở trong toa thư. Viên trưởng toa trở tay không kịp. Ông này vẫn hoàn toàn tin tưởng là chuyến tàu tốc hành buổi chiều đã không thu nhận gì tai hại và nguy hiểm hơn nước lũ. Trong lúc Bốp Tidbon dùng cán của khẩu côn đánh bật sự nhầm lẫn nguy hại này ra khỏi đầu ông ta, “Cá mập” Đôt-xơn không để phí thời gian, đã đặt khối thuốc nổ xuống dưới chiếc kết sắt của tem thư.

Chiếc kết sắt nổ vỡ toang đã cho ra ba mươi ngàn đôla lợi nhuận ròng bằng vàng và tín phiếu. Đây đó các hành khách thò cổ ra ngoài cửa sổ xem tiếng sấm rền vang này ở đâu ra. Viên phó tàu giật dây chuông, nhưng cái dây thừng, treo lơ lửng một cách không sinh khí, không thể hiện bất kì sự phản ứng nào. Quẳng những thứ ăn cướp được vào chiếc túi vải bạt chắc chắn, “Cá mập” Đôt-xơn và Bốp Tidbon nhảy xuống

đất và chạy về phía đầu máy, chân vấp lia lịa trong những đôi giày gót cao.

Bác lái tàu, tuy hằm hằm nhưng vẫn ngoan ngoãn tuân theo lệnh của chúng, đã cho đầu máy chạy xa khỏi đám toa xe bất động. Nhưng trước đó viên trưởng toa thư, như bưng tỉnh khỏi cơn thôi miên, đã nhảy bổ đến một mô đất với khẩu súng trường Uynchextơ trong tay và tham gia tích cực vào cuộc chiến đấu. Giôn Đại Cầu đã đi sai một nước cờ là ngồi trên toa than: hắn để lộ mình dưới luồng đạn và viên trưởng toa đã cho hắn ăn kẹo đồng ngay lập tức. Tên lục lâm cướp đường ngã lăn xuống đất vì bị viên đạn đúng giữa hai bả vai, và như vậy là phần ăn cướp được của mỗi tên đồng bọn của hắn đã tăng lên một phần sáu.

Cách trạm bơm nước hai dặm, bác lái tàu được lệnh dừng lại. Bọn cướp phẩy tay chào bác ta một cách khiêu khích và nhảy xuống theo một sườn dốc dựng đứng, rồi mất hút trong đám bụi cây rậm dày đặc bao quanh con đường. Năm phút sau, đi xuyên qua các bụi cây choparan làm cành cây gãy răng rắc, chúng đã có mặt ở chỗ rừng thưa, ở đó có ba con ngựa đã được buộc sẵn vào những cành cây thấp. Một con trong số đó đang đợi Giôn Đại Cầu mà bây giờ bất kể ngày cũng như đêm, không bao giờ hắn còn được cưỡi trên mình nó nữa. Sau khi tháo yên cương của con ngựa này, bọn cướp thả nó ra. Quăng chiếc túi lên mỏ yên, chúng cưỡi lên hai con còn lại và phi vút đi, nhưng mắt vẫn lảo liên nhìn quanh. Thoạt tiên chúng phóng qua một khu rừng, rồi sau đó qua một hẻm vực hoang dại, vắng ngắt. Đến đây con ngựa của Bốp Tidbon bị trượt trên một hòn đá bám đầy rêu và gãy một chân trước. Ngay tức khắc chúng bắn chết nó và ngồi xuống hộp bàn. Đã đi được một đoạn đường dài, quanh co nên tạm thời chúng vẫn còn được an toàn, không cần phải vội vã. Những dặm đường và khoảng thời gian lớn đã ngăn cách chúng với ngay cả cuộc truy đuổi nhanh nhất. Lê sợi dây cương trên mặt đất và lắc lư mạng sườn, con ngựa của “Cá mập” Đôtxon ngoan ngoãn gặm cỏ bên bờ suối. Bốp Tidbon mở cái túi, và vừa cười như một đứa bé con, hắn vừa móc ra những cọc tín phiếu mới toanh được dán cẩn thận và một túi vàng con duy nhất.

- Hãy nghe đây, tên cướp già đời kia, - hắn vui vẻ gọi Đôtxon, - thế mà hoá ra mày có

lí, công việc vậy là rất suôn sẻ. Chà, cái đầu của mày, đúng là đầu bộ trưởng tài chính. Với bất cứ ai ở Arizen này cũng có thể chấp cả một trăm điểm được đấy.

- Chúng ta làm gì với con ngựa bây giờ hả Bốp? Không nên ngồi lâu ở đây. Trước lúc rạng đông bọn họ sẽ đuổi theo chúng ta.

- Hừm, con Bôliva của mày tạm thời cũng mang được cả hai đứa. - Bốp vui vẻ trả lời.

- Chúng ta sẽ chiếm lấy con ngựa nào bắt gặp đầu tiên. Mẹ kiếp, mẹ này cũng khá đấy chứ, phải không mày? Nếu tin vào dòng chữ được in trên giấy thì chỗ này là ba mươi ngàn, mỗi thằng mười lăm ngàn.

- Tao nghĩ sẽ hơn thế cơ đấy, - dùng mũi giày khế đá vào bọc tiền, “Cá mập” Đôtxon nói. Và hắn trầm ngâm nhìn hai bên sườn ướt đẫm của con ngựa mệt mỏi của hắn.

- Con Bôliva già nua gần kiệt sức rồi. - Hắn nói rành rọt từng chữ. - Tiếc là con ngựa hồng của mày gãy mất một chân.

- Còn phải nói, - Bốp hồn nhiên đáp lời, - nhưng làm gì được với nó bây giờ. Con Bôliva của mày còn khỏe. Nó sẽ đưa chúng ta đến nơi cần thiết, và ở đó ta sẽ thay ngựa. Mẹ kiếp, mà kể cũng buồn cười, mày từ miền đông tới, xa lạ với vùng này, còn chúng tao ở miền tây, ngay tại quê nhà, thế mà chúng tao không đáng đi xách dép cho mày. Mày từ bang nào nhỉ?

- Bang Niu-Yooc, - ngồi xuống tảng đá tròn và nhai một cành cây, “Cá mập” Đôtxon đáp lại. - Tao sinh ra tại một điền trang vùng Onxtơ. Năm mười bảy tuổi tao bỏ nhà ra đi. Và tình cờ tao đã lọt đến miền tây. Với gói hành lí trong tay tao đi trên đường, những mong tới được Niu-Yooc. Tao nghĩ rằng tới được đó tao sẽ bắt đầu đi kiếm tiền. Tao luôn có cảm tưởng rằng tao sinh ra là để làm việc đó. Tao tới một ngã ba đường và không biết nên đi theo ngã nào. Suốt nửa giờ tao nghĩ ngợi quẩn quanh, rồi sau đó tao ngoặt sang bên trái. Đến tối thì tao đuổi kịp một gánh xiếc rong và thế là đi cùng với họ về miền tây. Tao vẫn thường nghĩ, cái gì sẽ xảy ra với tao nếu như lúc ấy tao chọn con đường khác?

- Theo tao, cũng sẽ như vậy thôi. - Bốp Tidbon trả lời một cách triết lí. - Vấn đề không phải ở con đường chúng ta chọn, mà là ở chính cái nằm trong lòng chúng ta

dẫn tới việc chọn con đường.

Đôtxơn đứng dậy và tựa vào một thân cây.

- Tao rất tiếc là con ngựa hồng của mày bị què cẳng, Bốp ạ. - Hấn nhắc lại với vẻ thông cảm.

- Tao cũng vậy, - Bốp đồng ý - con ngựa tuyệt thật. Thôi được, con Bôliva sẽ mang chúng ta đi. Có lẽ, cũng đến lúc khởi hành rồi đấy, “Cá mập” ạ. Bây giờ tao sẽ xếp hết tất cả những cái này vào túi và lên đường. Con cá đi tìm chỗ nước sâu, còn con người thì tìm chỗ nào tốt hơn.

Bốp Tidbon bỏ những thứ ăn cướp vào túi và buộc chặt lại bằng sợi dây thừng. Vừa ngược mắt lên, hấn nhìn thấy ngay nòng khẩu côn 45 mà cánh tay không hề run rẩy của “Cá mập” Đôtxơn đang chĩa vào hấn.

- Bỏ cái trò đùa ấy đi. - Bốp vừa cười gằn vừa nói. - Đến lúc phải đi rồi.

- Ngồi im tại chỗ! - “Cá mập” nói. - Bốp, mày sẽ không đi khỏi nơi này. Tao rất phiền lòng phải nói ra điều đó, nhưng chỉ có chỗ cho một người. Con Bôliva kiệt sức rồi, nó không thể mang nổi hai đứa.

- Tao với mày là chiến hữu của nhau đã ba năm nay, “Cá mập” Đôtxơn ạ. - Bốp bình tĩnh trả lời. - Chúng ta đã cùng nhau liều mạng không phải chỉ một lần. Tao luôn thành thật với mày, nghĩ rằng mày là một con người. Tao đã nghe đôi điều không tốt về mày, hình như mày đã giết oan hai người chẳng có tội tình gì, nhưng tao không tin. Nếu mày đùa, “Cá mập” ạ, thì hãy cắt ngay khẩu côn và chúng ta chạy cho mau. Còn nếu mày muốn bắn, thì bắn đi, đồ đều, đồ nhện độc!

Bộ mặt của “Cá mập” Đôtxơn lộ vẻ buồn sâu sắc.

- Chắc mày không tin đâu, Bốp ạ, - hấn thở dài, - tao thật lòng tiếc là con ngựa hồng của mày bị gãy chân.

Và bộ mặt của hấn đột nhiên thay đổi - giờ đây nó biểu lộ sự tàn bạo lạnh lùng và lòng tham vô đáy. Trong một phút, tâm hồn của con người này đã lộ ra, giống như đôi khi, bộ mặt của một kẻ ác độc lộ ra ngoài cửa sổ một ngôi nhà tư sản đáng kính.

Trong thực tế, số phận đã không cho Bốp rời khỏi chỗ này được nữa. Tiếng súng của

thằng bạn phản trắc đã vang lên và các vách đá của hẻm vực đã đáp lại bằng những hồi âm phản nộ. Còn kẻ tình cờ đồng loã với tên giết người - con Bôliva đã nhanh chóng mang đi tên cuối cùng trong bọn cướp chuyển tàu nhanh buổi chiều - con ngựa đờ phải mang tải trọng gấp đôi.

Nhưng khi “Cá mập” Đôt-xơn phi ngựa trong rừng, cây cối phía trước hằn đường như bị sương mù che khuất, khẩu súng lục trong tay bỗng biến thành cái tay vịn cong cong của chiếc ghế bành làm bằng gỗ sồi, miếng vải bọc yên thật là kì lạ, và mở mắt ra, hắn nhìn thấy chân hắn đang tì vào không phải là bàn đạp mà là chiếc bàn làm việc bằng gỗ sồi.

Vậy xin nói rằng, Đôt-xơn - chủ văn phòng chứng khoán “Đôt-xơn và Đê-cơ”, phố Uôn đã mở mắt ra. Pibôđi, viên thư kí tin cẩn đang đứng bên chiếc ghế bành, ngập ngừng muốn nói. Dưới cửa sổ tiếng bánh xe lăn ầm ầm, chiếc quạt máy kêu vo vo như ru ngủ.

- Hừm! Pibôđi, - chớp chớp mắt, Đôt-xơn nói. - Hình như tôi đã thiếp đi. Tôi đã thấy một giấc mơ cực kì lạ lùng. Có chuyện gì thế, Pibôđi?

- Dạ, thưa ông, ông Uy-liam ở hãng “Trexi và Uy-liam” đang đợi ông. Ông ta tới để thanh toán mấy cái X, Y, Z. Ông ta bị mắc kẹt với chúng, thưa ông, nếu ông nhớ ra.

- Phải, tôi có nhớ. Thế giá của chúng hôm nay là bao nhiêu?

- Thưa ông, một đôla tám mươi năm xu.

- Vậy hãy thanh toán cho ông ta theo giá đó!

- Xin ông tha lỗi, - Pibôđi hồi hộp nói, - tôi đã nói với ông Uy-liam. Ông ấy là bạn cũ của ông, thưa ông Đôt-xơn, mà ông là người đã mua tất cả X, Y, Z. Tôi thiết tưởng giá ông, nghĩa là... Có lẽ, ông nhớ là ông ấy đã bán chúng cho ông với giá là chín mươi tám xu. Nếu ông ấy phải thanh toán theo giá hiện nay, ông ấy sẽ mất hết cả vốn liếng và đến phải bán cả ngôi nhà của mình.

Bộ mặt của Đôt-xơn đột nhiên thay đổi - giờ đây nó biểu lộ sự tàn bạo lạnh lùng và lòng tham vô đáy. Trong một phút, tâm hồn của con người này đã lộ ra, giống như đôi khi, bộ mặt của một kẻ ác độc lộ ra ngoài cửa sổ một ngôi nhà tư sản đáng kính.

- Kệ cho ông ta trả với giá một đôla tám mươi năm xu. - Đôtơn nói. - Con Bôliva không thể mang được hai người./.

NHỮNG MẪU BÁNH MÌ KIẾN HIỆU

Cô Marta Michem có một cửa hiệu bán bánh mì nhỏ ở góc phố (ấy chính cái cửa hiệu ấy, bạn biết rồi chứ? Nơi có bậc tam cấp đi xuống và khi bạn mở cửa, chiếc chuông kêu leng keng).

Cô Marta đã gấp ghé tứ tuần, và trong tài khoản của cô ở ngân hàng có hai nghìn đôla. Cô Marta có hai chiếc răng giả và một trái tim rất đa cảm. Nhiều phụ nữ khi đi lấy chồng thật ra còn ít điều kiện hơn cô Marta kia.

Khoảng hai ba lần trong tuần ở cửa hiệu lại xuất hiện một khách hàng mà cô Marta ít nhiều để ý đến. Đó là một người đàn ông trung niên, đeo kính và có bộ râu quai nón rậm được xén tỉa thành hình cái nậm. Ông ta nói tiếng Anh với giọng Đức rất nặng. Bộ com lê ông ta mặc hơi rộng, đã cũ, không được là cẩn thận, nhiều chỗ đã phải vá. Ấy thế nhưng ông vẫn có vẻ chỉnh tề và cái chính là tác phong của ông rất đứng đắn. Người khách này bao giờ cũng chỉ chọn hai chiếc bánh mì đã cứng. Bánh mì mới ra lò giá năm xu một chiếc, còn bánh mì đã cứng thì năm xu được những hai cái. Không khi nào ông ta hỏi mua một thứ gì khác.

Có một lần cô Marta nhận thấy những vết bột màu đỏ và nâu ở ngón tay của ông. Khi đó cô khẳng định ông ta là họa sĩ và rất nghèo. Có lẽ ông phải sống ở đâu đó trên gác xép, hàng ngày ăn bánh mì khô cứng và mơ ước đến bao nhiêu thứ ngon lành khác có rất nhiều ở cửa hiệu của cô.

Bây giờ, mỗi bận ngồi ăn sáng - một miếng thịt bê, bánh bơ mút và nước chè - cô Marta thỉnh thoảng lại thở dài và thương xót cho ông họa sĩ, một con người tế nhị và có học đến vậy, lẽ ra có thể cùng ngồi ăn uống ngon lành với cô lại phải ngồi nhai những mẩu bánh mì khô cứng trên gác xép lạnh lẽo, bị gió lùa. Trái tim cô Marta, như bạn biết đấy, vốn rất đa cảm.

Sau khi quyết định kiểm tra lại điều phỏng đoán của mình về nghề nghiệp của ông

khách, cô Marta đã đem từ phòng trong ra cửa hiệu bức tranh trước kia mua tại nơi bán đầu giá và đặt nó lên giá phía sau quầy hàng. Bức tranh vẽ một cảnh tượng ở Vonido ở chỗ dễ thấy nhất, hay nói đúng hơn là chỗ lấm nước nhất nổi lên một toà cung điện đá trắng nguy nga (nếu như tin vào chú thích phía dưới). Khoảng không gian còn lại đầy kín những chiếc thuyền có mui (một mệnh phụ ngồi trên một chiếc thuyền đang thò ngón tay xuống nước), những đám mây, bầu trời và cơ man những mảng tối. Không một hoạ sĩ nào đi ngang qua một bức tranh như vậy mà lại không chú ý đến nó.

Hai ngày sau người khách ấy lại đến cửa hiệu.

- Sin pà hai chiếc bánh mì khô. (1)

Và khi cô Marta gói bánh mì vào giấy, ông nói:

- Thừa pà, bức tranh của pà mới đẹp làm sao.

- Thế à? - Cô Marta rất hớn hởi vì cái mẹo láu cá của mình. - Tôi yêu nghệ thuật lắm và... (có quá sớm khi nói: ... “và cả các hoạ sĩ” không nhỉ?) - Sau khi tìm được từ thay thế cô nói tiếp: - ... và hội hoạ. Ông cũng thích bức tranh này à?

- Cung tiện này vẽ không đúng, - người khách trả lời, - phối cảnh không chuẩn xác.

Thôi, chào pà nhé.

Ông khách cầm gói bánh mì, cúi chào và bước nhanh ra cửa.

Bây giờ thì không còn phải nghi ngờ gì nữa, ông ấy đúng là hoạ sĩ. Cô Marta lại đem bức tranh cất vào phòng trong.

Ánh mắt ông ấy sau cặp kính trông mới dịu dàng nhân hậu làm sao! Vầng trán ông ấy mới cao làm sao! Vừa mới nhìn bức tranh đã nhận xét được ngay về cách phối cảnh - vậy mà phải sống bằng bánh mì khô! Nhưng các thiên tài nhiều khi buộc phải vật lộn để sinh tồn trước khi thế giới công nhận họ đấy chứ.

Nghệ thuật và kĩ thuật phối cảnh sẽ được lợi bao nhiêu nếu như con người tài năng này được sự hỗ trợ của hai nghìn đôla tài khoản ngân hàng, một cửa hiệu bánh mì và một trái tim đa cảm... Nhưng cô Marta ơi, cô lại bắt đầu mơ mộng hão huyền rồi đấy!

Bây giờ mỗi lần đến hiệu bánh mì, người khách hàng thường đứng lại một vài phút

ở quầy hàng để nói chuyện với bà chủ. Rõ ràng là sự niềm nở của cô Marta làm ông ưng lòng.

Ông vẫn tiếp tục mua bánh mì khô cứng. Không hề mua gì khác ngoài bánh mì khô, không mua bánh ngọt, không mua bánh rán, cũng chẳng hề mua bánh quy đường ngon tuyệt vời của cô.

Cô Marta có cảm tưởng như gần đây ông gầy đi và trở nên có phần rầu rĩ. Cô rất muốn gửi thêm cái gì đó ngon lành vào cái gói nghèo nàn của ông, nhưng lần nào cô cũng không đủ can đảm làm điều đó. Cô không dám xúc phạm đến ông. Các họa sĩ vốn rất kiêu hãnh mà lại.

Cô Marta bắt đầu xuất hiện ở quầy hàng trong chiếc áo lục trắng chấm xanh. Trong phòng phía sau cửa hiệu bánh mì, cô Marta thường điều chế một hợp chất bí ẩn nào đó từ hạt mộc qua và hàn the. Nhiều người hay sử dụng chất này làm cho trắng da.

Vào một ngày đẹp trời, người khách hàng lại ghé vào cửa hiệu bánh mì như thường lệ, đặt đồng năm xu lên quầy hàng và mua hai cái bánh mì khô muôn thuở của mình. Khi cô Marta vừa đưa tay lên giá lấy bánh mì thì ngoài phố vang lên tiếng còi rú, tiếng bánh xe và một chiếc xe cứu hoả phóng vọt qua cửa hiệu bánh mì.

Ông khách hàng lao vọt ra cửa như bất kì một người nào khác ở vào địa vị ông. Trong đầu cô Marta bỗng loé lên một ý nghĩ tuyệt diệu và cô đã lợi dụng ngay được sự việc này.

Trên giá phía sau quầy hàng có một miếng bơ người bán sữa vừa mang đến cho cô mười phút trước đây. Cô lấy dao cắt đôi những chiếc bánh mì khô và đặt vào trong mỗi cái bánh một lát bơ khá lớn, sau đó kẹp chặt hai nửa lại.

Khi ông khách hàng quay vào thì cô Marta đã kịp gói bánh mì vào giấy.

Sau vài phút nói chuyện ngắn ngủi nhưng đặc biệt thú vị, ông ta rời cửa hiệu, và cô Marta im lặng mỉm cười, mặc dù lúc đó trái tim cô đang đập bồm bồm.

Có lẽ cô đã tự cho phép mình quá liều chăng? Nếu ông ấy tự ái thì sao? Không, chẳng nhẽ lại như vậy! Đồ ăn uống đâu phải những bông hoa - chúng không có ngôn ngữ của mình. Tặng bơ hoàn toàn không có nghĩa là người phụ nữ có ý xấu hổ.

Hôm đó cô Marta suy nghĩ rất nhiều về điều đó. Cô hình dung thấy ông khách phát hiện ra cái mẹo láu lỉnh vô tội của cô như thế nào.

Này nhé, ông ấy xếp bút vẽ và bảng pha màu lại. Trên giá vẽ là một bức tranh được phối cảnh rất hoàn hảo. Ông chuẩn bị bữa sáng bằng bánh mì khô và nước lã. Ông cắt bánh mì ra và... ái chà!

Hai má cô Marta ửng hồng. Ông có nghĩ đến bàn tay người đã cho bơ vào bánh mì không nhỉ. Ông có muốn...

Chuông trên cửa bỗng réo lên giận dữ. Ai đó bước thành thạch vào hiệu bánh mì. Cô Marta vội từ phòng trong chạy ra và nhìn thấy hai người đàn ông đứng ở quầy hàng. Một người trẻ tuổi ngậm chiếc tẩu trên môi - đây là lần đầu tiên cô thấy anh ta, còn người đàn ông thứ hai chính là ông họa sĩ của cô.

Mặt ông họa sĩ đỏ phừng phừng, chiếc mũ lật ngửa ra phía sau gáy, tóc tai bù xù. Ông ta nắm chặt tay và giận dữ giơ quả đấm trước mặt cô Marta. Giơ ngay trước mặt cô Marta!

- Dummkôp! - ông ta quát lên giận dữ bằng tiếng Đức. Cứ đợi đấy - Tausendonfer! - hay là tiếng gì đó đại loại vậy.

Chàng thanh niên kéo ông họa sĩ ra cửa.

- Không, tôi sẽ không ra khỏi nơi đây trước khi nói hết mọi điều với bà ta. - ông họa sĩ gào lên tức tối.

Những quả đấm của ông làm cho quầy hàng của cô Marta biến thành một chiếc trống Thổ Nhĩ Kỳ.

- Bà đã phá hỏng hết của tôi, - ông quát, đôi mắt xanh long lên giận dữ sau cặp kính.

- Tôi, tôi sẽ nói hết tất cả! Bà là đồ mèo già láo lếu!

Cô Marta kiệt sức tựa lưng vào chiếc giá xếp bánh mì, tay nắm chiếc áo lụa trắng chấm xanh của mình. Anh thanh niên túm lấy cổ áo ông họa sĩ.

- Đi thôi! Nói hết thế là được rồi. - Anh kéo ông bạn đang phát khùng ra đường và quay lại nói với cô Marta.

- Dù sao thì cũng chẳng nên giấu gì bà, do đâu mà xảy ra việc ầm ĩ này. Đó là ông

Blumberg, ông ta làm nghề can bản vẽ. Chúng tôi cùng làm việc ở một cơ quan xây dựng. Ba tháng nay ông Blumberg gò lưng làm việc không mệt mỏi, thiết kế toà nhà thị chính mới để chuẩn bị mang dự thi. Chiều hôm qua ông đồ lại bản vẽ bằng mực tàu đã xong. Chắc bà biết người ta vẽ bằng bút chì trước tiên, sau đó tẩy những đường chì bằng bánh mì khô, dùng bánh mì khô tốt hơn dùng tẩy. Ông Blumberg vẫn thường mua bánh mì ở chỗ bà. Còn hôm nay... bà biết đấy... chỗ bơ của bà... bà cứ tưởng tượng xem... tóm lại là bản vẽ của ông Blumberg bây giờ chỉ còn cách đem đi gói bánh mì thôi.

Cô Marta đi vào phòng phía trong cởi chiếc áo lụa chấm xanh và mặc chiếc áo cũ bằng vải mộc nâu vào. Sau đó cô với lọ thuốc rửa da làm từ hạt mộc qua và hàn the, và hắt tuột vào thùng rác sau cửa sổ.

Chú thích:

(1) Ông ta nói pha giọng Đức.

NHỮNG QUẢ TIM VÀ NHỮNG BÀN TAY

Tại nhà ga Denver có một nhóm hành khách đổ xô lên chuyến tàu tốc hành của hãng B&M đi về miền đông. Trong một ngăn toa, một cô gái trẻ rất đẹp, ăn mặc thanh lịch, đang ngồi giữa những tiện nghi xa xỉ dành cho hành khách thường phải di chuyển. Trong số những người mới lên tàu là hai người đàn ông; một người điển trai với vẻ mặt và cử chỉ hiên ngang và thẳng thắn; người kia bù xù, mặt lầm lì, cao lớn, quần áo lôi thôi lệch thếch. Cả hai bị còng tay lại với nhau.

Khi hai người đi dọc theo hành lang trong toa tàu để tìm chỗ ngồi, họ thấy chỉ có băng ghế đối diện với cô gái là còn trống. Hai người ngồi xuống đấy. Cô gái liếc nhìn họ trong một thoáng xa xôi không bận tâm, rồi, với một nụ cười dễ mến làm gương mặt cô sáng lên và một màu hồng dịu ánh trên đôi má, cô chìa ra một bàn tay nhỏ ú trong một chiếc găng tay màu xám. Khi cô nói với giọng ngọt ngào và từ tốn, ta có thể nhận ra là cô đã từng nói với người nghe, và từng nghe người nghe đó nói:

- À, anh Easton, nếu anh cho phép em được mở lời, em xin nói. Có khi nào anh nhận ra bạn cũ anh đã gặp ở miền Tây không?

Người trai trẻ hơi giật nảy người khi nghe giọng nói, dường như có một chút bối rối nhưng kịp trấn tĩnh ngay được., rồi đưa bàn tay trái của anh nắm lấy những ngón tay của cô. Anh mỉm cười:

- Đây là cô Fairchild. Xin lỗi cho tay phải, hiện đang bận.

Anh nâng bàn tay phải của anh lên một tí, với cái "số tám" bóng loáng cột chung vào bên trái của người đồng hành. Ánh mắt đang tươi vui của cô gái dần đổi thành nét hời hợt hoang mang. Màu hồng mờ dần trên đôi má cô. Đôi môi cô hé mở trong vẻ đau khổ mơ hồ. Easton, với tiếng cười nhỏ như thế lấy làm vui thú, định cất tiếng tiếp khi người kia cắt ngang. Con người lầm lì đã quan sát nét mặt của cô gái qua khe mắt sắc sảo của anh.

- Cô à, tôi xin lỗi đã chen vào câu chuyện, nhưng tôi thấy là cô có quen biết với sếp Sĩ quan Tư Pháp (marshal - cấp chỉ huy có nhiệm vụ thi hành án toà như tầm nã tội phạm, giải tù nhân, và các nhiệm vụ khác mà toà án phán quyết) này. Nếu cô yêu cầu sếp nói giúp tôi một tiếng khi chúng tôi đến nơi, ông ấy sẽ sẵn lòng, và như vậy sẽ đỡ cho tôi rất nhiều. Ông ấy đang giải tôi đến nhà tù Leavenworth. Tôi bị bảy năm vì tội làm bạc giả.

Cô gái thở phào, nét hồng trở lại trên gương mặt cô.

- À! Thế là anh đang thi hành nhiệm vụ đấy à? Một Sĩ quan Tư Pháp!

Easton nói giọng nhẹ nhàng:

- Em Fairchild mến, anh phải làm việc gì đấy. Tiền có thể làm ra tất cả, và em biết đấy, phải có tiền để theo kịp với đám đông ở Washington. Anh thấy có thông báo tuyển dụng ở miền Tây và... à, cái chức sĩ quan Tư Pháp không được cao như Đại Sứ, nhưng...

Giọng cô gái ấm đi:

- Chức đại sứ không còn kêu nữa. Anh hẳn biết điều ấy. Và bây giờ anh là một trong số những anh hùng miền Tây xông pha đấy, anh cưỡi ngựa, bắn súng và lăn xả vào mọi hiểm nguy. Khác với cuộc sống ở Washington. Đám bạn bè cũ hẳn phải nhớ nhung anh đấy.

Đôi mắt cô gái mở to, trầm trồ nhìn chiếc còng tay sáng bóng.

Người đàn ông kia nói:

- Cô ạ, cô đừng lo cho họ. Mọi sĩ quan Tư Pháp đều phải bị còng chung với tù nhân để giữ cho tù không trốn thoát. Ông Easton biết rõ nhiệm vụ của ông ấy.

Cô gái hỏi:

- Em có thể gặp lại anh ở Washington không?

Easton nói:

- Phải còn lâu. Anh e rằng thời bay nhảy của anh đã qua rồi.

- Em yêu miền Tây.

Cô gái nói, không có vẻ gì liên quan đến câu chuyện. Đôi mắt cô long lanh dịu dàng. Cô

nhìn ra ngoài cửa sổ toa tàu. Cô bắt đầu nói một cách chân thật và giản đơn, không còn lớp bóng loáng của kiểu cách và cử chỉ:

- Mẹ em và em đi nghỉ hè ở Denver. Bà trở về nhà tuần trước vì cha đang bệnh. Em có thể sống mà cảm thấy hạnh phúc ở miền Tây. Em nghĩ khí hậu ở đây hợp với em. Tiền bạc không phải là tất cả. Nhưng thiên hạ luôn luôn lẫn lộn nhiều việc và vẫn thường ngu xuẩn...

Con người lăm lè cắt ngang:

- Nè ông sĩ quan, như vậy là không công bằng gì hết! Tôi cần uống thức gì đó, với lại cả ngày chưa được hút điếu nào. Ông nói chuyện xong chưa? Ông dẫn tôi đi vào toa hút thuốc đi chứ! Tôi thêm gần chết một điếu thuốc.

Cả hai hành khách bị còng tay vào nhau đứng dậy, Easton với cùng nụ cười chậm chạp trên môi. Anh nói nhỏ: - Anh không thể từ chối lời yêu cầu về thuốc lá. Nó là bạn của kẻ xấu số. Xin chào em Fairchild. Vì nhiệm vụ, mong em hiểu nhé!

Anh đưa bàn tay để từ giả.

Cô lại trông vào kiểu cách và cử chỉ:

- Tiếc quá anh không đi về phía đông, nhưng em đoán anh phải đi Leavenworth.

- Đúng thế. Anh phải đi Leavenworth.

Hai người lướt dọc hành lang về phía toa hút thuốc.

Hai hành khách ngồi gần đấy đã nghe hầu hết câu chuyện. Một người nói:

- Ông Sĩ quan ấy thật tế nhị. Một vài anh miền Tây xem ra có vẻ được đấy.

Người kia nói:

- Nhưng trông tuổi còn khá trẻ so với chức vụ ấy phải không?

- Còn trẻ á? Tại sao... Ô hay! Anh không để ý sao? Anh có bao giờ biết một sĩ quan Tư pháp nào lại còng tội phạm vào tay phải của họ không?

PXYSÊ VÀ NHÀ CHỌC TRỜI

Nếu bạn là một triết gia, bạn có thể làm được điều này: leo lên nóc một toà nhà lớn, chiếu tầm mắt từ độ cao ba trăm phút (1) xuống đám huynh đệ đồng loại để mà khinh bỉ họ như loài sâu bọ nhỏ mọn. Người ta bò, người ta chen vai thích cánh nhau và đứng vòng trong vòng ngoài, vô chủ đích, đần độn, ngu ngốc, hết như những con cá vó trên mặt ao mùa hạ. Đến nước ví họ chạy tung tăng như đàn kiến cũng không được, bởi vì con kiến, vốn có đầu óc suy xét đáng ghen tị, bao giờ cũng biết lối ngắn nhất để về nhà. Vị trí của con kiến trên mặt đất không cao, nhưng lệ thường là chúng đã về được tận nhà, lôi dép từ dưới gầm giường ra, còn bạn thì vẫn còn đang sa lầy trên đỉnh cao vị trí của mình, chân mắc kẹt trên các đầu cầu nổi.

Vậy là, đối với một triết gia thợ leo trèo thì con người chỉ là giống côn trùng nhỏ bé đáng khinh. Các nhân viên giao dịch chứng khoán, các thi sĩ, các nhà triệu phú, thợ đánh giày, các mỹ nhân, thợ đào đất và các chính trị gia đều biến thành những chấm đen trên đường phố rộng bằng ngón tay bạn và luồn tránh những chấm đen khác cỡ cũng chỉ nhỉnh hơn một tí.

Còn chính thành phố nhìn từ điểm cao như thế cũng co lại thành ra một mớ hỗn độn các kiến trúc vẹo vọ trong một phối cảnh méo mó không tưởng tượng nổi, đại dương hùng mạnh thì biến thành một cái vũng, ngay đến quả đất cũng chỉ là quả bóng golf lạc lõng trong vũ trụ. Mọi thứ vụn vặt tầm thường lui xuống hàng thứ yếu. Nhà triết học hướng tầm mắt của mình lên phía bầu trời và, cảm hứng bởi nhãn quan mới về thế giới tâm hồn, anh ta được lâng lâng chấp cánh. Anh ta cảm thấy mình là con cháu của Vĩnh Cửu và kẻ nổi dỗi của Thời Gian. Anh ta cảm thấy rằng không gian cũng phải là của thừa kế hợp pháp và tất yếu của mình. Người như bốc lửa, anh ta suy ngẫm về việc sẽ đến lúc những sinh vật tương tự như anh phóng mình từ hành tinh này tới hành tinh khác theo những con đường huyền bí của không gian. Thế giới tí

hơn dưới chân anh ta mà trên đó sừng sững cái tháp sắt của toà nhà chọc trời, hết như một hạt cát trên đỉnh Himalaya, chỉ là một phần tử vô cùng nhỏ trong cảnh tuần hoàn của cơ man nào là những phần tử như thế. Những ước muốn danh lợi của lũ sâu bọ bon chen màu đen đen dưới kia, những thành tựu của họ, những thắng lợi nhỏ mọn và những tình cảm quyến luyến của họ có là cái gì, nếu đem so với cái vô biên bình lặng đầy đe dọa của vũ trụ, bao quanh cái thành phố cón con này từ bốn phía.

Những ý nghĩ như thế nhất định sẽ choán lấy nhà triết học, đó là điều có thể cam đoan chắc chắn. Họ được chọn lọc từ các trường phái triết học khác nhau có thể nảy nòi trên thế gian này, cuối cùng, được trang bị một dấu hỏi đúng phép, họ được phê duyệt như là hình mẫu tất yếu của tư duy sâu sắc trên tầm cao lớn. Và khi nhà triết học đã bước vào thang máy để đi xuống dưới thì trí óc anh ta được bồi bổ chặt chẽ, tâm hồn tha hồ thanh thản, những quan điểm về thực chất của cấu trúc thế giới rộng như cái khoá thắt lưng của Oriôn (2).

Tuy nhiên, nếu bạn tên là Đâydi và chỉ mới mười chín xuân xanh, nếu bạn làm việc ở cửa hàng bánh kẹo trên Đại lộ số Tám và được lĩnh sáu đôla một tuần, cộng thêm với việc dậy từ sáu giờ rưỡi sáng và làm cật lực đến chín giờ tối, lại sống trong một căn buồng chật chội và lạnh lẽo, kích thước năm phút nhân với tám phút, chỉ dám tiêu mười xu ăn sáng, hơn nữa chưa bao giờ nghiên cứu triết học, – khi ấy trên tầm cao của toà nhà chọc trời ắt bạn sẽ nhìn sự vật khác đi.

Có hai chàng thở vắn than dài nhớ nhung cô Đâydi chưa dính gì đến triết học, có hai chàng tơ tưởng tới bàn tay cô. Chàng thứ nhất là Giô, chủ một tiệm tạp hoá nhỏ ở Niu-Yooc. Tiệm ấy cỡ chỉ bằng lỗ mũi và tựa như cái tổ chim én, dính vào góc ngôi nhà chọc trời ở khu vực kinh doanh của thành phố. Ở đó bày bán báo chí, hoa quả, kẹo bánh, các tập bài hát, thuốc lá, về mùa hè có cả nước chanh. Khi mùa đông khắc nghiệt tới, lay lay những món tóc đóng hơi băng giá và đồn Giô với hoa quả của anh ta vào trong nhà, thì quán trở nên quá chật hẹp để chứa một chủ quán, hàng hoá của anh ta, cái bếp lò cỡ bằng lọ dấm và một khách hàng.

Giô không thuộc lớp người gây đình gây đám bằng hoa quả và những chất giọng nhiều bè của mình. Anh là một thanh niên Mỹ sáng dạ, lo dành dụm đồng tiền và muốn Đâydi giúp anh sống ở đời. Anh đã ba lần ngỏ lời với cô. Bản tình ca của anh vang lên đại loại như sau:

- Đâydi, em biết không, anh muốn chúng mình lấy nhau, anh sẽ gom góp tiền để sống. Anh có cửa hàng, kể ra thì cũng chẳng to tát gì cho lắm...

- Thật thế à? – Cái cô nàng không dính gì đến triết học lên tiếng. – Thế mà người ta bảo chính Oanamâyco (3) thuyết phục anh sang năm để cho ông ta thuê phần diện tích thừa của cửa hàng.

Hàng ngày, sáng và chiều Đâydi đều đi qua góc phố, nơi có cửa hàng khép nép của Giô. Câu chào của cô thường là:

- Anh Giô ơi, trong cái hang của anh công việc ra sao? Em thấy sao dạo này rộng hàng tợn. Chắc là anh đã bán gói kẹo cao su rồi.

- Ừ, chỗ ở thì không rộng, điều đó đúng, – Giô toét nụ cười rộng đón cô. – Nhưng để cho em thì đủ. Anh với cái cửa hàng này chỉ sốt ruột đợi ngày em làm bà chủ thôi. Em đừng có làm tình làm tội bắt anh chờ lâu quá đấy nhé!

- Cửa với chả hàng! – Đâydi nhăn cái mũi hếch vẻ khinh thị. – Cái hộp sắt tây thì có! Anh bảo đợi em ấy à? Ái chà chà. Thế thì anh phải tổng khứ một trăm pao (4) bánh kẹo mới có chỗ cho em.

- À, sẵn sàng thôi, đổi thế là vừa khuỷp đấy, – Giô cất giọng bông lơn.

Cuộc sống của Đâydi vốn đã trôi đi trong những ranh giới chật hẹp. Đi làm, phải xoay như chong chóng, len lách giữa các giá đựng hàng và cái quầy. Ở nhà thì nhiều sự ầm cúng hơn là sự rộng rãi. Mấy bức tường sát vào nhau, cựa mình một tí là những tờ giấy bồi tường còn sót lại kêu sột soạt. Vừa soi mái tóc màu hạt dẻ bóng bẩy của mình trong gương, Đâydi vừa có thể một tay châm bếp hơi, tay kia đóng cửa. Trên tủ commốt là tấm hình Giô trong khung mạ vàng, và đôi lúc ánh mắt Đâydi đưa vào đấy... thì ngay lập tức trong trí óc cô lại hiện ra cái quán bán hàng bé tí và buồn cười như hòm đựng xà phòng, nép vào góc một toà nhà lớn, và đáng lẽ là tiếng thở

dài êm ái thì ta lại nghe thấy tiếng cười vô tư lự.

Người ái mộ thứ hai đến với Đâydi chậm hơn Giô vài tháng. Anh ta thuê một phòng kèm cả tiền chăm nom phục vụ ở ngay trong ngôi nhà cô đang ở. Tên anh là Đepxtơ và anh là một triết gia. Ưu điểm của con người còn trẻ tuổi đời này đập ngay vào mắt như những mác những nhãn châu Âu trên chiếc vali của người dân Paxâyơ bang Niu Giơxi. Anh thu lượm những kiến thức cho mình từ những cuốn bách khoa toàn thư và sách tra cứu, còn nếu nói về sự khôn ngoan, thì nó phóng lướt qua, trong khi anh ta đứng bên hè đường, mũi khụt khịt mà không kịp nhìn rõ số xe ô tô của nó. Hễ có dịp là anh ta có thể giảng cho bạn rõ, nước tạo thành từ cái gì và tại sao con người ăn đậu và thịt bê lại bổ, bài thơ nào ngắn nhất trong Kinh thánh và cần bao nhiêu pao đinh để đóng hai trăm năm mươi sáu tấm ván lót nhà có khe rộng bốn inơ, dân số thành phố Kankaki, bang Illinois là bao nhiêu, cốt lõi của lý thuyết Xpinôda là gì, tên thẳng hầu hạ bét trong nhà ông G. Maccây Tumli là gì, chiều dài đường hầm xuyên qua ngọn núi Huxăc là bao nhiêu, khi nào cho gà ấp là tốt nhất, lương tháng của một bưu tá đường sắt đoạn Đriptơrit – Ret Bank Fecnex, bang Penxinvania là bao nhiêu và chân con mèo có bao nhiêu móng.

Gánh nặng kiến thức không phải đùa ấy không hề đè trĩu lên Đepxtơ. Những con số và dữ kiện đối với anh cũng tựa như món rau mùi làm gia vị cho bữa chuyện phiếm nhẹ nhàng mà anh dùng để thết bạn, nếu nhắm thấy hợp gu bạn. Ngoài ra, anh còn dùng chúng làm lá chắn khi đánh chén. Nổ một tràng đạn nhắm vào bạn bằng những con số liên quan đến trọng lượng thanh sắt tiết diện năm nhân với hai phẩy bảy lăm inơ và lượng mưa trung bình hàng năm ở Photơ Xnelinh, bang Minnêxôta, anh cầm đĩa chọc thẳng vào miếng thịt gà ngon mắt nhất trên đĩa, trong khi tâm trí bạn còn đang tiêu hoá những điều anh vừa nói.

Được trang bị bằng những thứ khí giới sáng choang như vậy, vả lại diện mạo cũng không phải là khó coi, Đepxtơ là kẻ tình địch mà Giô, chủ hiệu tạp hoá bé tí ti, đáng độ kiểm. Tuy nhiên trên mình Giô chẳng có khí giới nào cả. Vả chăng nếu có thì cũng chẳng tìm đâu ra chỗ giấu.

Một hôm thứ bảy, quãng bốn giờ chiều, Đâydi cùng ông Đepxtơ dừng lại bên quán của Giô. Trên mình Đepxtơ có cái ống hình trụ và bởi vì... tóm lại, vì Đâydi là đàn bà và không thể để cái ống ấy chui vào hộp các-tông, chừng nào Giô còn chưa ngó thấy. Cái có bề ngoài để họ rẽ vào quán là gói kẹo cao su dứa mà Giô chìa ra cho họ trước cánh cửa mở toang hoác của quán. Nhìn thấy cái ống hình trụ mà chàng Giô chẳng giật mình, nét mặt cũng chẳng thay đổi gì.

- Ông Đepxtơ mời em cùng với ông ấy leo lên trên kia để ngắm toàn cảnh đấy, – Đâydi nói, sau khi đã giới thiệu hai sủng ái viên với nhau. – Em chưa bao giờ được lên nóc toà nhà chọc trời cả. Chà, chắc phải thú vị và khoan khoái cực kì.

- Hừm! – Giô bật ra tiếng.

- Quang cảnh mở ra trước tầm mắt ta từ mái toà nhà cao tầng, – Đepxtơ nói, – cũng không hùng vĩ lắm, nhưng có rất nhiều điều bổ ích. Cô Đâydi có thể tin chắc rằng sự thoả mãn lớn lao đang chờ đợi cô.

- À, trên ấy có khi gió lắm, – Giô nói. – Em ăn mặc đã ấm chưa, Đâydi?

- Cứ yên trí! Em mặc đến trăm bộ quần áo đây rồi! – Đâydi đáp với sự ngượng ngịu và thích thú sau khi thấy vầng trán anh chàng tối lại. – Còn anh ở đây cứ như xác ướp trong bao ấy. Chỗ hàng của anh chẳng được bổ sung thêm một pao hồ đào hay một quả táo nào à? Theo em thì anh để ứ đọng quá đấy.

Đâydi cười lạnh lạnh, khoái chí với câu đùa ưa thích của mình khiến Giô chẳng còn cách nào khác, cũng mỉm cười.

- So với quy mô ngôi nhà này, thưa ông, à... e hèm, – Đepxtơ nhận xét, – thì cơ quan của ông, theo cảm giác của tôi, có hơi hạn chế về kích thước. Diện tích chái sườn ở đây, nếu tôi không nhầm, khoảng ba trăm bốn mươi nhân một trăm phút. Cửa hàng của ông so tương ứng thì cũng ví như đặt một nửa xứ Bêluginxan lên lãnh thổ Hoa Kỳ phía đông dãy núi Đá Tảng, đã được cộng thêm vào đấy tỉnh Ôntariô (Canada) và một nước chẳng hạn như nước Bỉ.

- Chà chà, thế hả? – Giô xởi lời nói. – Ông bạn ạ, xét về phần các con số thì quả là cái đầu ông uyên thâm. Chắc ông sẽ giải ra việc này: một con lừa nhai hết bao nhiêu cỏ

khô ép trong một phút vuông, nếu nó sẽ ngừng kêu “i-a”, “i-a” trong một phút năm phần tám?

Vài phút sau Đâydi và ông Đepxtơ đã ra khỏi thang máy trên tầng thượng của ngôi nhà chọc trời. Rồi đến cầu thang dốc và mái nhà. Đepxtơ dẫn Đâydi ra phía lan can và chỉ cho cô xem các chấm đen di động ở phố xá bên dưới.

- Cái gì thế? – Đâydi vừa run vừa hỏi. Chưa bao giờ cô leo lên một tầm cao như thế này.

Làm sao mà Đepxtơ không nhập vai nhà triết học trên tháp và dẫn dắt tâm hồn cô đi đón không gian vô tận cho được!

- Loài hai chân đấy, – Đepxtơ trình trọng nói. – Em đã thấy họ biến thành cái gì chưa, khi ta leo lên trên họ mới có ba trăm bốn mươi phút? Chỉ là những chú sâu bọ, bò đi bò lại, chứ có quái gì đâu.

- Sao lại như thế được, – bỗng Đâydi thốt lên. – Đấy là những con người! Còn kia là chiếc ô tô. Ôi, vậy là chúng ta lên cao quá nhỉ!

- Xin mời em lại đây, – Đepxtơ nói.

Anh đã chỉ cho cô thành phố lớn trải ra xa bên dưới những dãy nhà như đồ chơi thẳng hàng thẳng lối, lác đác ánh lửa của những ngọn đèn đường đầu tiên, tuy trời còn sớm. Sau đó anh chỉ cho cô con vịnh, xa hơn nữa là biển mà ở hướng nam và hướng đông nó nối liền với bầu trời một cách bí ẩn.

- Em không thích ở đây, – Đâydi lo lắng ngược đôi mắt xanh lên Đepxtơ. – Ta đi xuống đi!

Nhưng nhà triết học không hề muốn bỏ lỡ một dịp như vậy. Trước tiên phải để cho cô thấy ý nghĩ anh đang bay bổng đến đâu, anh gần gũi với cái vĩnh cửu như thế nào và trí nhớ của anh đang chất đầy những con số thống kê đến mức nào. Khi đó cô sẽ không còn tơ tưởng khả năng rẽ vào cái quán bé nhất Niu-Yooc vì món kẹo cao su nữa. Thế là ông Đepxtơ bắt đầu diễn thuyết về sự bé nhỏ và phù phiếm của những mối lo toan cuộc đời, rằng chỉ mới lên khỏi mặt đất một khoảng chưa đáng là bao mà ta đã nhận thức ra con người và sự nghiệp của nó chỉ đáng giá chục đồng chinh đếm

đi đếm lại ba lần. Vì thế đối tượng suy ngẫm của ta phải là thế giới các vì sao và những tính toán của Epictet (5) và tìm nguồn an ủi cho bản thân trong đó.

- Với bản thân em thì những chuyện đó không có sức cuốn hút cho lắm, – Đâydi đáp.
– Em chỉ thấy khiếp khiếp là, khi mình đứng trên cao chót vót thế này, mà con người bên dưới chỉ bé bằng con rận. Ừ mà biết đâu chúng mình lại nhìn thấy anh Giô ở dưới kia. Gớm, cứ như là nhìn từ bang bên cạnh sang ấy. Eo ôi, em thấy hãi lắm!

Nhà triết học mỉm cười một cách hơi ngây ngô. Anh cất tiếng:

- Giữa không gian bao la thì trái đất này chỉ bé như hạt thóc. Em hãy ngược nhìn lên mà xem.

Đâydi len lét ngược chéo đôi mắt lên phía bầu trời. Ngày ngắn ngủi đã tắt, lác đác có những ngôi sao đầu tiên. Đâydi lại cất tiếng:

- Kìa kìa, em thấy sao Hôm chứ, nó là sao Kim đấy. Nó ở cách mặt trời sáu mươi sáu triệu dặm.

- Có hoá là phịa! – Đâydi đáp lại, và vì bức tức mà trong giây lát nỗi sợ hãi đã qua đi.

– Sao, theo anh thì em ở Bruclin phải không? Xiudi Praixơ ở cửa hàng bánh kẹo chỗ bọn em đi thăm anh trai ở Xan Franxixcô, người anh đã gửi vé tàu cho nó. Vậy mà từ đây đến đấy cả thảy cũng chỉ có ba nghìn dặm.

Đến lúc này thì nhà triết học đã nở nụ cười độ lượng và nói:

- Quả đất của chúng ta cách xa mặt trời chín mươi mốt triệu dặm. Còn có mười tám ngôi sao bậc nhất, chúng cách xa mặt trời hơn chúng ta những hai trăm mười một nghìn lần. Nếu một ngôi sao trong số đó tắt đi, thì tia sáng cuối cùng của nó phải ba năm sau mới tới được chúng ta. Ngoài ra còn có sáu nghìn ngôi sao bậc sáu. Ánh sáng của chúng đi đến trái đất phải mất ba mươi sáu năm. Nhìn vào kính thiên văn mười tám phút ta sẽ thấy bốn mươi ba triệu ngôi sao và trong số đó có các ngôi sao bậc mười ba, ánh sáng của chúng đến được trái đất phải mất hai nghìn bảy trăm năm. Mỗi một ngôi sao như thế...

- Không đúng! – Đâydi giận dữ kêu lên. – Anh cứ chủ ý dọa em thôi. Thế này anh cũng đã làm em sợ chết khiếp lên rồi. Em muốn đi xuống.

Cô giậm chân.

- Acotua... – nhà triết học đã toan dàn hoà, nhưng cắt ngang lời anh ta lại chính là Tự Nhiên, nó phô bày một chứng cứ hiển nhiên trước mặt anh ta, từ chính chiều sâu vô biên của mình, một Tự Nhiên mà anh đã ra sức mô tả bằng cách căng trí nhớ của mình mà quên mất con tim. Bởi lẽ những ai lí giải Tự Nhiên bằng con tim đều biết rằng những vì sao được gắn lên vòm trời chỉ để nhằm một mục đích là rọi ánh sáng dịu dàng xuống những cặp tình nhân đang thơ thẩn bên dưới, và nếu như vào đêm tháng chín bạn khoác tay người yêu ngồi xõm thì tưởng đâu chẳng khó khăn gì, chỉ một vớ tay cũng có thể chạm tới những vì sao kia. Thế mà dám bảo rằng ánh sáng của chúng phải ba năm mới tới được chúng ta? Rặt chuyện vớ vẩn!

Đâu đó từ phía tây, loé lên một thiên thạch và trên đỉnh toà nhà chọc trời bỗng sáng lên như ban ngày. Thiên thạch bay ngang trời, rạch một đường parabôn lửa từ tây sang đông. Nó rít lên khi bay, khiến Đâydi cũng rú lên.

- Đưa em xuống đi, quyền số học sống ạ! – Cô kêu lên tuyệt vọng. Đẹpxtơ đỡ cô xuống thang, rồi họ đi vào thang máy. Đôi mắt Đâydi chờ đợi. Khi cái thang máy rình rịch hạ xuống, đột ngột làm khách đi tê đầu gối, thì Đâydi giật bắn người.

Ra khỏi cánh cửa quay tròn của toà nhà chọc trời, nhà triết học thấy mất hút cô. Cô đã biến đi, để anh băn khoăn luẩn quẩn một chỗ. Lúc này thì cả những dữ kiện lẫn các con số đều không thể giúp gì cho Đẹpxtơ được.

Giô đang lúc vắng khách. Anh luồn lách dẻo như con rắn giữa các hòm hàng, châm điếu thuốc và ghếch một cẳng chân tê cóng lên cái bếp lò cà khố.

Cửa quán bỗng bật mở toang và Đâydi, nửa cười nửa mếu, hót hải đi vào, làm hoa quả và kẹo bánh rắc tung khắp đất. Cô lao vào ôm lấy anh.

- Này, anh Giô, em đã lên nóc nhà chọc trời rồi đấy! Ôi, chỗ này của anh ấm áp, dễ chịu, thoải mái biết bao! Em đồng ý lấy anh đấy, anh Giô ạ, khi nào anh muốn.

Nguyễn Việt Long dịch

Chú thích:

(1) 1 phút (foot) = 30.48 cm

(2) Người thợ săn trong thần thoại Hy Lạp, được đặt tên cho một chòm sao

(3) Chủ cửa hàng bách hoá lớn nhất ở Niu-Yooc hồi đầu thế kỉ

(4) 1 pao (pound) = 450 g

(5) Nhà triết học khổ hạnh người Hy Lạp, sống vào thế kỉ I sau CN.

SAU 20 NĂM

Viên cảnh sát đi dọc theo đường phố, trông anh ta có vẻ gì nghiêm trọng. Đây là con đường mà ông ta đã đi tuần tra mỗi ngày. Không có gì để cho ông ta phải chú ý đến cả. Bây giờ đã 10 giờ đêm, trời khá lạnh. Vào giờ này đường phố chỉ còn lác đác một ít người đi đường vội vã về nhà. Trời mưa lất phất và gió quất vào mặt lạnh buốt.

Viên cảnh sát dừng lại nhìn vào từng cánh cửa, xem chừng các cửa hiệu đã bắt đầu dọn dẹp và đóng cửa. Thỉnh thoảng ông ta dừng bước và nhìn trước ngó sau dọc theo con đường. Viên cảnh sát khu vực này đúng là một mẫu thanh niên đẹp trai, mạnh khỏe và rất tích cực trong công việc giữ gìn an ninh trật tự cho khu phố.

Dân chúng trong khu phố này cũng chấp hành luật lệ nghiêm chỉnh. Họ trở về nhà sớm vào ban đêm. Người ta có thể thấy rõ ánh đèn sáng trong mỗi cửa hiệu hoặc nhà hàng nhưng ngay cả những khu thương mại, kinh doanh người ta cũng đóng cửa rất đúng giờ.

Bỗng nhiên, viên cảnh sát đột ngột đứng lại. Bên một cánh cửa hiệu chìm trong bóng tối, một gã đàn ông đang đứng im lặng. Khi viên cảnh sát bước tới gần, gã lên tiếng:

- Chào thầy đội ! Xin lỗi thầy nhé ! Tôi đang đợi một người bạn. Hai mươi năm về trước chúng tôi đã hẹn với nhau là sẽ gặp nhau ở đây đêm nay. Có lẽ thầy đội ngạc nhiên lắm phải không ? Tôi xin giải thích để thầy rõ nếu thầy muốn. Khoảng chừng 20 năm về trước, nơi đây là một cửa hàng ăn. Phải rồi, tên gọi là "Nhà hàng Joe Brady mập" bởi vì lão chủ cửa hàng này rất to béo, mập mạp...

Viên cảnh sát ngắt lời:

- Nhà hàng đó vẫn còn ở đây 5 năm về trước.

Nói xong, ông ta đứng sát vào gã đàn ông và nhìn kỹ vào mặt gã. Bên cánh cửa đầy bóng tối, ông ta cũng thấy rõ gã có khuôn mặt vuông và đôi mắt rất sáng. Một vết sẹo

trắng bên mắt phải. ở chiếc cà vạt có đính một hạt kim cương khá lớn.

- Hai mươi năm về trước, một đêm nọ... gã đàn ông nói. Tôi đã ăn cơm tối nơi đây với bạn tôi: Jimmy Wells. Hắn là một thằng bạn rất tốt của tôi, có thể nói là một người bạn rất tốt trên cuộc đời này. Tôi và hắn đã lớn lên ở đây, thành phố New York thân yêu và chúng tôi đã xem nhau như hai anh em. Hồi đó tôi mười tám và Jimmy, hai mươi. Sau bữa ăn tối đó, tôi đi về miền Tây. Tôi đã tìm được việc làm tốt và thành công lớn. Còn Jimmy, không có ai có thể bắt buộc hắn rời khỏi New York bởi vì hắn cho rằng New York là nơi lý tưởng nhất để sinh sống. Chúng tôi đồng ý và tin tưởng rằng: chúng tôi sẽ gặp lại nhau 20 năm sau tại đây. Chúng tôi nghĩ rằng: Sau 20 năm chúng tôi sẽ biết được thân thế, sự nghiệp của chúng tôi và tương lai chờ đón chúng tôi như thế nào !

Viên cảnh sát nói:

- Câu chuyện thật thú vị ! Một thời gian thật là dài để gặp lại nhau. Trong thời gian đó, anh có biết tin tức gì về ông bạn của anh không ? Khi anh đang làm ăn ở miền Tây ?

- Vâng, có ạ ! Lúc đầu chúng tôi cũng biên thư cho nhau. Nhưng sau một vài năm, chúng tôi ngưng liên lạc. Ôi, miền Tây thật rộng lớn. Tôi đã đi khắp nơi và đi thật nhanh. Nhưng luôn luôn, tôi cũng nghĩ rằng tôi sẽ gặp lại bạn tôi: Jimmy - Hắn là một con người nghiêm túc, đúng đắn nhất thế giới. Hắn sẽ không bao giờ quên đêm hẹn hò này của 20 năm về trước. Tôi đã đi suốt hàng ngàn cây số để về đây đúng hẹn đêm nay và tôi sẽ rất sung sướng nếu hắn cũng đến đúng hẹn như tôi.

Gã lôi từ túi áo ra một chiếc đồng hồ khá đẹp, mặt đính những hạt kim cương lóng lánh.

- 10 giờ kém 3 phút ! Đúng 10 giờ đêm 20 năm về trước, chúng tôi đã nói lời "Tạm biệt" tại nơi đây.

Viên cảnh sát đột ngột hỏi:

- Trong thời gian ở miền Tây, anh thành công lắm phải không ?

- Vâng, đúng vậy ! Tôi hy vọng rằng thằng bạn Jimmy của tôi chỉ thành công một nửa

của tôi là được. Hẳn chậm chạp hơn tôi. Tôi đã phải phấn đấu dữ dội lắm mới thành công. Tại New York, con người không thể thay đổi cuộc sống được dễ dàng. ở miền Tây, người ta biết phải làm gì để kiếm được nhiều lợi nhuận.

Viên cảnh sát bước đi vài bước và nói:

- Tôi phải đi đây... Tôi mong rằng anh bạn sẽ gặp lại ông bạn cũ. à ! Nhưng nếu ông bạn của anh không đến đúng hẹn đêm nay, anh có rời đây không ?

- Không, tôi sẽ chờ ít nhất là nửa tiếng đồng hồ. Nếu Jimmy còn sống, tôi tin rằng hắn sẽ đến đây đúng giờ. Thôi, chào thầy đội !

- Chào anh bạn !

Viên cảnh sát bước đi, vừa đi vừa nhìn vào những dãy phố đang đóng cửa im lìm. Mưa gió lạnh buốt càng nặng nề hơn. Một vài bóng người vội vã bước nhanh trên đường phố, cố tìm những lối đi ít mưa tạt, gió lùa. Gã đàn ông vẫn đứng ở chỗ cánh cửa mờ tối để chờ đợi người bạn cũ. Gã có vẻ sốt ruột, đôi mắt nhìn suốt các con đường và kiên nhẫn chờ. Đã quá 20 phút... Bỗng một bóng người cao lớn khoác áo choàng dài băng nhanh qua đường hướng thẳng về phía gã đàn ông đang chờ đợi và lên tiếng hỏi:

- Có phải anh Bob đấy không ?

Gã đàn ông reo lên:

- Có phải anh đấy không ? Jimmy Wells ?

Người cao lớn mới đến vội nắm lấy hai bàn tay Bob, tức gã đàn ông đang chờ đợi và nói:

- Đúng rồi, Bob đây rồi ! Tôi tin rằng tôi sẽ tìm thấy anh ở đây nếu anh còn sống. 20 năm thật là thời gian dài. Nhà hàng ăn ngày xưa đã không còn nữa Bob nhỉ ! Nếu còn, chúng ta sẽ ăn với nhau một bữa cơm tối đêm nay. Thế nào ? Miền Tây đã đem lại cho bạn nhiều chuyện tốt đẹp chứ ?

- ừ ! Miền Tây đã cho tôi đủ thứ mà tôi muốn. ồ ! Jimmy ! Anh thay đổi quá nhiều. Tôi không ngờ anh lại cao lớn hơn hẳn ngày xưa như thế ?

- Vâng, tôi có phát triển thêm chút ít sau khi tôi được 20 tuổi.

- ở New York, anh làm ăn có khá không, Jimmy ?

- Cũng tạm tạm thôi ! Tôi làm việc cho Thành phố này. Nào, đi Bob ! Chúng ta sẽ tìm một chỗ để nói chuyện về những năm tháng đã qua...

Hai người sánh vai nhau bước đi. Gã đàn ông từ miền Tây trở về bắt đầu kể chuyện về cuộc đời gã. Người cao lớn kia, lắng nghe đầy vẻ quan tâm, cổ áo choàng của anh ta kéo lên che kín tai.

Đến một góc đường có ánh đèn sáng chiếu ra từ một cửa hiệu, cả hai người đều quay nhìn kỹ vào mặt nhau. Gã đàn ông tên Bob đột nhiên dừng bước và kéo cánh ta ra khỏi vòng tay của người cao lớn kia. Gã la lên:

- Anh không phải Jimmy Wells ! 20 năm thật dài nhưng không thể thay đổi hẳn một gương mặt, một cái mũi của bạn tôi ngày xưa. Người cao lớn mỉm cười bí hiểm và nói:

- Phải rồi, nhưng đôi khi thời gian có thể thay đổi một người tốt thành người xấu. Anh Bob ạ ! Anh đã bị tôi bắt giữ 10 phút rồi đó ! Cảnh sát ở Chicago đã biết là anh đến New York đêm nay. Họ yêu cầu chúng tôi theo dõi anh. Anh hãy theo tôi, ngoan ngoãn là tốt ! Nhưng trước hết, tôi cho anh xem cái này. Anh có thể đến sát ánh đèn sáng cạnh cửa sổ kia để đọc cho rõ. Mảnh giấy này do một viên chức Cảnh sát tên Jimmy Wells gửi đến cho anh đấy !

Tên Bob mở mảnh giấy, tay gã bỗng run lên khi đọc những dòng chữ trên đó:

"Bob ! Tôi đã đến đúng giờ hẹn tại chỗ. Tôi đã thấy rõ khuôn mặt mà cảnh sát Chicago muốn bắt giữ. Tôi không muốn đích thân bắt anh. Vì vậy tôi gửi đến một cảnh sát viên khác gặp anh để làm nhiệm vụ.

Chào Bob !

Jimmy Wells".

SỰ RA MẮT NGẮN NGỦI CỦA TINĐY

Nếu bạn không biết “Quán ăn bình dân và Nhà hàng gia đình” của Bôglơ thì đó là một thiệt thòi của bạn. Bởi vì nếu bạn nằm trong số người may mắn xưa nay vẫn ăn uống sang trọng thì hẳn bạn sẽ thích thú được biết nửa kia của nhân loại tiêu thực phẩm ra sao. Còn nếu bạn thuộc về cái nửa mà hoá đơn thanh toán do người hầu bàn đem tới là cả một biển cổ, thì ắt bạn phải biết quán Bôglơ, vì ở đây bạn nhận được cái xứng với túi tiền của bạn, ít ra là về mặt số lượng.

Quán Bôglơ nằm ngay trên trục chính của khu vực tư sản, tại phố Brao Giôn và Rôbinxơn cùng Đại lộ số Tám. Trong quán có hai dãy bàn, mỗi dãy sáu chiếc. Trên mỗi cái bàn có một cái giá xếp những lọ đựng đủ món gia vị. Từ cái lọ đựng tiêu bạn có thể lắc ra được một đám mây không mùi vị và u u sầu sầu như bụi núi lửa. Bạn đừng trông đợi tí gì ở cái lọ đựng muối cả. Dù có là một con người có khả năng ép được dòng nước mật lờ lờ từ loại củ cải đỏ nhạt thối, ý chí của bạn cũng bị thui chột một khi bạn có dịp moi muối từ những cái lọ của quán Bôglơ. Ngoài ra, trên mỗi bàn có một bầu chứa món nước chấm giả danh tuyệt mỹ làm “theo công thức pha chế của một bậc quý nhân Ấn Độ”.

Ngồi ở quầy thu tiền là tay Bôglơ lạnh lùng, hăm tãi, chậm chạp, tàn tệt, chuyên quơ tiền của bạn. Đằng sau đồng tấm xỉa răng, ông ta trả lại tiền thừa cho bạn, thu hoá đơn của bạn lại và phun vào mặt bạn, như cóc phun, một câu về thời tiết. Tốt hơn hết là bạn đừng vượt quá khuôn khổ một sự đồng tình với thông báo khí tượng của ông ta. Vì không phải là chỗ bạn bè của Bôglơ, mà chỉ là khách ăn một chốc lát của ông ta, bạn và ông ta có thể không gặp lại nhau cho đến khi nào có tiếng tù và gọi đi ăn của thiên sứ Gabriel. Cho nên hãy cầm lấy số tiền ông ta trả lại và xéo đi... đằng quỹ nào thì xéo cho rảnh. Đây là cái triết lí của Bôglơ.

Những nhu cầu của khách ăn quán Bôglơ được đáp ứng bởi hai cô hầu bàn và một

giọng nói. Một cô hầu bàn tên là Aylin. Cô ta người cao, đẹp, hoạt bát, duyên dáng và đã thạo lối đùa cợt. Còn họ của cô? Ở quán Bôglơ này cần quái gì đến tên họ, cũng như cần quái gì đến bát nước rửa tay sau khi ăn cơ chứ.

Tên của cô hầu bàn kia là Tindy. Việc gì cứ phải nhất thiết gọi là Matinda (1) nhỉ? Xin hãy nghe lần này cho rõ nào: Tindy, Tindy. Tindy người lùn bè bè, mặt xấu và quá lo lắng đến việc làm vừa lòng mọi người, đến việc làm vừa lòng mọi người. Bạn hãy nhắc lại câu nói cuối một vài lần, để hiểu cái ý nghĩa của sự lặp lại.

Giọng nói của quán Bôglơ là vô hình. Nó phát ra từ bếp và chẳng tỏ ra độc đáo hay đặc sắc gì cả. Nó là một giọng nói vô học, bằng lòng với việc đơn thuần lặp lại những tiếng hô món ăn do các cô hầu bàn xướng lên.

Nhắc lại một lần nữa rằng Aylin đẹp có làm bạn phát chán không? Giá cô ấy được khoác bộ quần áo vài trăm đôla và gia nhập đoàn diễu hành lễ Phục sinh, và giá bạn được trông thấy cô ấy, nhất định bạn sẽ vội vã thốt ra những lời kia.

Khách ăn quán Bôglơ là nô lệ của cô. Cô có thể phục vụ được sáu bàn liền một lúc. Những người đang vội thì nén sự sốt ruột của mình để sung sướng ngắm nhìn dáng đi lanh lẹ và thân hình kiều diễm của cô. Những người đã ăn xong còn ăn nữa để có thể tiếp tục ở trong vòng hào quang những nụ cười của cô. Mọi người đàn ông đến đó - mà khách cũng chủ yếu là đàn ông - đều cố gây ấn tượng với cô.

Aylin biết trao qua đổi lại rất thành công những câu đùa dí dỏm với một tá người ăn một lúc. Và mỗi một nụ cười của cô, như những tràng đạn ghém, găm vào biết bao nhiêu là trái tim. Đồng thời trong lúc ấy cô vẫn thực hiện những chiến công xuất sắc là đem các món thịt lợn xào đậu, những món hầm, trứng tráng, xúc xích với nước chấm từ lúa mì và đủ mọi thứ khác trong lập là, trong chảo, ở thể dựng đứng và thể nằm ngang. Bằng tất cả những yến tiệc kiểu ấy, cộng với sự tán tỉnh và đối đáp hóm hỉnh, quán Bôglơ đại loại cũng gần như biến thành một phòng khách thượng lưu, với Aylin trong vai bà Rêcamiê (2).

Nếu những khách thoáng ghé qua đã bị quyến rũ bởi Aylin diễm lệ, thì những người thường xuyên lui tới say mê cô biết chừng nào. Vô số tranh chấp đã diễn ra trong số

các khách quen của quán. Tối nào Aylin cũng được hẹn hò. Ít nhất một tuần hai lần có người đưa cô đi rạp hát hoặc đi nhảy. Một đấng nam nhi béo tốt mà cô và Tindy gọi riêng với nhau là “lợn thiến” đã tặng cô chiếc nhẫn ngọc lam. Một người khác biệt hiệu là “tắm” làm việc trên chiếc xe chuyên sửa chữa của hãng máy kéo đã toan biếu cô một con chó xù hề khi nào người anh anh ta vớ được hợp đồng chuyên chở ở Đại lộ số Chín. Còn người đàn ông vẫn ăn món sườn trơ xương với rau bina và nói rằng anh ta làm nghề mua bán cổ phần chứng khoán đã mời cô đi xem “Pacxiphan” (3) với anh ta.

- Tớ chẳng biết nơi ấy ở đâu, - Aylin tâm sự với Tindy, - nhưng mà bao giờ phải có nhẫn cưới nằm trên ngón tay đã thì tớ mới cất công may quần áo đi đường, tớ nói có phải không nào?

Thế còn Tindy thì sao?

Trong quán Bôglơ nghi ngút hơi, lao xao tiếng nói chuyện và thơm mùi bắp cải có một tấn bi kịch của cõi lòng. Tindy, với cái mũi thô, bộ tóc màu cỏ khô, da mặt có tàn hương, thân hình bồ sát cạp thì chẳng có ai nhòm ngó đến cả. Chẳng một người đàn ông nào dõi mắt theo cô mỗi khi cô đi lại trong nhà hàng, chỉ trừ đôi khi họ sáng mắt lên nhìn đồ ăn cô mang tới vì bụng đói cồn cào. Chẳng ai trêu ghẹo cô để cô vui vẻ nhập vào cuộc trao đổi ổng ẹo gồm toàn những lời dí dỏm. Chẳng ai lớn tiếng “cưa” cô mỗi sáng như họ vẫn thường làm với Aylin, bằng cách trách nàng, khi món trứng được bưng đến chậm, rằng đêm qua nàng đi chơi với những anh bồ tốt số nào.

Không ai tặng cô chiếc nhẫn ngọc lam hoặc mời cô làm một chuyến đi đến cái nơi “Pacxiphan” xa xôi, huyền bí bao giờ.

Tindy là một cô phục vụ tốt nết nên cánh đàn ông chịu đựng được cô. những người ngồi ở bàn cô phục vụ nói năng ngắn gọn với cô bằng những trích dẫn trong thực đơn, rồi sau đó rướn giọng lên những gam ngọt ngào, thi vị để hùng hồn phát ngôn với người đẹp Aylin. Họ ngo nguậy trên ghế để nhìn ngang nhìn ngửa, bỏ qua cái dáng lù đù của Tindy mà tìm kiếm Aylin, để vẻ đẹp của nàng có thể biến trứng và thịt muối của họ thành cao lương mỹ vị.

Tinđy bằng lòng với địa vị lao công không người tỏ tình, miễn sao Aylin nhận được sự tán dương và ái mộ. Cái mũi thô trung thành với cái mũi Hy Lạp xinh xắn. Cô là bạn của Aylin, cô sung sướng được thấy Aylin ngự trị các trái tim và kéo sự chú ý của giới đàn ông khỏi món bánh luộc đang bốc khói hay món bánh kem trứng với chanh. Nhưng ở sâu dưới những nốt tàn hương và bộ tóc màu cỏ khô, những kẻ xấu xí nhất trong chúng ta cũng đều mơ đến một hoàng tử hay một công chúa sẽ đến đón riêng ta, chứ không phải vì một ai khác.

Một buổi sáng, Aylin đi làm với một bên mắt hơi thâm tím, khiến Tinđy lo lắng đến mức tưởng như có thể chữa được bất kì bệnh mắt nào.

- Một thằng cha du côn, - Aylin giải thích, - đêm qua lúc tớ đang đi về nhà ở góc phố Hai mươi ba và Đại lộ số Sáu, thì hắn ta sấn đến rồi giở giọng tán tỉnh. Tớ lạnh lùng cho hắn nghỉ khỏe, đã tưởng hắn lén lút rút lui, ai dè hắn theo tớ đến tận phố Mười tám, rồi lại giở cái giọng ba lằng nhằng ra. Chà! Tớ mới cho hắn một cái tát vào bên mắt. Thế là hắn làm tớ tím bầm chỗ mắt này đây. Nom có khiếp lắm không, hả Tin? Tớ chỉ lo anh Nicônxon trông thấy thôi. Quãng mười giờ anh ấy lại đây uống trà và ăn bánh mì rán đấy.

Tinđy vừa lắng nghe bạn vừa lặng đi vì mừng rỡ. Chẳng có người đàn ông nào theo đuổi cô bao giờ. Vào bất kì giờ nào trên cả hăm bốn tiếng cô cũng an toàn khi đi ngoài phố. Sung sướng cái nỗi gì khi có một người đàn ông bám theo và vì tình yêu mà làm tím bầm một bên mắt thế kia!

Trong số khách hàng của quán Bôglơ có một thanh niên tên là Xiđócxơ, làm ở hiệu giặt là. Anh Xiđócxơ mảnh người và có bộ tóc màu sáng, tựa hồ như vừa mới được sấy khô queo và được phết hồ cứng. Anh ta quá nhút nhát, không dám mong đến sự để ý của Aylin, vì thế nên anh ta thường ngồi ở bàn của Tinđy và đắm mình vào sự yên lặng cùng món cá luộc.

Một hôm trước khi đến đây ăn, anh Xiđócxơ đã uống bia. Lúc ấy trong tiệm chỉ có hai ba người khách. Khi anh Xiđócxơ đã đánh chén xong món cá của mình, anh liền đứng dậy, quàng tay qua eo lưng Tinđy, trắng trợn hôn cô một cái rõ to rồi bước ra

phố. Anh khinh miệt phẩy tay về phía hiệu giặt và rảo cẳng bước đến khu vực giải trí ở dãy hiên có vòm cuốn, bỏ tiền xu vào các máy tự động để nhập cuộc vui chơi.

Trong giây lát Tindy chờ người ra. Cô sực tỉnh khi Aylin dứ dứ ngón tay vào cô một cách tinh quái và nói:

- Chết nhé, Tindy, thế mà ghê thật! Cô nàng ma mãnh ời! Chả mấy chốc rồi bà nâng mắt mấy chàng của tôi. Tôi phải để mắt đến bà mới được, lệnh bà ạ.

Một tia sáng loé lên trong trí óc đang rộn ràng của Tindy. Trong khoảnh khắc, từ một kẻ ái mộ ngoan ngoãn, vô hi vọng, cô đã bước lên hàng chị em với Aylin toàn năng, dòng dõi của Eva. Giờ cô cũng đã là người thu hút đàn ông, là cái bia của thần Ái tình, là cô gái Xabin (4) phải cảnh giác khi người La Mã tiệc tùng chè chén. Đàn ông đã thấy eo lưng của cô đáng ôm và đôi môi của cô đáng hôn. Cái anh chàng Xidócxơ đường đột si tình kia dường như đã thực hiện trên cô một tiết mục màu nhiệm của nghệ thuật giặt là lấy ngay. Gỡ bỏ vẻ ngoài xấu xí như lớp vải bao bố của Tindy, anh ta đã giặt giũ, đã hong khô, đã phết hồ và đã là nó, rồi trả lại cho cô dưới dạng vải thêu mỏng tang phủ lên chính bản thân thần Vệ nữ.

Những nốt tàn hương trên má Tindy chìm vào ráng màu ửng hồng. Cả Xiếcxê (5) và Pxysê (6) cùng long lanh nhìn bằng đôi mắt sáng của cô. Ngay đến chính Aylin cũng chưa từng được ôm và được hôn công khai như thế trong tiệm.

Tindy không thể giữ được điều bí mật tuyệt vời này được lâu. Lợi dụng lúc vắng khách, cô tiến lại bàn thu tiền của Bôglơ. Mắt cô sáng lấp lánh, cô cố không để cho lời nói của mình có vẻ kiêu hãnh và huênh hoang. Cô nói:

- Hôm nay một vị khách đã xúc phạm đến em. Ông ấy ôm ghì ngang lưng và hôn em.
- Thế kia à? - Bôglơ hỏi, vẻ mặt đã lột bỏ lớp vỏ giáp chuyên chú kinh doanh xưa nay.
- Từ tuần tới, mỗi tuần cô sẽ được nhận thêm một đôla nữa.

Đến bữa ăn thường lệ sau đó, khi Tindy bước ra trước những khách hàng cô đã quen, cô nói với từng người một cách khiêm tốn, như thể phẩm giá của mình không cần phải phóng đại:

- Hôm nay, một vị khách đã xúc phạm đến em ở tiệm này. Ông ấy đã vòng tay quàng

lấy lưng em và hôn em.

Khách ăn đón nhận tin này theo nhiều cách khác nhau: người thì tỏ ra không tin, người thì chúc mừng, người thì lại tới tấp trút lên cô những lời đùa tếu từ trước đến giờ chỉ dành cho một mình Aylin. Trái tim Tindy nở ra sung sướng, vì rốt cuộc cô đã thấy những ngọn tháp của lâu đài tình ái nhô lên nơi chân trời, phía cuối của vùng bình nguyên xám xịt mà lâu nay cô vẫn lang thang.

Hai ngày liền anh Xiđócxơ không lại. Trong thời gian ấy Tindy đã xác định bản thân một cách chắc chắn rằng mình là một cô gái đang được tán tỉnh. Cô mua các dải băng, sửa sang lại mái tóc cho giống hệt như của Aylin và thắt eo chặt lại hai in-sơ. Cô mang trong lòng một nỗi lo hồi hộp và dễ chịu rằng biết đâu anh Xiđócxơ sẽ ập vào bất thành lình và giương súng lục bắn cô. Chắc là anh yêu cô đến mất trí, mà những người tình cảm mãnh liệt thì hay ghen tuông mù quáng lắm!

Ngay cả Aylin cũng chưa bị bắn bằng súng lục bao giờ. Thế là Tindy mong rằng anh ấy sẽ không bắn cô, vì cô luôn luôn là người bạn chung thủy với Aylin, cô không muốn át thanh danh của bạn mình.

Mãi bốn giờ chiều ngày thứ ba anh Xiđócxơ mới tới. Ở các bàn chẳng có khách khứa nào cả. Tít phía cuối tiệm Tindy đang xúc mù tạt vào các lọ, còn Aylin thì đang cắt những chiếc bánh làm tư. Anh Xiđócxơ đi đến chỗ họ đang đứng.

Tindy ngẩng lên nhìn thấy anh ta, cô há hốc miệng và áp chặt cái thìa xúc mù tạt vào nơi tim. Chiếc nơ màu đỏ đang ở trên mái tóc cô. Cô đeo trên cổ biểu tượng của thần Vệ nữ trên Đại lộ số Tám: chiếc dây chuyền hạt cườm xanh lơ với hình trái tim bạc lung lẳng.

Anh Xiđócxơ đỏ mặt lúng túng. Một tay anh thọc vào túi quần, tay kia thọc vào cái bánh bí ngô ngon lành.

- Cô Tindy này, - anh ta nói, - tôi muốn xin lỗi cô về việc làm của tôi tối hôm nọ. Thực tình mà nói, tôi đã uống đến mức bí tỉ, chứ không thì ai lại làm như thế. Lúc tỉnh táo, không bao giờ tôi lại có thái độ như vậy với phụ nữ. Cô Tindy ạ, tôi mong rằng cô sẽ tha lỗi cho tôi. Xin cam đoan với cô là tôi không đời nào làm như vậy nếu tôi hiểu

được mình đang làm trò gì và không quá say đến như thế.

Bày tỏ một cách lịch sự sự hối hận của mình rồi, anh Xiđócxơ lui ra khỏi quán, trong lòng đinh ninh rằng lỗi lầm của mình đã được sửa chữa.

Nhưng đằng sau tấm bình phong tiện lợi, Tindy đã gục mặt xoài ra bàn, giữa những đầu mẩu phó mát và tách cà phê. Cô oà lên nức nở, sụt sùi và trở về với miền bình nguyên xám xịt, nơi những kẻ mũi thô và tóc màu cỏ khô như cô vẫn lang thang. Cô giật tung chiếc nơ màu đỏ quăng xuống sàn. Cô khinh bỉ thậm tệ Xiđócxơ, cô đã lầm tưởng cái hôn của anh ta là cái hôn của chàng hoàng tử khai sơn phá thạch, bắt những chiếc đồng hồ ngủ quên phải chạy, bắt đám tiểu đồng tung tăng rộn rã trên con đường đến chốn thần tiên. Nhưng đấy chỉ là cái hôn say rượu và vô tình, vương quốc mộng mơ không bị đánh thức bởi hiệu lệnh giả: cô mãi mãi vẫn chỉ là Người Đẹp đang ngủ.

Nhưng chưa phải là đã mất tất cả. Cánh tay Aylin đang quàng lên cô, và bàn tay rực đỏ của Tindy quờ quạng giữa đám đầu mẩu phó mát cho đến khi nó tìm được nắm tay ấm áp của bạn cô.

- Thôi đừng buồn Tindy ạ, - không hiểu rõ tâm trạng của cô, Aylin cất tiếng. - Cái đồ mặt củ cải, choắt như cái kẹp quần áo Xiđócxơ ấy có đáng gì. Hắn ta không phải bậc nam nhi quân tử, nếu không thì hắn đã chẳng phải vác mặt đi xin lỗi./.

Nguyễn Việt Long dịch

Chú thích:

(1) Tindy là tên gọi tắt thân mật hoặc suồng sã của Matinđa.

(2) Bà Rêcamiê (Récamier, Jeanne - Françoise) (1777 - 1849), người bạn chung thủy

của Satôbriăng, nổi tiếng về vẻ kiều diễm và phòng khách thượng lưu ở Pari thời đó.

(3) Tên một vở nhạc kịch của Vecne với nhân vật chính là Pacxiphan

(4) Tên một bộ tộc ở Ý bị người La Mã chinh phục vào thế kỉ 3 trước Công nguyên

(5) Xiếcxê : trong thần thoại Hy Lạp là nữ phù thủy, chúa tể đảo Ea, có tài biến đàn ông thành lợn

(6) Pxysê : trinh nữ đẹp tuyệt trần trong thần thoại Hy Lạp, được cả thần Ái tình say mê và thần Vệ nữ ghen

TAY SÚNG VÀ TAY ĐÀN

1.

Khi chán ngấy cuộc sống buồn tẻ đơn điệu ở nông trại, tôi liền nói với bố tôi:

- Con muốn đi xa bố ạ

- Mà muốn đi đâu? - Bố tôi gắt.

- Con tính về miền Tây. Hiện nay có nhiều dòng người đổ xô về đấy tìm vàng. Con hy vọng....

- Mà điên rồi à? - Bố tôi ngắt lời. - Sao mà không ở nhà mà kể nghiệp tao. Đó chỉ là một nơi hoang dã, vô luật pháp. Người ta chỉ có thể đào được mỏ vàng. Còn mà giỏi lắm chỉ được mấy hòn đá cuội.

Tôi chỉ có ý cho bố tôi biết thế thôi, chứ thực ra thì tôi đã quyết cả rồi. Tuổi trẻ là tuổi bay nhảy, quanh quẩn xó nhà hoài cũng chán. Mà tôi đã hơn 20 tuổi đầu rồi, có phải là con nít đâu (!). Tôi lẳng lặng bỏ vào nhà trong lấy ra hai chiếc túi hành lý trong đựng ít quần áo, vài quyển sách và số tiền tôi dành dụm bấy lâu:

- Mà đi thật à? - Bố tôi nghiêng răng.

Rồi chẳng nói chẳng rằng, ông vùng vằng đứng dậy vớ ngay chiếc ghế đang ngồi ném mạnh vào tôi. Nhưng tôi kịp ù té chạy ra ngoài, đầu còn ngoái lại chào:

- Thừa bố, con đi!

2.

Tôi vừa ra được đường cái thì nghe vẳng lại tiếng vó ngựa lóc cóc lẫn tiếng đàn Banjo tình tang. Thông thả tiến lại phía tôi, một cỗ ngựa xe ngựa tàng, chẳng mui mái gì. Chú ngựa chẳng lấy gì làm mập mạp và có vẻ chẳng mấy sung sức. Ngồi bệch trên xe là một thanh niên dong dỏng, áo quần bẩn thỉu, râu tóc bờm xờm. Bộ mặt dầu dàu, gã như đang thất tình hay chán ngán điều gì. Gã vừa đàn vừa ngêu nghao hát:

Một mình từ nơi xa tít xa

Cây đàn xinh xắn vắt trên bờ vai

Về nơi đây lang thang phất phơ

Đi tìm cô bé trót yêu lâu rồi....

- Này anh bạn, làm ơn cho tôi quá giang với. Tôi nói lớn.

Gã dừng hát, ngơ ngác nhìn tôi một hồi rồi ra dấu mời tôi. Tôi tức thì nhảy tót lên xe, ngồi đối diện với gã. Lúc này nhìn kỹ hơn tôi thấy bên hông gã còn lù lù một khẩu súng cũ mèm. Cái cổ đầy ghét bắn đeo một trái tim xinh xắn bằng gỗ màu đen nhánh. Trên quả tim khắc khuôn mặt một thiếu nữ.

- Cậu về đâu thế? - Tôi hỏi

- Tôi về miền Tây - Gã lừ khừ đáp, miệng ngáp ngáp

- Vậy hai ta đồng chí hướng - Tôi hớn hở - Tên tôi là James, James Kelly. Cậu quê quán ở đâu.

- Tôi chỉ là một tên ma cà bông không cha không mẹ, không cửa không nhà - Gã nhún vai - Tôi sống nay đây mai đó với chú ngựa kia và chiếc giày làm bạn. Cứ gọi tôi là John.

Tôi để ý mỗi lần hắn nói, miệng gã lại tỏa ra một mùi hương không lấy gì làm dễ chịu. Có lẽ đã lâu gã chưa hề súc miệng. Thực ra, chỉ cái áo bẩn thỉu của gã cũng phát ra một mùi gần gần thế.

- John này, nếu muốn cậu có thể đọc mấy quyển truyện của tôi giải khuây.

Tôi mở túi hành lý, lấy ra quyển Don Quichotte của Cervantes thân mật đưa cho John

- Truyện này thế nào, cậu kể cho nghe được không. John cầm ngược cuốn sách, lật lật vài trang rồi ra vẻ ngượng nghịu. Thú thực tôi không biết đọc.

- Cậu mù chữ à? - Tôi trố mắt

- Vâng. Mồ côi cha mẹ từ nhỏ, tôi chưa bao giờ cắp sách đến trường. Có lần tôi ráng tự học nhưng đành chịu vì không sao nuốt nổi những nét chữ loằng ngoằng. Tôi thấy học bắn súng còn dễ hơn.

- Cậu bắn súng hẳn cừ lắm. Tôi đăm đăm nhìn khẩu súng của John.

- Tạm tạm - John cười cười.

- À này nghe cậu hát hay hết ý - Tôi vỗ vai John - Đề nghị cậu hát lại coi nào.
- Được thôi, John cầm chiếc đàn ôm vào lòng, gảy gảy mấy nốt nhạc êm tai rồi ngêu ngao cất tiếng:

Một mình từ nơi xa tít xa
Cây đàn xinh xắn vác trên bờ vai
Về nơi đây lang thang phát phơ
Đi tìm cô bé trót yêu lâu rồi.

Khi chẳng biết còn bao xa, tôi bùi ngùi vì sắp phải chia tay với người bạn mới quen song đáng mến.

- John này, chẳng mấy chốc anh em mình sẽ phải xa nhau. Tiếc là chú ngựa quèn của cậu không thể đưa chúng ta đi được mãi. Mong còn gặp lại cậu ở miền Tây hoang dã
- Đừng lo, John cười cười, cái cười tinh ma. Thực tình có được người bạn đường học thức như cậu tôi rất thích. Hai ta sẽ bên nhau suốt quãng đường thiên lý. Tôi đã có cách.

Cách gì thì tôi chưa biết. Xe chúng tôi lê thêm quãng nữa thì từ xa phóng đến một cỗ xe trông thật bảnh chọe hai ngựa kéo. Cỗ xe sắp tới gần thì, trước sự ngạc nhiên của tôi, John bỗng nhảy xuống chặn đường, rút súng bắn chỉ thiên hai phát.

Đoàn ...

Đoàn ...

Mấy chú ngựa sợ hãi hí vang rồi đứng im.

- Tất cả xuống xe! - John gầm gừ.

Lời ra lệnh của John tức thì có hiệu nghiệm. Gã đánh xe mặt xám xanh, luống cuống nhảy tót xuống, hai tay giơ lên. Rồi liền đó, trong xe bước xuống một người đàn ông trạc tuổi ngũ tuần, tướng người bệ vệ cùng hai ả tiểu thư đĩnh đạc trong những bộ xiêm y lộng lẫy. Tất cả đều có bộ mặt nơm nớp trước họng súng dữ dằn như bề ngoài du thủ du thực của John.

- Cảm phiền quý ông quý bà đổi hộ cho anh em chúng tôi chiếc xe. John dứ dứ súng vào đầu gã đàn ông bệ vệ. Đường còn xa mà cỗ xe của chúng tôi lại dở chứng.

- Lên xe ngay James - John quay sang tôi - Mang theo cả chiếc Banjo nữa đấy.
- Lẽ nào..... John - Tôi ngập ngừng.
- Chẳng sao đâu - John cười hì hì - Bọn nhà giàu mất cái này đã có khối tiền mua cái khác. Chỉ tội nghiệp cho bọn nghèo chúng mình.

Tôi không còn cách nào khác hơn là nghe theo lời John. Thực ra trong thâm tâm tôi luôn đồng ý những chuyện như thế này. Thế rồi, bỏ mặc chiếc xe cà rịch cà tàng và bọn người kia lại bên đường, chúng tôi phóng ngay lên cổ xe ác chiến vừa "sấm" được đông tuốt. Trên cổ xe mới còn có chiếc rương nhỏ trong đựng ít quần áo, một số nữ trang và vài ngàn đô la. Vì thế trên đường chúng tôi tha hồ ghé lại mua sắm những thứ cần thiết cho một chuyến đi xa. John còn mua thêm đạn dược và hai khẩu súng lục loại tốt nhất.

- Phải sẵn sàng vì có thể gặp những tên vô lại... - John chợt cười lên thoải mái - Cả bọn da đỏ nữa, vớ vẩn là chúng lột da đầu như chơi.

3.

Thay nhau điều khiển chiếc xe, tôi và John cùng nhau chia sẻ những vui buồn trên đường dài ngàn dặm. Với cái thẳng tôi lúc ấy, đó là cả cuộc hành trình đầy gian truân mà trước đó tôi không hề lường trước được. Quên sao được những con đường gồ ghề đầy sỏi đá làm chiếc xe cứ xóc lên xóc xuống, khiến mình mấy tôi muốn rã rời. Quên sao được cái lúc vượt qua sa mạc mênh mông nóng như thiêu đốt, bụi tung mù trời. Họng khô tới nỗi khó nuốt được nước bọt. Mà đâu chỉ một hai tiếng đồng hồ. Phải mất ngót nửa ngày trời dằng dặc mới thoát khỏi cái sa mạc quái quỷ ấy. Và còn nhiều cái khổ khác nữa. Nhưng may thay, điều tôi lo lắng nhất đã không xảy ra, vì nếu xảy ra thì giờ này tôi chẳng còn ngồi đây để mà kể chuyện đời cho các bạn (!) Đó là lúc đi vào miền núi đồi, tiến vào đất nước thù nghịch của người da đỏ thích lột da đầu làm kỷ niệm. Suốt đêm tôi chỉ mơ thấy mình là cái xác ghê rợn với chiếc đầu đỏ hồng đầy máu không một mảnh da. Chỉ John là bình chân như vại. Có lẽ anh đã quá quen thuộc với cảnh chết chóc cũng nên. Vâng, rất may chuyện đó đã không đến với chúng tôi. Phải chăng những truyền thuyết về tính man rợ của thổ dân da đỏ là thêu

dệt quá đáng?

Nơi đầu tiên mà cỗ xe mệt mỏi của chúng tôi dừng bánh là thị trấn Bò Vàng. Đó là thị trấn tương đối sầm uất trên một vùng đất rộng lớn, bằng phẳng. Phía xa là con sông tươi mát uốn mình qua những ngọn núi cao hùng vĩ, tạo nên một cảnh thật tuyệt. Bản thân cái tên Bò Vàng cũng đã tạo cho khách xa một ấn tượng thật thoải mái. Hai bên đường chúng tôi đi qua những nhà thờ lớn nhỏ, hầu hết đều cất bằng ván. Quán xá khá nhiều. Phố phường đông kẻ qua lại trong những bộ y phục nhiều màu sắc. Nhìn chung nơi đây cũng dễ chịu, trái với ý nghĩ ngô nghê của tôi trước kia rằng miền Viễn Tây chỉ gồm bọn giang hồ, dân anh chị tứ phương. Tuy nhiên tôi vẫn cảm thấy điều gì không ổn treo lơ lửng dưới bầu trời xanh biếc của thị trấn này.

- Thôi anh em chúng ta uống gì đỡ khát rồi tìm chỗ nghỉ ngơi đi.

John cho xe đỗ lại trước một quán rượu cũng có tên là Bò Vàng. Chắc xưa kia vùng này nhiều bò lắm - tôi nghĩ. Quán khá đông. Từ các bàn cho đến quầy hầu như kín chỗ, ồn ào lời ăn tiếng nói chen lẫn những tiếng cười ngặt nghèo về đủ mọi chuyện trên đời kể cả chuyện tìm vàng, điều tôi đang theo đuổi.

- Bọn tôi từ phương xa mới đến, không rõ dân tình ở nơi đây thế nào?

Ơ quầy, nốc cạn một hơi mấy cốc bia thật tuyệt, chúng tôi vui vẻ bắt chuyện cùng ông chủ quán, một người có thân hình béo phì nặng nề.

- Thị trấn này có vẻ tươi vui đấy ông nhỉ?

- Ô` vâng, có lẽ thế - Ông ta nhún vai cười đáp - Thực ra thì nơi đâu cũng có những vui buồn của nó.

- Nghĩa là sao ông chủ? - John lại hỏi.

Anh vừa dứt lời thì ông chủ quán chợt sa sầm lại. Vẻ khiếp sợ hiện rõ trên gương mặt của ông.

Tất cả mọi thực khách trong quán cũng thế. Im bật. Sững sờ. Khiếp sợ ...

John nhìn ra bên ngoài cửa. Có chuyện gì xảy ra vậy???

4.

Anh vừa dứt lời thì ông chủ quán chợt sa sầm lại. Vẻ khiếp sợ hiện rõ trên gương

mặt của ông. Tất cả mọi thực khách trong quán cũng thế. Im bật. Sững sờ. Khiếp sợ ... John nhìn ra bên ngoài cửa. Chúng tôi cũng quay nhìn ra. Có chuyện gì xảy ra vậy??? Lù lù bước vào một gã đàn ông cao lớn, tướng mạo dữ dằn với đôi mắt cú vọ lạnh như băng, bộ râu hàm lõm chồm, áo quần bạc phếch đầy cát bụi. Vết thẹo dài trên trán và hai khẩu súng đeo hai bên hông càng làm tăng thêm sự dữ dằn của hắn. Hắn xăm xăm bước thẳng đến quầy. Lúc này, tất cả khách khứa, trừ chúng tôi, thấy đều tự động bỏ ra ngoài, về sợ hãi ra mặt.

- Dạ thưa ngài dùng chi? - Ông chủ quán khúm núm thưa với người khách mới.

- À hai thằng ranh kia, sao còn dám đứng đây - Hắn chìa đôi mắt cú vọ vào chúng tôi

- Muốn trêu gan tao hả?

Nói chưa dứt câu, hắn lấy cánh tay vạm vỡ phang mạnh vào người khiến tôi té nhào ra sau, đầu va mạnh vào thành bàn đau tê tái.

- Quân khốn kia, sao mày dám dở trò ngang ngược - John bất bình, mặt anh đỏ gay.

- Cả mày nữa - Hắn cười gằn với John - Mày cũng lo rút khỏi nơi đây ngay. Tao đến đâu thì tất cả ở đó phải rút hết.

- Chính mày mới phải rút khỏi đây - John nhổ toẹt nước bọt vào mặt hắn.

- Ái chà thằng khốn nạn, mày dám hả? - Lấy vai áo chùi chùi mặt, hắn gầm gừ - Tao truyền cho mày phải luồn dưới háng tao ngay, bằng không thì mày sẽ phải đấu súng với tao.

- Đấu thì đấu, ta sợ gì - John vỗ mạnh vào khẩu súng bên hông anh, vẻ đầy tự tin.

- Thôi đừng, John ơi - Tôi vội vàng kéo vai John - Can cậu. Cậu nên nghĩ lại thì hơn. Cậu có mệnh hệ gì thì...

- Mặc tôi James - John vẫn tỉnh bơ - Tôi chơi súng không tồi đâu.

- Cậu cho tôi xin - Cả ông chủ quán cũng chen vào - Cậu còn trẻ người non dạ, lại từ xa mới đến nên chưa biết uy danh ngài Ben đây.

Nhưng mặc ai can ngăn, John vẫn bước theo tên Ben ra ngoài. Tôi có cảm giác đau khổ là trong chốc lát nữa thôi mình sẽ mất đi vĩnh viễn người bạn quý đã chia sẻ cùng tôi trên bao dặm trường.

- Tao sẽ quăng đồng xu lên - Tên Ben khinh khỉnh bảo John - Đồng xu vừa chạm đất thì rút súng.

- Thằng nhãi này điên rồi - Mọi người tụ tập bên ngoài nhìn John xì xầm - Đấu súng với Ben Thợ là rước lấy cái chết. Chắc nó mới từ trên trời rơi xuống nên không biết tài bắn nhanh như chớp của Ben Thợ.

Trước sự lo lắng tột cùng của tôi, John quả quyết bước ra đường, đối mặt cách Ben Thợ chừng chục bước. Hắn ta lạnh lùng cho tay vào túi áo móc ra một đồng xu. Giây phút này người tôi ứa đẫm mồ hôi, tim tôi cơ hồ muốn vỡ tung. Một màu không khí bao trùm lên mọi vật. Nhếch mép cười, Ben Thợ quăng đồng xu lên. Đồng xu vừa rơi xuống chạm đất thì hầu như cùng lúc ấy một tiếng súng chát chúa vang lên.

Đoàng.....

Cả không gian im lặng. Tim tôi tưởng đã vỡ trăm ngàn mảnh. Cả John và Ben Thợ đều ở trong tư thế chĩa súng vào nhau.

Từ họng súng của John bay ra một làn khói, nhưng súng của đối thủ thì không ... Thế rồi một tích tắc sau, thân hình to lớn của Ben Thợ đổ vật xuống. Chuyện ai không ngờ. Từ giữa ngực tên hung bạo, máu phun ra có vòi. Hắn giãy giụa vài cái rồi im hẳn, đầu ngẹo sang một bên. Mắt hắn còn mở trừng trừng như kinh ngạc về điều vừa xảy đến.

Hắn đã chết !

- Trời John ... - Tôi xúc động chạy tới ôm chầm lấy John - Tôi không ngờ ...

- Thì tôi đã bảo cậu là tôi chơi súng không tồi đâu mà - John cười, hồn nhiên như chưa có chuyện gì xảy ra.

- Tôi cứ tưởng cậu sẽ mất mãi mãi. Theo cậu gần tháng nay vậy mà giờ tôi mới biết tài năng trác tuyệt của cậu.

- Tài như cậu ít ai bì kịp - Mọi người cũng hồ hởi xúm quanh John.

- Cậu có biết là cậu vừa hạ được Ben Thợ, tay súng cự phách của miền Tây không? Hắn đã cướp đi mạng sống bao người. Tài hắn chỉ kém Bill Scott. Tên này và đồng bọn vẫn là mối đe dọa của chúng tôi.

- Thế không có ai coi việc an ninh ở đây sao? - John hỏi

- Có, có chứ - Một người trông có vẻ vai vế vùng này đáp - Nhưng có cũng như không vì ai cũng khiếp sợ chúng. Chính người cầm đầu an ninh trước đây đã bị Ben Theo cho sang thế giới bên kia với hàng chục phát đạn vào người.

- Đề nghị cậu giúp chúng tôi thành lập một nhóm dân quân biết sử dụng súng thành thạo - Ông ta khẩn khoản - Chúng tôi xin hứa sẽ chịu mọi phí tổn và tiếp đãi cậu như thượng khách.

Thực ra tôi và John chỉ muốn nghỉ ở đây rồi sau sẽ đi xa hơn để tìm vàng. Song, trước tình cảnh của thị trấn này cùng sự khẩn nài hết lời của dân chúng, John đã không thể từ chối.

Thế là từ đây chúng tôi trở thành công dân của thị trấn Bò Vàng, nơi con người lãng tử của John sẽ gắn bó suốt quãng đời còn lại của anh.

5.

Việc hạ được Ben Theo khiến John từ một người khách vô danh trở nên tiếng tăm khắp vùng. Mọi người khâm phục nhắc đến tên anh. Đến đâu anh cũng được chào đón nồng hậu. Phải nhận rằng nếu John cứ để đầu tóc bờm xờm, mình mẩy hôi hám thì khó mà hấp dẫn được ai. Song từ khi về đây, cách sống của anh đã thay đổi nhiều. Nhờ siêng năng tắm rửa luôn, tóc tai chải chuốt, ăn vận đàng hoàng, trông anh bảnh trai ra phết. Thành thử chẳng bao lâu, thêm với tài đàn hay bắn giỏi đã khiến cho cõi lòng của lắm tiểu thư phải rung động. Nhiều cô tới thăm hỏi anh luôn.

Vậy mà lạ chưa, trước ánh mắt mời mọc đầy tình tứ của các kiều nữ, John vẫn hoàn toàn dửng dưng. Chẳng lẽ anh chàng này lại kén cọ đến thế ư? Song là bạn thân, được ở bên John luôn nên tôi cũng hiểu ra. Nhiều lần tôi thấy anh ngồi một mình, tay nâng niu quả tim gỗ luôn đeo ở ngực không bao giờ rời, mắt đắm đắm nhìn người thiếu nữ khắc trên đó, vẻ mặt u buồn, đôi khi khéo mắt rưng rưng. Thì ra trong anh có một tâm sự buồn.

" Ngày trước tôi có yêu Susan, một thiếu nữ xinh đẹp thùy mị - một ngày kia John thổ lộ với tôi - nhiều chàng trai sang trọng ngỏ lời muốn lấy nàng làm vợ nhưng

Susan vẫn một lòng tha thiết yêu tôi, một tên đói rách không cha không mẹ, một chữ bẻ làm đôi không biết. Mỗi tình chúng tôi đang say đắm thì Susan đột ngột qua đời ...

Nàng yên nghỉ trong một nghĩa trang nhỏ gần dòng sông Missouri êm ả. Từ đó trở đi tôi sống một cuộc đời lang thang và thề không bao giờ còn yêu ai nữa ..."

Sau nhiều tháng trời được sự huấn luyện tận tình của John, thị trấn Bò Vàng có được một đội dân quân khá tinh nhuệ gần ba mươi người. Thấy đều là những thanh niên tình nguyện, trong đó có tôi. Sự có mặt của dân quân làm cướp cạn vùng này giảm đi rõ rệt.

Riêng với John, thấy bóng anh là tên vô lại nào sắp giở trò cũng phải nhanh chân chuồn mất. Cái chết của Ben Thợ ngày nào vẫn còn là nỗi ám ảnh của bọn chúng. Nhưng có điều John chưa hài lòng là vẫn chạm trán với Bill Scott.

Qua lời kể, được biết băng đảng của chúng gồm sáu tên, đặc điểm: một tên chột mắt, một tên da đỏ, một tên cao lêu nghêu gần hai thước. Mấy tên kia không có gì lạ. Đặc biệt Bill Scott có gương mặt thật đẹp trai, trí thức đến nỗi không ai biết trước không thể ngờ đây là một tên cướp giết người không gớm tay. Bọn chúng đều là những tay súng thiện nghệ mà trộm hơn cả chính là Bill Scott. Có người bảo hẳn thừa sức bắn trúng con ruồi bay cách xa trăm thước. Hẳn về khiếp sợ hẳn nên thêu dệt thể thôi, nhưng có thể ghi nhận tài cầm súng của Bill Scott chắc phải ngang ngửa với John chứ chẳng chơi (!).

Chúng cướp bóc hết vùng này sang vùng khác, mỗi nơi lâu lâu ghé một lần. Bọn chúng đã thăm viếng nhà nào thì nhà nấy phải mau mau lo nộp đủ yêu cầu của chúng, trái lời thì chỉ có nước hồn lìa khỏi xác. Nói chung, đây là một băng cướp lợi hại, không phải loạt cướp vặt tầm thường.

Cuối cùng John cũng được toại nguyện. Một sáng kia, đúng một năm sau cái chết của Ben Thợ, có mấy người dân quân và cả ông chủ quán Bò Vàng hối hả chạy đến tìm John hiện bằng cướp của Bill Scott đang hiện diện đầy đủ tại quán này và đang cưỡng hiếp Nancy, con gái ông. Oái ăm thay, chính lúc ấy John vừa lên cơn sốt xong. Nước da xanh xao, trông anh sút đi thấy rõ. Vậy mà John vẫn tỏ ra vô cùng hăm hở

khi nghe tin ấy. Đang trên giường bệnh, anh ngồi bật dậy ngay. Dù số quân đông hơn hẳn song chúng tôi không dám khinh địch vì đối phương nổi tiếng là những tay súng có hạng. Bởi thế, để tránh thiệt mạng tối đa cho anh em, kế hoạch John đề ra là phải đánh bất ngờ, đánh úp chúng.

Cái khó cho chúng tôi là trong tay bọn cướp còn có Nancy. Chúng có thể dùng nàng làm vật chắn khiến chúng tôi không dám bắn. Tóm lại, một trận đánh ác liệt sắp diễn ra. Trong trận đánh này nhiều người trong chúng tôi phải hy sinh. Đối với nhân dân thị trấn Bò Vàng này, ngày đó đã đi vào lịch sử và sống mãi trong ký ức. Tôi xin kể lại toàn bộ diễn biến trận đánh ấy ...

" Sau khi nhanh chóng bố trí nhiều tay súng mai phục trên các ngã đường, quyết không cho tên cướp nào chạy thoát, John cùng tôi và tám người khác kéo ngay đến ngôi nhà lớn bên kia đường đối diện với quán Bò Vàng, chờ bọn cướp lộ ra là giáng đòn phủ đầu. Chúng tôi chưa kịp ổn định vị trí thì từ trong quán, cả sáu tên của băng cướp lục đục kéo ra. Đây là lần đầu tiên tôi và John thấy tận mắt những tên cướp khét tiếng kia. Thành phần của chúng đúng như lời kể. Tên da đỏ có bộ mặt thật đáng sợ. Chiếc mũi khoằm to xù của hắn dễ làm liên tưởng đến những con kên kên chuyên rửa xác chết. Bản thân hắn cũng lột da đầu nhiều người cũng nên. Tên chốt lại càng chẳng đẹp đẽ gì. Chiếc băng đen bịt kín chiếc mắt hư cùng chiếc môi sứt và những vết sẹo chằng chịt trên mặt hắn làm hắn thật ghê tởm. Kẻ nào yếu bóng vía chẳng tài nào dám nhìn, sợ đêm về mơ. Đó là hai tên có bề ngoài thật khó ưa nhất. Những tên kia tương đối đỡ hơn. Song nói chung đều giống nhau ở điểm là toát ra vẻ sát khí lạnh lùng, ngoại trừ Bill Scott. Trời, người như thế lại là tướng cướp ư? Với vóc người đầy đặn, cân đối mà lại thêm gương mặt vô cùng trí thức, đẹp trai, phải nói hắn thừa sức chinh phục trái tim nhiều phụ nữ. Hắn lại xuất thân từ gia đình danh giá hẳn hoi. Vậy mà....

Chúng tôi ai nấy đều chuẩn bị vào trận. Nhưng quái ác thay, điều chúng tôi lo ngại đã đến. Kế cạnh Bill Scott chính là cô Nancy xinh đẹp trong bộ quần áo rách tả tơi. Bị tên cướp ôm chặt, nàng khóc sụt sùi. Thì ra cường hiếp nàng xong, chúng vẫn chưa

muốn buông tha. Ôi giá không vương Nancy thì chúng tôi đã khắc vào bọn côn đồ những loạt đạn căm thù ngay tức khắc. Tình thế thật khó xử ...

- Các bạn cứ để tôi. Nhìn bọn cướp chuẩn bị lên ngựa đi - John ra hiệu cho chúng tôi đừng bắn gì.

Thế rồi chĩa ngay súng về phía quân thổ phỉ, John lấy cò.

Đoàng...

Đoàng ...

Hai tiếng súng vang lên ...

Vừa đặt lên mình ngựa, tên cao kều và gã độc nhãn rơi ngay xuống ngựa. Hai phát đạn cực kỳ chính xác của John đã loại khỏi vòng chiến đấu hai tên vô lại. Riêng tên chột bị đạn xuyên qua con mắt lành thành thủng phải về châu trời với đôi mắt mù hoàn toàn!

Bị bắn bất ngờ, mấy tên kia lập tức rút súng bắn xối xả về hướng xuất phát những viên đạn sát hại đồng bọn chúng, khiến chúng tôi vội vàng nấu mình. Người qua đường nhốn nháo. Một cụ già bị đạn lạc chết ngay. Thừa lúc ấy, bọn cướp phóng ngựa bỏ chạy. Hai tên chạy một đầu, tên da đỏ chạy đầu khác. Riêng Bill Scott siết chặt Nancy lôi vào quán.

Phải công nhận bọn cướp chiến đấu rất ngoan cường. Trên đường đào tẩu chúng đã bị anh em dân quân phục sẵn hai bên đường truy kích liên tiếp. Với hai tên chạy một hướng, những phát đạn đầu của anh em đều trật trong khi đó chúng vẫn bình tĩnh bắn trả, giết chết bốn dân quân. Song ngày tàn của chúng cũng đã đến. Khi chúng cố gắng chạy thoát ra vùng đồi núi thì bắt đầu xoi đạn. Một tên bị lung sọ bởi viên đạn của Mark Doighs, tay súng khá nhất trong đám dân quân. Tên kia dù không xoi đạn vào đầu nhưng cũng lãnh gần chục phát vào mình. Hẳn lì lợm ôm ngựa chạy miết rồi mới chịu gục chết bên bờ sông.

Tên da đỏ thì sao ?

Thực tôi chưa thấy ai ghê ghớm như hắn. Thân hình đầm máu vì hàng loạt đạn hắn vẫn cố bắn trả, hạ sát ba dân quân. Sau đó hắn còn nhận thêm nhiều phát đạn nữa,

đưa tổng số đạn đi vào người hắn hơn hai mươi viên!

Thân thể tên da đỏ chỉ còn là một đồng thịt rách nát. Thế mà hắn còn gắng chạy thêm quãng nữa rồi mới chịu buông mình xuống ngựa. Các dân quân tưởng hắn đã chết, tiến lại gần thì hắn dốc hết tàn lực bóp cò, giết thêm một mạng người nữa xong mới chịu chết hắn. Như vậy, để hạ được ba tên bỏ chạy, chúng tôi đã thiệt hại mất tám người. Nhưng đó chưa phải là tất cả. Để tiêu diệt trọn ổ bọn chúng, chúng tôi đã phải trả một giá đắt hơn nhiều ..."

Tôi xin quay sang Bill Scott.

" Sau khi kéo Nancy vào lại trong quán, hắn, một mặt lấy nàng làm vật che chắn, mặt khác xả đạn như mưa về phía chúng tôi. Còn chúng tôi lại không làm gì khác hơn là ngồi im chịu trận. Cựa cựa một chút là nát sọ như chơi. Rất may là những viên đạn của tên cướp không chạm vào ai.

- Sớm muộn Bill Scott cũng phải thua - John nói, song có thể kết cục không đơn giản. Theo tôi, có khả năng xảy ra một trong hai điều: hoặc là Bill Scott buông súng quy hàng, hoặc là hắn sẽ buộc đối phương để hắn cùng Nancy ra đi mà không ai dám bắn theo. Điều thứ nhất khó xảy ra đối với một tên cướp sùng sỏ như hắn. Nhưng đúng như John dự tính, sự việc lại diễn ra theo hướng khác.

- Tao không ngờ vùng này dám trở mặt phản tao - Bill Scott nói lớn, giọng đầy căm giận - Tao sẵn sàng thả con bé ra với điều kiện đưa nào đã xách động bọn bay phải đấu súng với tao. Dưới vòm trời này chỉ nên có một con đại bàng.

- Được rồi - John lẩm bẩm - Năm ngoái cũng ngày này, cũng tại chốn này, Ben Theo đã bỏ mạng thì nay đến lượt mày.

- Đừng John! - Sợ John nhận lời đấu súng, tôi vội vàng can ngăn - Đừng quên cậu vừa sốt xong. Bình thường cậu có thể chơi với hắn, song lần này chỉ cần tay cậu kém nhạy đi một chút thôi.

- Đừng lo, James - John vẫn bình tĩnh như ngày nào - Đây cũng là điều hay vì nếu thoát được, hắn sẽ gây lại băng đảng khác và chúng ta chỉ thêm mệt.

- Hay là ... - Biết không thể nào ngăn được John, tôi đề nghị - Hay là khi hai người sắp

vào cuộc, chúng tôi sẽ đồng loạt xả đạn vào người hắn.

- Không được đâu - John lắc đầu - Rõ ràng Nancy trong tay hắn, hắn có thể thoát đi dễ dàng. Nhưng hắn không làm thế, nên ta cũng phải tỏ ra là kẻ biết chơi.

Và anh lên tiếng nhận lời đấu súng với Bill Scott. Như lần trước với Ben Thợ, một lần nữa cả không gian lại đắm chìm trong im lặng. Có thể nghe thấy tiếng ruồi bay. Tất cả nín thở nhìn John và Bill Scott rời vị trí lừng lững bước ra đường. Cả hai đều mang vẻ nghiêm trọng, mắt ghòem ghòem nhau. Dù hoàn toàn tin tưởng vào John tôi vẫn thấy lo. Song như bao người khác, tôi chỉ biết bất lực câm lặng, chờ đợi.

Hai tay súng từ từ bước vào vị trí đối mặt, cách nhau hai mươi bước. Sự căng thẳng đã lên đến tột độ. Trống ngực tôi đập thành thịch.

Thời gian như dừng lại ...

Đất trời như muốn vỡ tung ...

Và rồi nhanh như chớp, hai đối thủ cùng rút súng ra. Đoàn ... Một âm thanh xé tai vang lên, tưởng chừng như tiếng nổ của đất trời.

- Bill Scott đã chết! - Mọi người hét to.

Thực vậy, một giây sau vang lên cái âm thanh xé tai ấy, thân hình Bill Scott đổ nhào xuống. Mặt hắn đầy máu. Hắn đã trúng đạn vào đầu. Còn John vẫn đứng nguyên, tay buông thõng khẩu súng đang nhả khói. Đối thủ của anh hoàn toàn nằm bất động. Thế là tàn đời một kẻ tàn bạo. Thế là xóa sổ một băng cướp sừng sỏ. Mối đe dọa lớn nhất của thị trấn Bò Vàng từ nay không còn nữa. Nụ cười rạng rỡ sung sướng nở rộ trên mặt bao người.

Nhưng niềm vui ấy không trọn vẹn, không bao giờ trọn vẹn. Phải, mọi người vừa đổ bu quanh xác Bill Scott thì John ôm ngực lão đảo ngã gục.

Trời ơi, anh cũng trúng thương. Thì ra một viên đạn của Bill Scott cũng bay ra cùng lúc với John và trúng đích. Tôi bàng hoàng chạy đến bên John. Từ ngực anh máu tuôn ra như suối. Quả tim John luôn đeo nơi ngực bị thủng một lỗ tròn, viên đạn ác nghiệt của tên cướp đã đi xuyên qua nó và đi vào ngực John. Qua gương mặt nhợt nhạt và hơi thở yếu ớt của John, tôi biết anh chẳng sống bao lâu nữa.

- Ôi John của tôi - Tôi nước nở.

- Bạn James yêu quý ... - John thều thào trăn trối - Tôi sắp ra đi... từ lâu tôi muốn gặp lại Susan. Sau khi tôi chết, bạn hãy đem trái tim tôi luôn đeo bên ngực đến đặt lên mộ nàng..., có lẽ tôi đã sống không tồ..., thuở còn sống, Susan luôn mong tôi được rạng rỡ với đời.

6.

Đến nay, John đã an nghỉ ở vùng đất này được 10 năm. Gót chân phiêu lãng của anh mãi mãi đứng lại nơi đây. Những vòng hoa tưởng nhớ thường xuyên được mọi người đặt lên mộ anh.

Mười năm rồi ... Vậy mà tôi cứ ngỡ như ngày hôm qua ...

Trên quãng đời còn lại của tôi có thể sẽ thêm nhiều bạn nữa, có thể sẽ thêm nhiều kỷ niệm. Nhưng tôi tin chắc rằng người bạn tuyệt vời nhất đời tôi là John, những kỷ niệm tuyệt vời nhất đời tôi mãi mãi vẫn là những ngày tháng ngắn ngủi được sống bên cạnh chiếc xe ọp ẹp năm xưa, áo quần bẩn thỉu, tóc tai bù xù, anh cầm ngược cuốn Don Quichotte mà lật lật ...

Giờ đây, khi John đã vĩnh viễn sang thế giới bên kia gặp lại người con gái của lòng mình, tôi tưởng chừng vẫn còn nghe đâu đây giọng ấm áp của anh ngày nào cùng tiếng đàn Banjo réo rắt:

Một mình nơi xa tít xa

Cây đàn xinh xắn vắt trên bờ vai

Về nơi đây lang thang phát phơ

Đi tìm cô bé trót yêu lâu rồi....

Theo " THE ADVENTUROUS COWBOY"

TAY TRỘM HOÀN LƯƠNG

Viên cai ngục đến xưởng giày trong nhà giam, nơi Jimmy Valentine đang cần mẫn khâu mũi giày, để đưa anh ta lên phòng giám đốc. ở đây, viên giám đốc nhà giam giao cho Jimmy tờ lệnh được tha vừa được ngài Thống đốc Tiểu bang phê chuẩn sáng nay. Jimmy thờ ơ cầm lấy tờ giấy, không nói gì. Anh bị kêu án bốn năm và đã ở đây được mười tháng. Đối với một người quen biết rộng như Jimmy thì cái án ấy chả bõ bèn gì, "xoay" một cái là ra ngay !

Ông Giám đốc nhà giam nói :

- Thế nào, anh Valentine ? Sáng mai anh được ra rồi đấy. Hãy tự răn mình và tỏ ra là một người đàn ông chân chính. Tôi biết tự thâm tâm anh không phải là người xấu. Hãy thôi đừng trộm két sắt nữa và cố sống cho nghiêm chỉnh xem nào.

- Thưa ngài, tôi ư ? Tôi trộm két sắt ư ? - Jimmy trố mắt, ngạc nhiên hỏi.

Ông Giám đốc cười :

- Thôi đi ! Hừ, không với chả có. Thế cái vụ ở Springfield ai làm ? Tại sao anh phải vào đây ? Anh thì chạy tội là giỏi nhất !

Jimmy vẫn tỉnh bơ chối :

- Ái chà ! Không đâu, thưa ngài. Tôi chưa bao giờ đặt chân tới Springfield cả.

Ông Giám đốc nhà giam dễ dãi cười, quay sang bảo người cai ngục :

- Cronin, anh đưa cậu ta về phòng. Báo chuẩn bị đồ đạc phóng thích cho cậu ta và bảy giờ sáng mai đưa cậu ta đến đây. Valentine ! Hãy nhớ lời tôi nhé !

Bảy giờ mười lăm phút sáng hôm sau. Valentine đứng trước cửa nhà giam. Anh mặc một bộ complet cắt thật vụng về, chân mang đôi giày cứng nhắc thường phát cho những người tù được phóng thích.

Hồi nãy, viên thư ký nhà giam đưa cho anh một vé tàu và năm đô-la với hi vọng của nhà nước rằng với số tiền ân huệ ấy, anh sẽ có thể làm lại cuộc đời trở nên một công

dân lương thiện. Ông Giám đốc nhà giam mời anh điếu xì gà rồi bắt tay thật chặt. Valentine, người tù số 9762, được vào sổ như sau : " Lệnh tha của Thống đốc" . Thế là Jimmy Valentine đường hoàng trở về với những con đường đầy ánh nắng. Chẳng màng đến tiếng chim hót líu lo, đến cành lá xanh tươi đang vẫy gọi bên đường, đến hương hoa thơm ngát từ khu vườn gần đấy, Valentine đi một mạch đến quán ăn. Tại đây, anh tận hưởng hương vị tuyệt vời của tự do bằng cách chén sạch nguyên con gà quay vàng rộm, uống cạn chai vang trắng, rồi khoan khoái phì phà điếu xì gà đắt tiền, đắt hơn nhiều so với điếu của viên Giám đốc nhà giam vừa tặng. No nê, thỏa mãn, anh nhàn tản đi đến nhà ga, điệu nghệ búng đồng xu con vào chiếc nón của người hành khách mù đứng trước sân ga, rồi nhanh nhẹn lên tàu. Ba tiếng đồng hồ sau đó, anh xuống tàu ở một ga nhỏ hẻo lánh, nằm gần ranh giới tiểu bang. Dừng chân ở quán cà phê mang tên Mike Dolan, Jimmy bước vào thân mật tay bắt mặt mừng ông chủ quán đang đứng sau quầy.

Ông chủ quán nói :

- Xin lỗi cậu, Jimmy, tớ không thể xoay sở sớm hơn được. Có ý kiến phản đối việc tha cậu ở Springfield nên tay Thống đốc Tiểu bang rét quá suýt nữa hắt thôi không giải quyết đấy. Thế nào, khỏe chứ ?

Jimmy cười :

- Khỏe. Có chìa khóa cho tôi không đấy ?

Cầm lấy chìa khóa, Jimmy lên lầu, ra mái căn phòng nhỏ phía sau. Đồ vật trong phòng vẫn y nguyên. Trên sàn nhà vẫn còn hột nút áo của ông Chánh thanh tra Ben Price, lúc ông ấy cùng đám cảnh sát dưới quyền ập vào túm lấy anh.

Hạ chiếc giường xếp xuống, Jimmy mở ngăn bí mật trong vách, lấy ra chiếc vali bäm bụi. Anh thận trọng đặt lên bàn, mở nắp, rồi đứng im, khoan khoái ngắm bộ đồ nghề mở két sắt độc nhất vô nhị của anh, bộ đồ nghề mở két hữu hiệu nhất miền Đông nước Mỹ. Nó đầy đủ các cơ phận, làm bằng loại thép cứng nhất, thiết kế theo mẫu mới nhất. Nào khoan, nào đục, nào kẹp, nào kềm, có một số bộ phận do đích thân Jimmy vẽ kiểu. Anh rất tự hào về bộ đồ nghề này. Anh đã phải trả hết 900 đô để đặt

làm theo ý riêng của mình ở một chỗ chuyên làm dụng cụ cho giới giang hồ.

Nửa giờ sau, Jimmy xuống lầu, ra cửa. Giờ đây, anh mặc bộ complet vừa vặn, kiểu mới, tay xách chiếc vali.

Người chủ quán nháy mắt, hỏi :

- Đi làm sớm thế ?

- Làm gì ? - Jimmy ra bộ ngỡ ngàng, - Ờ hay, cái cậu này. Tôi chỉ là một nhân viên công ty bánh ngọt và chế biến lương thực New York đấy, nhớ chưa ?

Người chủ quán gật lia lịa, rồi rít mời Jimmy uống rượu, nhưng anh từ chối, Jimmy không bao giờ uống rượu.

Một tuần sau ngày Valentine, người tù số 9762, được phóng thích, một vụ trộm lớn được tiến hành rất khéo ở Richmond, bang Indiana. Không một dấu vết để lại. Hai tuần sau, lại thêm một vụ khác. Lần này chiếc két bị trộm là loại hiện đại nhất, có gần cả thiết bị báo động chống trộm, thế mà cánh cửa dày cộm của nó vẫn bị mở toang như người ta mở cửa sổ đón gió hè. Vụ trộm này xảy ra ở Logansport, số của cải bị mất trộm trị giá khoảng 1500 đô, trong tủ còn có nhiều hối phiếu và tiền xu lẻ nhưng không hề bị tên trộm mó tay vào. Cảnh sát bắt đầu quan tâm, nhưng mãi đến vụ trộm ở ngân hàng Jefferson City, số thất thoát lên cao, thì ông Chánh thanh tra Ben Price mới chịu xuất quân. So sánh dấu vết tại hiện trường, ông phát hiện ngay một nét tương tự về phong cách thực hiện của các vụ án. Ông tuyên bố :

- Chính thằng Jimmy Valentine chứ không ai khác ! Hẳn lại giở trò rồi đấy. Xem cái núm khóa kia kìa - nó bị kéo tung ra cứ như người ta nhổ củ cải vào tháng mưa ấy. Kiểu ấy thì chỉ có cái kích hiện đại của thằng Valentine mới làm nổi thôi. Lại xem mấy thanh ngang kia kìa, chỉ khoan có một lỗ là bung ngay thế kia thì ngoài thằng Valentine ra chẳng có ai làm nổi !

Ông Ben Price đã thuộc lòng tính nết Jimmy. Ông nắm cả những thói quen nhỏ nhất của tên trộm tài hoa này qua những lần điều tra vụ cướp ở Springfield vừa qua.

Jimmy thường đánh theo lối nhảy cóc. Đánh nhanh, rút lệ, lẩn đi thật xa, rồi lại ra tay tiếp, lần sau táo bạo hơn lần trước. Hẳn không cần phụ tá. Giới chủ ngân hàng phần

nào nhẹ nhõm khi nghe tin ông Ben Price lại lên đường lần theo dấu vết tên trộm quý quái ấy.

Một chiều nọ, Jimmy Valentine tay xách vali, xuống xe tại một thị trấn nhỏ, tên là Elmore. Đây là một thị trấn hẻo lánh, cách đường xe lửa xuyên Mỹ trên năm dặm, thuộc bang Arkansas. Trông anh ta như một sinh viên năm cuối bậc đại học, thích thể thao, đang trên đường về quê thăm nhà. Bước chậm rãi trên lề đường lát ván, anh dừng chân ở khách sạn.

Bỗng một thiếu nữ băng qua đường, đi ngang trước mặt anh, rồi rẽ vào căn nhà có treo tấm biển " Ngân hàng Elmore " . Tình cờ cô liếc mắt nhìn anh. Thế là tâm hồn anh như choáng ngợp bởi ánh mắt diệu kỳ ấy, đầu óc bay bổng tận đâu đâu. Anh như đã biến thành một người nào khác. Cô thiếu nữ thẹn thùng cúi gầm mặt, hai má ửng hồng. Chẳng lẽ ở Elmore này, ăn vận như thế, ... đẹp trai như thế, hiếm lắm !

Jimmy vội túm ngay lấy một cậu bé con đang ngồi chơi trên bậc thềm gần đấy, giả vờ đang có ý muốn mua cổ phiếu của ngân hàng ở đây, nên phải hỏi để nắm tình hình. Cứ mỗi câu hỏi, anh ta lại giúi vào tay cậu bé đồng mười xu. Một lúc sau, cô gái đi ra, lần này không thèm để mắt đến chàng trai tay xách vali vẫn còn đứng đấy.

Jimmy nháy mắt, hỏi cậu bé :

- Hình như là cô Polly Simpson đấy phải không?

- Không đâu, chính là cô Annabel Adams đấy chứ. Bố cô ấy là chủ ngân hàng này.

Jimmy đến khách sạn gần đấy, đăng ký mượn phòng với tên Ralph Spencer. Anh nhấn nha ở quầy tiếp tân, gọi chuyện với anh nhân viên khách sạn, nói cho anh ta hay rằng mình muốn ở lại thị trấn Elmore này để làm ăn bằng việc kinh doanh giày, liệu có sống nổi không ?

Người nhân viên tiếp tân nhìn vẻ bên ngoài bảnh bao của Jimmy ra đáng kính nể. Anh ta nhiệt tình cho biết :

- Vâng, mở hàng giày ở đây sống lắm ! Hiện ở đây chưa có nơi nào kinh doanh giày cả. Trước nay mặt hàng này chỉ được bày bán ở cửa hàng tạp hóa và vật tư ở đằng kia. Việc kinh doanh buôn bán tại đây đang có chiều hướng phát triển khá. Hi vọng

rằng sau khi cân nhắc thiệt hơn, ông sẽ quyết định lập nghiệp ở đây. Dân cư nơi đây hiền và hiếu khách lắm !

Jimmy cười :

- Vâng. Cảm ơn nhiều. Tôi sẽ ở lại vài ngày xem sao. Ồ, không cần gọi bồi làm gì, tự tôi xách lấy được rồi.

Thế là Ralph Spencer, con phượng hoàng thoát xác cất cánh lên cao từ đồng tro tàn của người tù Valentine - đồng tro tàn phát xuất từ ngọn lửa tình nồng cháy qua lần đầu gặp gỡ. Jimmy quyết định lập nghiệp ở thị trấn nhỏ tên Elmore này. Hiệu giày của anh hoạt động tốt, có lãi.

Về mặt quan hệ xã hội, Jimmy cũng thành công không kém, anh quen biết nhiều, và hơn cả, sở nguyện của anh cũng đã thành. Annabel Adams nay là bạn anh và tình cảm của anh dành cho nàng ngày càng say đắm.

Đến cuối năm ấy, có thể tóm tắt hoàn cảnh sống của chủ hiệu giày Ralph Spencer như sau : anh được hầu hết cư dân trong thị trấn tin yêu, cửa hàng giày của anh ngày càng thịnh vượng. Trên tất cả, anh vừa đính hôn với cô Annabel Adams và đám cưới sẽ cử hành trong hai tuần nữa. Ông Adams, chủ ngân hàng Elmore, bố vợ tương lai của anh, rất hài lòng với chàng rể quý. Phần Annabel, cô yêu anh bao nhiêu thì quý trọng anh chừng ấy. Lúc này, Ralph Spencer gần như là thành viên chính thức của gia đình Adams. Ngày nào anh cũng đến chơi nhà bố vợ và nhà cô chị của Annabel.

Một hôm, Jimmy ngồi viết thư cho một người bạn ở St. Louis :

Billy thân mến,

Tớ muốn tối thứ tư tới đây, lúc chín giờ, cậu đến quán Sullivan ở Little Rock gặp tớ. Nhờ cậu giúp cho một việc. Ngoài ra, tớ muốn tặng cậu bộ đồ nghề của tớ. Tớ biết cậu khoái muốn chết khi có được một bộ như thế, làm bộ khác phải mất hơn nghìn đô-la là cái chắc. Billy ạ, tớ đã bỏ nghề rồi - được hơn năm nay. Hiện tớ đang có một cửa hàng, một cuộc sống lương thiện và hai tuần nữa tớ sẽ làm đám cưới với một cô gái tuyệt diệu nhất trên đời này. Cậu biết không ? Tớ đã nhận thức rằng chỉ lương thiện mới sống đời được, và tớ đã nhất quyết từ nay sẽ không tơ hào của ai một đồng

xu nhỏ. Cưới vợ xong, tớ sẽ bán tất rồi dọn về miền Tây sinh sống, chỉ ở đây mới hi vọng tớ sẽ không bị quấy rầy vì những tai tiếng cũ của mình. Tớ nói thật đấy ! Vợ tớ đúng là một nàng tiên. Nàng tin ở tớ hết lòng và chính vì thế tớ sẽ cố hết sức không làm một điều gì để phụ lòng tin ấy. Nhớ đến quán Sully" s nhé. Tớ cần cậu lắm, và tớ sẽ đem bộ đồ nghề đến cho cậu.

Bạn cậu,

Jimmy

Vào tối thứ hai ấy. lúc Jimmy đang ngồi viết những dòng cuối cùng gửi cho bạn, thì Ben Price ngồi lắc léo trên chiếc xe ngựa thồ chạy đến Elmore. Đến nơi, ông lặng thinh, kín đáo rảo quanh một vòng để nắm tình hình qua chiếc gương trong cửa hàng tạp hóa nằm đối diện với tiệm giày của Ralph Spencer. Ông chăm chú quan sát thật kỹ dung mạo và dáng điệu của ông chủ trẻ. Ben Price thích thú cười :

- Thế đấy, Jimmy, chú mày lại sắp đi cưới con gái chủ ngân hàng cơ đấy !

Sáng hôm sau, Jimmy đến dùng điểm tâm bên nhà vợ. Hôm nay, anh định đi Little Rock để sắm sửa mấy món đồ chuẩn bị cho đám cưới và mua một món quà thật đáng giá cho Annabel. Kể từ lúc định cư ở Elmore đến nay, đây là lần đầu tiên anh rời thị trấn đi xa. Có lẽ không hề gì, vì tính từ vụ " làm ăn" cuối cùng đến nay đã ngót một năm rồi.

Điểm tâm xong, cả nhà Annabel đều kéo nhau đi tiễn chân Spencer - ông Adams, Annabel, cả cô chị của Annabel cùng hai cô gái nhỏ mới lên năm và lên chín. Họ đến khách sạn nơi Jimmy ở để anh lấy hành lý - chiếc vali đạo ấy. Rồi tất cả kéo nhau đến ngân hàng. ở đây, xe ngựa đang chờ Jimmy cùng với người xà ích tên Dolph Gibson để đưa anh ra ga. Ông Adams mời chàng rể quý vào ngân hàng chơi chốc lát, ông muốn khoe mọi người chiếc tủ sắt hiện đại ông vừa cho lắp đặt xong dưới tầng hầm. Đám nhân viên ngân hàng cúi chào anh răm rắp.

Đấy là một két sắt khá lớn được gắn chìm vào vách. Cửa tủ rất chắc chắn, mỗi lần quay tay nắm là ba thanh thép lớn đâm sâu, gắn chặt vào vách tủ. Trên cửa còn có cả núm khóa hện giờ tự động. Ông Adams phổng mũi giải thích những tính năng hiện

đại của chiếc két sắt cho chàng rể quý, nhưng anh ta tỏ ra không quan tâm lắm. Hai bé gái, cháu May và Agatha, con gái của người chị Annabel, tỏ vẻ thích thú lắm.

Chúng trố mắt nhìn lớp thép bóng loáng, mấy núm điều khiển tròn xoe trên cửa.

Trong khi mọi người đang lắng nghe ông Adams giải thích về cách đóng mở cửa, Ben Price từ từ bước vào, ông ta tì tay lên mặt quầy bình thản nhìn quanh. Cô nhân viên đến hỏi, ông đáp đang chờ người quen.

Bỗng có tiếng phụ nữ la thất thanh, không khí hoảng hốt bao trùm lấy khu hầm để tủ sắt. Nhân lúc người lớn đang ham chuyện, cô bé May, chín tuổi, đùa nghịch đẩy Agatha vào trong tủ rồi đóng sập cửa lại. Cô bé còn bắt chước ông ngoại, kéo tay khóa rồi vặn mấy núm điều khiển trên cửa.

Ông Adams vội nhào đến chụp lấy tay nắm lay mạnh, nhưng muộn rồi. Ông hốt hoảng kêu lên :

- Chết rồi ! Không tài nào mở được. Lại chưa kịp chỉnh số hẹn giờ mới chết!

Người mẹ thất đảm hét hớn.

Ông Adams run rẩy trấn an con gái :

- Giữ bình tĩnh đi nào ! Agatha cháu ơi ! - Ông cố gọi thật lớn - Cháu nghe ông nói không ?

Trong bầu không khí im lặng đến nghẹt thở, mọi người nghe rõ tiếng khóc la của cô bé đang bị nhốt trong hầm tối.

Người mẹ khóc nức nở, cuống quýt lên :

- Ôi, phải làm gì kia chứ! Hãy phá cửa ra ngay !

Ông Adams thất vọng, lắc đầu :

- Con ơi, phải đến mãi Little mới có người mở được loại cửa này. Ông Ralph Spencer, ta phải làm sao đây ? Con bé đến chết mất ! Trong ấy ngột lắm và đầy bóng tối nữa, con bé đến chết vì khiếp sợ thôi !

Người mẹ lúc này như phát cuồng lên, chị đập mạnh đôi tay yếu ớt vào cánh cửa thép nặng nề đầy cộm như muốn phá tung nó ra để cứu con mình. Có người hoảng quá, định lấy cốt mìn phá cửa. Nhưng làm như vậy thì còn gì cháu bé bên trong.

Annabel ngược mắt nhìn Jimmy, ánh mắt khẩn khoản đầy hi vọng. Hi vọng, vì đối với nàng, người yêu của nàng có thể làm được tất cả, ngay cả những điều kỳ diệu nhất.

- Anh Ralph, hãy giúp chị ấy đi anh.

Jimmy nhìn sâu vào mắt nàng, miệng nở một nụ cười khó hiểu. Đối với anh, yêu cầu của nàng chính là mệnh lệnh của trái tim anh. Anh nói :

- Annabel, em hãy cho anh đoá hồng trên áo em.

Cô bối ngỡ, không tin vào tai mình, nhưng vẫn đưa tay gỡ lấy cánh hồng trên áo, trao cho người yêu. Jimmy cẩn thận cài cánh hồng vào túi, rồi bắt đầu xắn tay áo. Chính qua hành động xắn áo ấy, nhân vật Ralph Spencer đã chết, và tên trộm tài danh Jimmy Valentine đã trỗi dậy từ đồng tro tàn quá khứ.

Anh nói ngắn, gọn :

- Mọi người tránh ra hết đi !

Anh mở toác chiếc vali mang theo. Và từ lúc ấy đối với anh, chung quanh như không có ai. Bằng những hành động rất chính xác, nhanh gọn, anh lấy đồ nghề ra, sắp xếp theo thứ tự sử dụng, vừa làm vừa huýt sáo nho nhỏ. Đây là một thói quen cố hữu của anh lúc đang " hành sự" . Mọi người nhìn anh trân trối.

Chỉ một phút sau, mũi khoan nhỏ của Jimmy ăn thật ngọt vào cánh cửa thép. Mười phút sau, cánh cửa mở toang. Anh đã phá cả kỷ lục chính anh lập nên qua các lần mở trước.

Cô bé Agatha té xỉu trong vòng tay mẹ. Không việc gì.

Jimmy Valentine cầm lấy áo khoác vắt trên ghế đi nhanh ra cửa. Anh nghe có tiếng kêu " Anh Ralph !" thật thân thương nhưng xa vắng làm sao. Anh vội bước đi.

Bỗng có người chặn lối anh đi.

Jimmy cười, vẫn nụ cười khó hiểu ấy :

- A, xin chào ông Ben. Ông đã đến đây ư ? Thôi ta đi nào, đến mãi bây giờ tôi mới thấy được rằng cuộc sống thật phù du vô ích.

Nhưng ông Ben Price cứ đứng yên. Ông ta nói :

- Ông Ralph Spencer, ông nhầm rồi đấy ! Tôi không hề quen ông. Hình như xe đang

chờ ông ngoài ấy ?

Nói xong, ông quay lưng đi thẳng.

TIỀN VÀ THẦN TÌNH YÊU

Nghe có tiếng xe hơi đậu, ông Anthony Rockwall - nhà công nghiệp, chủ hãng xà phòng Eureka nay đã nghỉ hưu - ngẩng lên, nhìn qua cửa sổ phòng đọc sách. Thấy người hàng xóm ở kế bên phải - lão quý tộc G. Van Schuylicht Suffolk Jones - bước xuống xe, ông tức cười. Như thường lệ, vừa chạm mặt pho tượng Ý thời Phục hưng đặt trước tiền sảnh dinh cơ của ông, lão quý tộc lại nhăn tít cái mũi khoằm khoằm lại. Cựu hoàng xà phòng lắc đầu: "Khó chịu với cái bức tượng cổ ấy làm gì cơ chứ; phải lão đừng để ý, ta đã tặng nó cho viện bảo tàng rồi... Hè tới đây, ta sẽ cho sơn lại ngôi nhà này, không biết lúc ấy cái mũi vẹt của lão còn chun tới đâu nữa!".

Vươn vai đứng dậy bước ra cửa phòng, với cái giọng rền vang như chuông vỡ, ông gọi to: "Mike!"; và khi nghe có tiếng đáp, ông bảo: "Nói với con trai ta, có đi đâu thì cũng phải vào đây một lúc đã, nhé!".

Và, khi con trai ông - một tay xóc xóc xâu chìa khóa trong túi quần, tay kia vò đầu nhưng quần áo vẫn thơm tất - bước vào, ông đặt tờ báo sang một bên, soi mói nhìn anh. Đột nhiên, ông hỏi:

- Richard, xà phòng con vẫn dùng, con trả thế nào?

Richard bối rối. Mới ra trường, về nhà chưa đến sáu tháng, chưa hiểu hết tính khí của ông già, anh lúng túng cứ như một cô gái khi đến dự buổi khiêu vũ đầu tiên trong đời.

Anh lắp bắp:

- Đâu chừng... sáu đô la một tá, bố à!

- Còn quần áo con vẫn mặc?

- Dạ... cỡ sáu mươi đô; cũng vừa phải thôi...

Ngồi nhòm dậy, vẻ dứt khoát, ông già bảo:

- Con thuộc giới thượng lưu. Bố nghe nói giới trẻ thượng lưu vẫn xài xà phòng loại

hai mươi bốn đô một tá, và quần áo chúng mặc không thứ nào dưới một trăm đô; con đâu có thiếu tiền, tội gì phải dè sẻn! Hiện nay, không phải vì tư vị mà bố vẫn xài xà phòng Eureka loại cũ; đó là loại tốt nhất đấy. Đừng có vì hà tiện mười xu mà đi mua loại xà phòng tồi; đối với thanh niên ở thế hệ của con, với vị trí xã hội như con, xài xà phòng loại năm mươi xu một bánh thì cũng cho là được đi. Bố đã nói, con thuộc giới thượng lưu; người ta vẫn thường nói là phải phấn đấu cả ba đời mới chen chân được vào giới đó, bố không tin như vậy. Cũng như dầu để nấu xà phòng, tiền bạc bôi trơn tuốt; tiền bạc sẽ đặt con vào giới thượng lưu. Nói không quá đáng chứ, nhờ có tiền, bố mới là bố, bố thô lỗ, bố cục mịch không khác mấy lão ở kế nhà mình, vậy mà bố còn phải vãi tiền ra mới được xem là cùng giới với họ...

- Cũng có thứ mà tiền không làm được đâu, bố à! – Richard rầu rĩ đáp.

Ông già tỏ ra phật ý:

- Thời buổi này mà con còn nói vậy à? Bố sẵn sàng đánh cuộc đấy. Con cứ thử tra từ đầu đến cuối quyển đại từ điển bách khoa xem, có thứ gì mà con không mua được bằng tiền không; bố đổ con đấy...

Vẻ bứt rứt, Richard đáp:

- Có đấy bố; có một thứ mà không tiền bạc nào mua được.

Ông Anthony kêu lên:

-Thật vậy sao? Đâu, con nói thử đi, có thứ gì mà tiền bạc không thể mua được đâu nào?

Richard lắc đầu.

Ông già quạu:

-Bố kêu con vào là vì chuyện ấy đấy; từ hai tuần nay bố để ý thấy hình như con có chuyện gì không ổn. Có gì mà phải buồn cơ chứ. Bố chỉ nhón tay một cái là thu được ngay mười một triệu đô la trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ, không tính của chìm. Nếu con muốn, chiếc du thuyền Rambler thả neo trong vịnh kia sẽ là của con; đổ than vào, chỉ cần hai ngày là con có thể tắm biển ở Bahamas...

Richard hiểu ý ông già muốn nói gì; anh nói giọng uể oải:

- Bố đoán gần đúng rồi đấy.

- A! - ông già nheo mắt, reo lên- Vậy thì nói đi, cô ta tên gì nào?

Richard đi đi lại lại quanh phòng; ông già tuy hay lớn tiếng nhưng coi bộ từng trải, dễ gần, có thể trút bầu tâm sự được.

Thấy Richard không trả lời, ông già lại đoán:

- Con chưa biết tên cô ta à; sao không hỏi? Bố tin là cô ta ngã vào vòng tay con ngay ấy chứ! Con có tiền này, đẹp trai này, lịch thiệp này, tay con không hôi mùi xà phòng này, con có học này... cô ta còn muốn gì nữa, hả?

- Con không có cơ hội gần gũi cô ấy. - Richard rầu rĩ đáp.

- Cơ hội...- Ông già kêu lên: - Sao không tạo cơ hội? Mời cô ta đi dạo ở công viên, đưa cô ta về nhà sau khi xem lễ, đón cô ta sau buổi hòa nhạc... Ôi dào, cơ với chả hội!

- Bố không biết ấy chứ... trong tầng lớp cô ta, giờ giấc sát sao lắm, được sắp đặt trước hàng mấy ngày... Không cưới được cô ấy, đối với con, thị trấn này chẳng khác gì chốn ngục tù u ám... Con không viết thư cho cô ấy được đâu, làm như vậy không được đâu!

- Thôi đi, ý con muốn nói tiền bố cho con chưa đủ để mua một hai giờ trò chuyện tay đôi với cô ta chứ gì?

- Trễ rồi bố à! Trưa ngày kia là cô ấy đi châu Âu học trong hai năm. Ngày mai con sẽ gặp riêng cô ấy được ít phút. Lúc này cô ấy đang ở nhà bà dì ở Larchmont, con không đến đó được, nhưng cô ấy đã nhận lời cho con đi taxi đến đón cô ấy ở ga xe lửa trung tâm lúc 8g30, từ đó tụi con phải đi thật nhanh đến rạp Wallace. Mẹ cô ấy và mấy người nữa sẽ đợi sẵn ở đó để cùng vào xem kịch với tụi con. Bố thử nghĩ, trong hoàn cảnh ấy, với sáu, bảy phút, con làm sao nói chuyện được với cô ấy, nói được gì nào? Rồi trong khi xem kịch hoặc cả sau đó nữa, còn cơ hội nào để con bày tỏ với cô ấy đây? Không, không còn cơ hội nào nữa đâu! Tiền bạc của bố không giúp gì được đâu, không mua được phút nào đâu! Nếu mua được, hẳn người giàu đã bỏ tiền ra mua để được sống lâu hơn... Từ bây giờ cho đến lúc cô ấy lên đường, không hy vọng gì kiếm ra thời gian để gặp riêng cô ấy được đâu!

Ông Anthony nheo mắt:

- Được rồi, được rồi, Richard. Giờ thì con có thể xuống câu lạc bộ chơi được rồi đấy. Bố hy vọng là con không quá si ngốc đến mức quên cả vui chơi... À, thỉnh thoảng con cũng nên vào đền thắp vài nén nhang cầu thần Mazuma phù hộ... - Ngừng một chút, ông tiếp - Tất nhiên là con không thể dùng tiền mua thêm thời gian cho mình hoặc ra lệnh cho thời gian ngừng trôi, nhưng bố thì đã nhiều lần bố trông thấy Thần Thời gian vấp té đập cả chân khi bước qua mấy cái mỏ vàng đấy!

Tối đó, lúc ông già đang đọc tờ báo buổi chiều thì cô Ellen tới; chẳng mấy chốc, cuộc chuyện trò giữa hai anh em đã xoay quanh chuyện thằng cháu si tình.

Ông già che miệng ngáp:

- Nó nói với tôi cả rồi, và tôi cũng đã nói với nó là tiền bạc của tôi là để lo cho nó, nhưng nó không tin là tiền bạc có thể lo được. Nó nói tiền bạc cũng chẳng ích gì. Nó nói là dù cho có cả chục ông triệu phú cùng xúm vào cũng không thể nào lay chuyển nổi các ước lệ xã hội...

Cô Ellen nóng nảy:

- Anh Anthony này, anh đừng nói đến chuyện tiền bạc nữa, có được không! Đối với tình yêu chân thành thì tiền bạc có ý nghĩa gì cơ chứ! Anh phải biết, tình yêu có sức mạnh vạn năng. Phải chi nó chịu nói sớm sớm một chút... Em biết, cô ta không từ chối thằng Richard nhà mình đâu. Giờ thì trễ quá rồi, thằng bé đâu còn dịp nào để ngỏ ý với cô ta nữa chứ! Tiền bạc của anh làm sao mua được hạnh phúc cho nó!

Tám giờ tối hôm sau, cô Ellen lục trong chiếc hòm một đុợc, lấy ra một chiếc nhẫn vàng trông là lạ, đem đến cho Richard. Cô bảo:

- Đây là chiếc nhẫn mẹ cháu để lại cho cô. Mẹ cháu nói là nó đem lại may mắn trong tình yêu, và dặn cô trao lại cho cháu khi nào cháu tìm được người yêu. Tối nay, cháu nhớ đeo vào tay...

Richard thành kính cầm chiếc nhẫn, ướm vào ngón tay út; nó hơi lỏng, vào quá dớt thứ hai một tí mới dừng lại. Với phong thái chững chạc của một người đã trưởng thành, anh cởi nhẫn ra, cất vào túi áo vét, xong, anh quay điện thoại gọi taxi.

Tám giờ ba mươi hai phút, anh nhìn thấy Lantry đứng lẫn trong đám đông trước cửa nhà ga. Thấy anh, cô gái nói nhanh:

- Mình phải nhanh nhanh lên mới được, đừng để mẹ phải đợi lâu!
- Tới rạp Wallace, càng nhanh càng tốt. – Richard ra lệnh cho tài xế.
-

Theo đường Bốn mươi hai, xe đổ ra đại lộ Broadway, xuôi theo làn đường dành riêng cho xe con. Đến đường Ba mươi tư, Richard đập vai tài xế, bảo dừng lại. Anh xin lỗi cô bạn, xuống xe:

- Tôi bị rớt chiếc nhẫn. Chờ tôi một phút, tôi thấy chỗ nó rơi rồi. Nhẫn mẹ tôi để lại, để mất... tôi không đành lòng...

Chưa đến một phút, anh đã quay trở lại, chiếc nhẫn trên tay.

Nhưng, trong khoảng thời gian chưa đến một phút đó, không biết từ đâu, một chiếc xe to kèn đã đậu chắn ngay phía trước chiếc taxi. Tài xế lách sang trái, cố vượt qua, nhưng vướng phải chiếc xe tải chất đầy hàng hóa; anh ta lùi xe, tính lách sang phải, lại đụng nhầm chiếc xe chở bàn ghế tử giường lớn ngổn ngang ở phía sau, lái xe không biết đã bỏ đi đâu; hết đường xoay trở, tài xế rửa thầm trong bụng, ôm vô-lăng chịu trận giữa cái mớ xe cộ vô ý thức đó.

Cô Lantry nóng nảy giục:

- Đi đi chứ, trễ quá rồi!
-

Richard nhồm lên, nhìn quanh. Cả một rừng xe – nào taxi, nào xe tải, xe con, xe tải nặng... đậu bít cả giao lộ mênh mông nơi các con đường Ba mươi tư, đại lộ số Sáu, đại lộ Broadway cắt nhau; đã vậy, từ các đường nhánh, xe cộ cứ ùn ùn đổ tới, cản sau xe trước chạm cản trước xe sau, cả cửa xe cũng bị ép cứng, không tài nào mở ra được.

Richard ngồi xuống, lắc đầu:

- Mình bị kẹt xe rồi. Ít ra cũng phải cả tiếng đồng hồ mới giải tỏa được cái mớ bòng bong này... Cũng tại tôi, phải chi chiếc nhẫn không rớt thì đâu đến nỗi...

Cô Lantry hỏi:

- Chiếc nhẫn đâu, anh cho xem...Tôi không trách anh đâu; vả lại tôi chỉ lo mẹ mong, chứ kịch thì cũng chẳng có gì đáng để xem...

Mười một giờ tối. Cửa phòng ông Anthony có tiếng gõ. Đang nằm trên giường xem dở quyển truyện phiêu lưu, ông già quát:

- Vào đi!

Đó là cô Ellen. Cô nói, không giấu nổi vẻ náo nức:

- Anh Anthony, tụi nó đính hôn rồi; cô ấy nhận lời cầu hôn của thằng Richard nhà mình rồi!...Tụi nó kẹt xe suốt hai tiếng đồng hồ, và thằng bé nhà mình đã không bỏ lỡ cơ hội...

Ngừng một chút để thở, cô nói tiếp:

- Nào, anh Anthony, giờ thì anh hết khoe của nhé! Chỉ cần một biểu tượng của tình yêu, chỉ cần một chiếc nhẫn tượng trưng cho tình yêu chân thành, chung thủy cũng đủ để thằng Richard nhà mình tìm thấy hạnh phúc... Tiền bạc thì làm sao bù được với tấm chân tình kia chứ!

Ông Anthony ngắt lời:

- Đủ rồi, đủ rồi; chỉ cần thằng bé đạt được ý nguyện là tôi mừng rồi. Tôi đã bảo, nếu nó cần thì tốn kém bao nhiêu tôi cũng không tiếc...

Cô Ellen cố cãi:

- Nhưng thử hỏi trong chuyện này, tiền bạc có đem lại được điều gì tốt đẹp không nào?!

Ông Anthony Rockwall dài giọng:

- Thôi nào, cô em; tôi đang đọc đến chỗ tên cướp bị đắm tàu đây này; để xem tiền bạc có thể cứu hãn thoát chết đuối được không... Cô để tôi đọc hết chương này đã, có được không?

Chuyện đến đây là hết. Tự thâm tâm, tôi mong là độc giả cũng hài lòng với hạnh phúc của Richard. Tuy nhiên, tôi nghĩ, nói gì thì nói, tỏ tường ngành ngọn vẫn hơn.

Sáng hôm sau, trước dinh cơ ông cự họàng xà phòng xuất hiện một người mặc áo ngắn tay, thắt chiếc cà-vạt xanh lốm đốm; anh ta rung chuông và được mời ngay vào

phòng đọc sách.

Vớ tập ngân phiếu trên bàn, ông Anthony xé một tờ:

- Đây, năm ngàn tiền mặt, thưởng cho anh về khoản dầu để nấu xà phòng...

Kelly, người mặc áo ngắn tay, nói:

-Tôi còn phải xuất thêm ba trăm đô ngoài kế hoạch nữa đó: thuê thêm chiếc xe hàng với mấy chiếc taxi hết năm đô, chiếc xe tải nặng và mấy chiếc tải nhẹ mất mười đô. Mấy người chạy mô-tô đòi mười đô, đội bốc vác đòi hai mươi đô. Cảnh sát giao thông quát tôi nặng nhất, hai người trước, mỗi người năm mươi đô; hai người sau, một người hai mươi, một người hai mươi lăm... nhưng... họ cũng làm ra trò đấy chứ, ngài Rockwall? Cũng may mà ngài Thị trưởng không nhìn thấy cảnh kẹt xe... Chẳng tập dượt gì mà giờ giấc đâu đó khít rim; đúng hai tiếng đồng hồ, không sai chạy lấy một giây...

- Một ngàn ba trăm đô, anh cầm lấy. Thưởng thêm cho anh một ngàn, còn ba trăm là để bù vào số tiền túi của anh. Anh không chê tiền chứ, anh Kelly?

- Tôi ấy à? Cứ có tiền thì bắt tôi làm mọi tôi cũng làm.

Ông Anthony gọi giật lại khi Kelly vừa ra đến cửa:

- Tôi quên hỏi, ở chỗ kẹt xe, anh có trông thấy một chú bé bụi bặm, trần truồng, giương cung bắn vãi ra bốn hướng không?

Kelly ngơ ngác:

- Sao, ông nói sao? Bắn tên vãi ra ấy à? Dààà... tôi không thấy, nhưng nếu có hẳn nó đã bị cảnh sát bắt nhốt tù trước rồi...

-Để gì bắt được nó – ông Anthony cười - Thôi chào anh, Kelly!

XUAN VỀ TRÊN THỰC ĐƠN

Đây là một ngày tháng Ba.

Không bao giờ, nên nhớ là không bao giờ bạn viết như thế khi bắt đầu một mẫu truyện. Không có câu mở đầu nào tệ hại hơn nữa. Như thế là thiếu sáng tạo, đơn điệu, khô khan, và có thể rồi chỉ có gió... Nhưng trong hoàn cảnh này, câu trên lại có thể được người đọc chấp nhận. Vì lẽ, câu văn sau đây, đánh lẽ có thể được dùng để khánh thành mẫu truyện, lại quá cường điệu và đường đột nếu ta dứ trước mắt người đọc mà thiếu sự chuẩn bị.

Sara đang khóc trên bản thực đơn của cô.

Cứ nghĩ đến một cô gái New York nhỏ nước mắt trên một bản thực đơn!

Để lý giải việc này, cho phép bạn đoán là có thể do tâm hùm không có trong thực đơn, hoặc là cô đã thề trong mùa Chay Tịnh (thời gian 40 ngày trước lễ Phục Sinh, khi nhiều tín đồ Ki-tô thực hiện nghi thức tôn giáo gồm nhịn ăn và tỏ lòng sám hối về tội lỗi của mình) là sẽ không đụng đến món kem lạnh, hoặc là cô đã lỡ gọi món hành, hoặc là cô đã có một bữa ăn thịnh soạn. Rồi khi mọi giả thuyết này đều không đúng, xin bạn vui lòng để câu chuyện được tiếp tục.

Cái ông, đã tuyên bố rằng thế giới chỉ là một con sò mà ông có thể dùng thanh gươm để tách nó ra, thì có thể gây tiếng vang lớn hơn là do ông có thực tài. Tách hai mảnh vỏ của con sò bằng gươm thì chẳng khó gì cả. Nhưng có khi nào bạn thử tách con sò trên cạn với máy đánh chữ không?

Sarah đã cố tách vỏ sò bằng vũ khí của cô. Không biết gì về tốc ký, cô không thể tham gia vào vũ trụ của những tài năng mà bạn thấy thường đi ăn trưa với đồng nghiệp của họ trong thời gian xe điện ngầm bãi công. Cô chỉ là thư ký đánh máy làm việc tự do trong những nghề kỳ lạ chuyên lo ghi chép.

Thành tựu sáng chói và danh giá nhất trong việc Sarah đấu giá với đời là sự dàn xếp

với nhà hàng Schulenberg's - một cái tên Đức. Nhà hàng này nằm kế cận toà nhà có phòng mà cô thuê trọ. Một buổi tối nọ, sau một bữa ăn đáng giá 40 cent gồm năm món (được dọn ra cho khách nhanh như khi bạn ném năm quả bóng vào ông da đen), Sarah mang đi bản thực đơn. Nó được viết bằng nét viết thảo, hầu như không ai đọc ra đây là chữ Anh hay chữ Đức, mà cách viết lại lộn xộn đến nỗi nếu bạn không cẩn thận thì bạn có thể bắt đầu bữa ăn bằng cây tăm xỉa răng, rồi đến bánh ngọt, rồi đến món súp và ngày trong tuần. (Người phương Tây bắt đầu bữa ăn bằng món súp, thường là "súp trong ngày" nếu là trong nhà hàng, cuối cùng là bánh ngọt. Vì thực đơn viết lộn xộn nên thứ tự các món ăn bị đảo lộn và lại viết không rõ ràng nên món "súp trong ngày" bị đọc thành "ngày trong tuần").

Ngày kế, Sarah cho Schulenberg xem một tờ thực đơn hoàn chỉnh, chữ đánh máy đẹp, với tên các món ăn được sắp xếp đầy hấp dẫn đúng theo nghĩa vụ của chúng và đặt dưới tiêu tựa thích hợp, từ các món ăn nhẹ đến việc không nhận trách nhiệm về áo khoác và dù của khách.

Schulenberg xem như được thực sự là công dân Mỹ ngay tại chỗ, nhờ việc chỉnh sửa ngữ pháp và chính tả trên bản thực đơn của ông! Sarah đạt được thoả thuận với ông. Cô sẽ đánh máy thực đơn cho hai mươi một bàn trong nhà hàng - một bộ thực đơn mới cho mỗi bữa ăn tối, thực đơn mới cho các bữa ăn sáng và trưa khi món ăn có nhiều thay đổi hoặc khi tờ thực đơn cũ đã nhăn nheo. Để bù lại, mỗi ngày Schulenberg cung cấp cho Sarah ba bữa ăn do một anh bồi - đầy hăng hái hết mức có thể - mang đến tận phòng trọ. Mỗi buổi chiều, Sarah sẽ nhận một bản nháp thực đơn viết bằng bút chì, thảo ra những gì mà Định Mệnh sẽ dành cho thực khách vào ngày hôm sau.

Hai bên đều hài lòng với thoả thuận này. Bây giờ thực khách của Schulenberg biết món mình ăn có tên gọi là gì, tuy đôi lúc vẫn còn hoang mang do chính bản chất lồi thoi của các món ăn ấy. Còn Sarah thì được ngày ba bữa trong mùa đông lạnh lẽo, vô vị, và chính yếu đây là điều cô cần.

Một ngày, bản niên biểu thời tiết dối trá cho là mùa xuân đã đến. Mùa xuân sẽ đến

khi nó phải đến. Tuyết của Tháng Giêng vẫn còn cố chấp bao phủ trên đường phố. Các đàn óc-gan vẫn còn chơi khúc nhạc về mùa hè, với bao âm điệu rộn rã của Tháng Mười Hai. Mọi người bắt đầu ghi chú ba mươi ngày trước để nhớ mua áo mùa Phục Sinh. Những người gác dan đã đóng vòi hơi nước (hơi nước nóng được bơm vào hệ thống ống dẫn đến các phòng để sưởi ấm). Và khi những việc như thế xảy ra, ta có thể biết rằng thành phố vẫn còn bị mùa đông siết chặt.

Một buổi chiều, Sarah run rẩy trong phòng ngủ lịch sự của cô; toà nhà được sưởi, được quét dọn kĩ càng, mọi tiện nghi đều có; phải nhìn tận mắt mới đánh giá cao được. Cô không có việc gì làm ngoại trừ mấy bản thực đơn của Schulenberg. Sarah ngồi trên chiếc ghế đu làm bằng gỗ cây liễu kêu cọt két, và nhìn ra ngoài cửa sổ. Tấm lịch trên tường khóc với cô không ngớt: “Mùa xuân đã đến, Sarrah, mùa xuân đã đến, báo cho cô biết đấy. Hãy nhìn con số của tôi đây, Sarah, các con số của tôi chỉ về mùa xuân. Cô cũng có các số đo đẹp – các số đo của mùa xuân – nhưng tại sao cô lại nhìn ta cửa sổ buồn bã thế kia?”

Phòng của Sarah nằm ở mặt sau của toà nhà. Khi nhìn qua cửa sổ, cô có thể thấy bức tường gạch đỏ không cửa sổ của một nhà máy sản xuất bao bì trên con đường kế bên. Nhưng bức tường trong suốt như thủy tinh, và Sarah đang nhìn xuống một con đường mòn dài, rợp bóng cây anh đào và cây đu, với hai bên lề lót những bụi mâm xôi và dây hồng dại.

Đội tiền quân đích thực của mùa xuân thì quá tinh tế, tai và mắt ta khó nhận ra. Người khác phải thấy có hoa huệ tây đang nở, sơn thù du, tiếng hót của chim xanh – ngay cả lời nhắc nhở thô thiển kiểu như cái bắt tay vĩnh biệt của kiều mạch và sò biển - trước khi họ có thể dang rộng tay chào đón Nàng Xuân vào vòng tay vô vị.

Vào mùa hè năm trước, Sarah đã đi về miền quê và yêu một nông gia.

Khi bạn viết truyện, không bao giờ bạn nên viết trở về quá khứ theo cách như thế. Đây là thứ nghệ thuật tồi, nó làm què quặt mọi sự chú ý. Phải tiến tới, tiến tới trước nữa.

Một tiếng gõ trên cánh cửa làm tan vỡ những mơ mộng của Sarah về những ngày

hạnh phúc ấy. Anh bồi mang bản thảo tờ thực đơn cho ngày hôm sau, do ông giá Schulenberg thảo tay bằng bút chì.

Sarah lưu lại ở trang trại Sunnybrook trong hai tuần. Ở đấy, cô đã yêu WWalter, con trai của nông dân Franklin. Mấy nông dân đã từng yêu và thành hôn rồi trở thành cỏ trong thời gian ngắn hơn. Nhưng anh trai trẻ Walter Franklin là một nhà nông học tiến bộ. Walter đã tán tỉnh và chiếm được con tim của Sarah trên con đường mòn ấy, đầy bóng mát và các bụi mâm xôi. Họ đã ngồi bên nhau và hái các nụ hoa bồ công anh để bện thành vương miện cho mái tóc của cô. Anh đã phóng đại ca ngợi vẻ đẹp của các nụ hoa vàng trên mái tóc nâu của cô, và cô đã bỏ lại sợi dây chuối của mình ở đấy, bước đi về nhà vung vẩy chiếc mũ rơm trên tay. Họ hẹn sẽ cưới nhau vào mùa xuân - Walter bảo vào lúc có những dấu hiệu đầu tiên của mùa xuân. Và rồi Sarah đã trở lại thành phố để gõ máy đánh chữ.

Sarah ngồi xuống bên cái máy đánh chữ, luồn một tờ giấy cứng giữa hai trục lăn. Bình thường cô làm khá nhanh, chỉ trong vòng một tiếng rưỡi đồng hồ là cô đánh xong hai mươi một bản thực đơn.

Hôm nay thức ăn có nhiều thay đổi hơn bình thường. Các món súp lỏng hơn, không còn có thịt heo trong các món ăn nhẹ, mà lại có rau diếp Nga trong số các món thịt nướng. Tinh thần sang trọng của mùa xuân lan tràn trên khắp bản thực đơn. Thịt cừu, vốn ngay trước đấy còn nhảy nhót trên các sườn đồi xanh, đã được khai thác với nước sốt để kỷ niệm các vũ điệu. Bài hát của sò biển, tuy không bị ngậm miệng im tiếng, đã trở nên một khúc thì thầm của mùa xuân. Cái chảo chiên được xếp xó, bất động sau mấy thanh vỉ của lò nướng. Danh sách các món bánh trái cây dài ngoằng ra; các loại bánh nhiều béo đã biến mất; xúc xích, với tấm áo dày cộm cuốn quanh, không ở nán lại lâu.

Các ngón tay của Sarah nhảnh múa như đàn chuồn chuồn lượn trên mặt nước ao mùa xuân. Cô đánh tên từng món ăn theo thứ tự từ trên xuống dưới, lấy mắt để điều chỉnh chính xác mỗi tên tùy dài ngắn.

Ngay trên các món tráng miệng là danh sách các loại rau. Cà rốt và đậu, măng tây ở

trên bánh mì nướng, các loại cà chua và ngô phục vụ quanh năm, đậu ngự, bắp cải roo - và rồi -...

Sarah đang khóc trên bản thực đơn của cô. Những giọt lệ từ sâu thẳm của mối thất vọng nào đấy dâng lên trong tim cô và trào ra khoé mắt. Cô gục đầu trên cái giá của máy đánh chữ, và các phím chữ canh cách tạo nên khúc đệm khô khan cho những nước nở của cô.

Vì cô đã không nhận được thư từ gì của Walter trong hai tuần nay, và món kế tiếp trên bản thực đơn là món rau bồ công anh, bồ công anh trộn với trứng gì đấy – nhưng để ý đến trứng làm gì! - bồ công anh với những nụ hoa vàng chói mà Walter đã dùng để phong cho cô làm nữ hoàng của tình anh và cô dâu tương lai của anh - bồ công anh, quân tiên phong của mùa xuân, vương miện của nỗi sầu thảm của cô – đã gọi lại cho cô về những ngày hạnh phúc nhất.

Thưa quý bà, tôi thách quý bà dám cười nếu quý bà trải qua ba cuộc trắc nghiệm đau khổ này: giả dụ quý bà thấy những nụ hoa hồng mà ông nhà đã tặng bà khi bà trao trọn con tim mình cho ông ấy, giờ được dùng làm món rau trộn với nước sốt Pháp, dọn lên trước mắt bà ở nhà hàng Schulenberg! Nếu nàng Juliet thấy những biểu tượng của tình yêu do chàng Romeo trao tặng bị làm nhục như thế, thì hẳn cô ấy sẽ uống thứ thuốc độc kia sớm hơn là trong tình sử mà Shakespear đã viết!

Nhưng Nàng Xuân quả là ác độc! Nàng cần gửi tín hiệu của mình đến thành phố bao la nhưng lạnh lẽo với toàn đá và sắt. Không có ai để nhờ gửi ngoại trừ anh liên lạc viên rần rở với lớp áo xanh nhám và dáng vẻ khiêm tốn. Anh chỉ là một quân sĩ phiêu lưu, cây dent-de-lion – răng sư tử, theo như giới bồi bếp Pháp gọi. Khi nở, anh giúp đỡ cho tình yêu, lông lên mái tóc nâu của cô nàng tôi; khi còn non và mọng và còn búp, anh đi vào cái nồi luộc và phát tín hiệu của cô chủ tối thượng của anh.

Dần dần, Sarah cố cầm nước mắt. Cần phải đánh máy xong các bản thực đơn, nhưng, vẫn còn chìm đắm trong cơn mơ lặng lẽ với hoa bồ công anh vàng chói, cô lơ đãng lướt các ngón tay trên bàn phím một lúc, với trí óc và con tim vẫn còn vương trên con đường mòn giữa cánh đồng với anh nông gia trẻ. Nhưng chẳng bao lâu cô đã

nhANH chóng trở lại với những đường mòn lát đá của khu Manhattan, rồi cái máy đánh chữ lại lách cách vang lên như chiếc mô tô của cảnh sát đi giải tán đám đình công.

Lúc 6 giờ, anh bồi mang bữa ăn tối đến cho cô và anh đi các bản thực đơn đánh máy. Khi Sarah ăn, với một tiếng thở dài cô gạt qua một bên đĩa rau bồ công anh trộn trứng. Khi những nụ hoa vàng chói thắm đượm tình yêu bị chuyển thể thành mớ rau đen đui thấp hèn ấy, những hy vọng mà cô ấp ủ từ mùa hè cũng héo úa, tàn tạ theo. Tình yêu có thể tự nuôi dưỡng nó, như Shakespear đã nói, nhưng Sarah không thể nuốt nổi món bồ công anh vốn khi còn là hoa cảnh đã tô điểm bàn tiệc tinh thần đầu đời được dọn cho tình cảm chân thật của con tim cô.

Lúc 7 giờ 30, đôi vợ chồng phòng bên bắt đầu cãi nhau; người đàn ông ở trên tầng trên đang thử nốt nhạc A trên cây sáo của ông, ga đốt xuống thấp hơn, ba chiếc goòng than đã bắt đầu xuống hàng – âm thanh duy nhất khiến cái máy hát ghen tức, những con mèo trên hàng rào sân sau bắt đầu rút lui. Với những dấu hiệu này, Sarah biết đây là giờ cô đọc sách. Cô lấy một quyển ra đọc, bắt đầu lang thang cùng với nhân vật chính trong truyện.

Chuông cửa kêu vang. Bà chủ trả lời. Sarah bỏ mặc nhân vật chính, nghe ngóng. Đúng thế, bạn sẽ làm y như cô! Rồi có một tiếng nói mạnh mẽ vang lên từ hành lang bên dưới, rồi Sarah phóng ra cửa, để mặc quyển sách nằm trên sàn nhà.

Bạn đã đoán đúng. Cô chạy xuống đến đầu cầu thang cùng lúc anh nông gia của cô cũng chạy đến đấy, nhảy một bước ba bậc, rồi cắt ngay lấy cô, gạt cả cô, không còn để lại gì cho dân đi mót lúa. Sarah nức nở:

- Tại sao anh không viết thư cho em? Tại sao thế?

- New York quả là một thành phố lớn. Tuần trước anh đến tìm em tại địa chỉ cũ. Lúc đấy anh mới biết là em đã dời đi hôm Thứ Năm rồi. Anh cảm thấy an ủi phần nào, vì tránh được ngày Thứ Sáu xui xẻo. Nhưng nó cũng không ngăn anh truy lùng em cùng với cảnh sát và nhiều cách khác, kể từ ngày ấy.

Sarah cả quyết:

- Em có viết thư cho anh!
- Anh không hề nhận được.
- Thế thì làm thế nào anh tìm được em?

Anh nông gia trẻ nở một nụ cười xuân:

- Tối nay anh ghé vào nhà hàng kế bên. Anh không cần biết ai là chủ; vào mùa này trong năm anh chỉ muốn ăn một món rau xanh gì đấy. Anh lướt mắt qua bản thực đơn đánh máy lịch sự ấy để tìm món như thế. Khi anh đọc xuống qua món bắp cải, anh đánh bật cái ghế ngã chổng chơ, ồm ồm gọi ông chủ. Ông ấy cho anh biết em ở đây.

Sarah thở phào vui sướng:

- Em nhớ ra rồi. Đây là món rau bồ công anh ghi dưới bắp cải.
- Anh nhận ra nét chữ W nằm cao hơn hẳn các chữ khác do máy đánh chữ của em tạo ra. Chắc đi đâu trên quả đất này anh cũng nhận ra nó!

Sarah ngạc nhiên:

- Sao thế? Trong từ “bồ công anh” không có chữ W!

Anh trai trẻ rút từ túi áo ra bản thực đơn, chỉ vào một dòng. Sarah nhận ra đấy là bản thứ nhất cô đánh máy ban chiều: ở góc bên phải vẫn còn một vết nhoè nơi một giọt nước mắt của cô rơi xuống. Nhưng trên dòng chữ nơi người ta đáng lẽ đọc được tên loại cây trên cánh đồng cỏ, tâm tư vương vấn về các nụ hoa vàng chói đã khiến các ngón tay cô gõ những phím chữ kỳ lạ.

Chen giữa hai món bắp cải và ớt xanh nhồi thịt là món:

“WALTER YÊU DẤU TRỘN TRỨNG LUỘC”

Hết

Chia sẻ ebook: <http://www.downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>